

David R. Hawkins, M.D., Ph.D.

POWER

VS

FORCE

The Hidden Determinants
of Human Behavior

Author's Official Revised Edition

[Power vs Force by David R. Hawkins.pdf](#)

NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ ẢNH HƯỞNG

Những yếu tố quyết định ẩn dấu
trong hành vi của con người

Bản chỉnh sửa chính thức của tác giả

**POWER
VS
FORCE:**

**AN ANATOMY OF
CONSCIOUSNESS**

Author's Official Authoritative Edition

~*~

**NĂNG LƯỢNG
VÀ
SỰ ẢNH HƯỞNG:**

**MỘT SỰ GIẢI PHẪU HỌC
Ý THỨC**

Bản chỉnh sửa được ủy quyền chính thức từ tác giả

Các tác phẩm khác cùng tác giả

Dissolving the Ego, Realizing the Self

Along the Path to Enlightenment

Letting Go

Healing and Recovery

Reality, Spirituality, and Modern Man

Discovery of the Presence of God: Devotional Nonduality

Transcending the Levels of Consciousness: The Stairway to Enlightenment

Truth vs. Falsehood: How to Tell the Difference

I: Reality and Subjectivity

The Eye of the I: From Which Nothing Is Hidden

Dialogues on Consciousness and Spirituality

Qualitative and Quantitative Analysis and Calibration of the Levels of Human Consciousness

Orthomolecular Psychiatry (with Linus Pauling)

**POWER
VS
FORCE:**

**AN ANATOMY OF
CONSCIOUSNESS**

The hidden determinants
of human behaviour

David R. Hawkins, M.D, Ph.D.

Author's Official Authoritative Edition

Copyright © 1995, 1998, 2004, 2012 by David R. Hawkins

*The skillful are not obvious
They appear to be simple-minded
Those who know this know the patterns of the Absolute
To know the patterns is the Subtle Power
The Subtle Power moves all things and has no name*

~*~

*Sự hiểu biết tường tận không phải là hiển nhiên
Chúng dường như giản đơn
Thứ mà những ai thấu hiểu sẽ nhận ra những mẫu hình của Sự Tuyệt Đối
Nhận ra những mẫu hình này là Năng Lượng Huyền Diệu
Năng Lượng Huyền Diệu điều khiển mọi thứ và nó vô danh*

DEDICATION – LỜI ĐỀ TẶNG

*Gloria in Excelsis Deo!*¹ - Vinh quang Thiên Chúa trên các tầng trời

¹ Tiếng Latin: Gloria in excelsis Deo, et in terra pax hominibus bonae voluntatis. – Vinh quang Thiên Chúa trên các tầng trời. Và bình an dưới thế cho người Thiện Tâm.

Kitô giáo (thuật ngữ phiên âm) hay Cơ Đốc giáo (thuật ngữ Hán-Việt)

MỤC LỤC

Mục lục	7
Dedication – Lời đề tặng	10
Original Foreword – Lời tựa nguyên gốc	11
Original Preface – Lời nói đầu nguyên gốc	17
New Foreword – Lời tựa mới	23
New Preface – Lời nói đầu mới	31
Introduction – Giới thiệu	32
Part One: Tools – Các công cụ	38
<i>Chapter 1: Critical Advances in Knowledge – Những tiến bộ quan trọng trong tri thức</i>	38
Attractors – Những sự hấp dẫn	38
Fields of Dominance – Các khu vực ưu thế	39
Critical Point Analysis – Phân tích điểm tới hạn	39
Causality – Quan hệ nhân quả	39
<i>Chapter 2: History and Methodology – Lịch sử và phương pháp (lược bỏ)</i>	43
Historical Background – Bối cảnh lịch sử	43
The Testing Technique – Kỹ thuật thử nghiệm	43
Use of the Testing Procedure in This Study – Cách sử dụng phương pháp thử nghiệm trong nghiên cứu này	43
Discrepancies – Các sự tương phản	43
Limitations – Các hạn chế	43
Disqualification – Các nguyên nhân	43
<i>Chapter 3: Test Results and Interpretation – Kết quả thử nghiệm và diễn giải</i>	43
Discussion – Thảo luận	45
<i>Chapter 4: Levels of Human Consciousness – Các mức độ ý thức của con người</i>	47
MỨC NĂNG LƯỢNG 20: SHAME - XẤU HỔ	48
MỨC NĂNG LƯỢNG 30: GUILT - TỘI LỖI	49
MỨC NĂNG LƯỢNG 50: APATHY - THỜ Ơ, VÔ CẢM	49
MỨC NĂNG LƯỢNG 75: GRIEF - ĐAU BUỒN	50
MỨC NĂNG LƯỢNG 100: FEAR - SỢ HÃI	50
MỨC NĂNG LƯỢNG 125: DESIRE - KHAO KHÁT, HAM MUỐN	51
MỨC NĂNG LƯỢNG 150: ANGER - TỨC GIẬN	52
MỨC NĂNG LƯỢNG 175: PRIDE - SỰ KIÊU HẢNH	52
MỨC NĂNG LƯỢNG 200: COURAGE - DŨNG CẢM	53
MỨC NĂNG LƯỢNG 250: NEUTRALITY - TRUNG TÍNH	54

MỨC NĂNG LƯỢNG 310: WILLINGNESS - SẴN SÀNG.....	55
MỨC NĂNG LƯỢNG 350: ACCEPTANCE - CHẤP NHẬN	56
MỨC NĂNG LƯỢNG 400: REASON - LÝ TRÍ.....	57
MỨC NĂNG LƯỢNG 500: LOVE - TÌNH YÊU	57
MỨC NĂNG LƯỢNG 540: JOY - NIỀM VUI.....	59
MỨC NĂNG LƯỢNG 600: PEACE - BÌNH AN.....	59
MỨC NĂNG LƯỢNG 700-1000: ENLIGHTENMENT - GIÁC NGỘ	60
<i>Chapter 5: Social Distribution of Consciousness Levels – Phân vùng xã hội của các mức độ ý thức</i>	61
General Description – Mô tả chung.....	61
Cultural Correlations – Các tương quan văn hóa.....	62
Progression of Consciousness – Sự phát triển của ý thức.....	63
<i>Chapter 6: New Horizons in Research – Những chân trời mới trong nghiên cứu (lược bỏ)</i>	64
Social Problems – Các vấn đề xã hội.....	64
Industrial and Scientific Research – Nghiên cứu kỹ nghệ và khoa học.....	64
Materials Research – Nghiên cứu vật liệu.....	64
Product Development – Phát triển sản phẩm	64
Scientific Inquiry – Nghiên cứu khoa học	64
Medical Science – Y học.....	64
Research in Theology, Epistemology, and Philosophy – Nghiên cứu trong thần học, nhận thức luận/tri thức luận và triết học	64
<i>Chapter 7: Everyday Critical Point Analysis – Phân tích điểm tới hạn mỗi ngày (lược bỏ).....</i>	65
Current and Historic Events – Các sự kiện trong hiện tại và quá khứ.....	65
Health Research – Nghiên cứu y tế.....	65
Criminal Justice and Police Work – Luật pháp hình sự và hoạt động giữ trật tự	65
Statistics and Methodology: Time Saving – Dữ liệu thống kê và phương pháp học: tiết kiệm thời gian	65
Politics and Government – Chính trị và chính phủ.....	65
Commerce – Thương mại	65
Science and Research – Khoa học và nghiên cứu.....	65
Clinical Work – Thử nghiệm lâm sàng.....	65
Education – Giáo dục.....	65
Spirituality – Tinh thần	65
<i>Chapter 8: The Source of Power – Nguồn gốc của năng lượng</i>	65

Part Two: Work – Kết quả	76
<i>Chapter 9: Power Patterns in Human Attitudes – Các mẫu hình năng lượng trong thái độ con người</i>	76
<i>Chapter 10: Power in Politics – Năng lượng trong chính trị (lược bỏ)</i>	81
<i>Chapter 11: Power in the Marketplace – Năng lượng trong thương trường (lược bỏ)</i> ...	85
<i>Chapter 12: Power and Sports – Năng lượng và các môn thể thao (lược bỏ)</i>	85
<i>Chapter 13: Social Power and the Human Spirit – Năng lượng xã hội và tinh thần của con người (lược bỏ)</i>	85
<i>Chapter 14: Power in the Arts – Năng lượng trong các môn nghệ thuật (lược bỏ)</i>	85
<i>Chapter 15: Genius and the Power of Creativity – Tài năng và năng lượng của sự sáng tạo (lược bỏ)</i>	85
<i>Chapter 16: Surviving Success – Thành công còn sót lại (lược bỏ)</i>	85
<i>Chapter 17: Physical Health and Power – Sức khỏe thể chất và năng lượng (lược bỏ)</i> ..	85
<i>Chapter 18: Wellness and the Disease Process – Tình trạng sức khỏe thể chất và tinh thần tốt và quá trình bệnh tật (lược bỏ)</i>	85
Part Three: Meaning – Ý nghĩa	86
<i>Chapter 19: The Database of Consciousness – Cơ sở dữ liệu của ý thức</i>	86
<i>Chapter 20: The Evolution of Consciousness – Sự phát triển của ý thức</i>	91
<i>Chapter 21: The Study of Pure Consciousness – Nghiên cứu ý thức thuần túy</i>	105
Characteristics of Pure Consciousness – Các đặc điểm của ý thức thuần túy	105
Contemporary Recognition of Higher Consciousness – Sự thừa nhận đương thời của ý thức cao hơn	108
<i>Chapter 22: Spiritual Struggle – Cuộc đấu tranh mang tính tinh thần</i>	109
<i>Chapter 23: The Search for Truth – Tìm kiếm chân lý</i>	120
Christianity – Cơ đốc giáo	121
Buddhism – Phật giáo	121
Hinduism – Đạo Hindu	122
Judaism – Đạo do thái.....	122
Islam – Đạo hồi.....	122
<i>Chapter 24: Resolution – Giải pháp</i>	128
Appendices – Phụ lục (lược bỏ)	135
<i>Appendix A Calibration of the Truth of the Chapters – Sự hiệu chỉnh chân lý trong các chương</i>	135
<i>Appendix B Map of Consciousness® - Bản đồ ý thức</i>	135

<i>Appendix C How to Calibrate the Levels of Consciousness – Làm thế nào để hiệu chỉnh các mức độ ý thức</i>	135
General Information – Thông tin chung	135
Technique – Kỹ thuật.....	135
Calibration of Specific Levels – Sự hiệu chuẩn của các mức độ cụ thể.....	135
Numerical Calibration – Hiệu chuẩn số.....	135
Applications – Các ứng dụng.....	135
To Calibrate A Level – Hiệu chỉnh mức độ A.....	135
General Information – Thông tin chung	135
Expertise – Ý kiến chuyên môn.....	135
Limitations – Các giới hạn.....	135
Explanation – Giải thích	135
Disqualification – Nguyên nhân	135
Discrepancies – Các sự tương phản	135
Note – Ghi chú.....	135
References – Tham khảo (lược bỏ)	135
End Notes – Chú giải (lược bỏ)	135
Glossary – Thuật ngữ (lược bỏ)	135
About the Author – Đôi nét về tác giả (lược bỏ)	135

ORIGINAL FOREWORD – LỜI TỰA NGUYÊN GỐC

Thử tưởng tượng nếu tất cả các câu hỏi đều có đáp án hoặc là 'Yes' hoặc là 'No'.

≈ đã lược bỏ ≈

Nếu một người học cách nói dối trong 1 giờ sau khi người đó học cách nói chuyện, sự việc này có thể trở thành khởi đầu của sự thay đổi cơ bản nhất trong sự hiểu biết của con người kể từ khi xã hội bắt đầu, sự biến đổi này có thể gây tàn phá - trong các lĩnh vực từ truyền thông đến đạo đức học, trong các khái niệm cơ bản nhất của chúng ta, trong từng khía cạnh của đời sống hàng ngày – có thể sẽ rất sâu sắc và rất khó để tưởng tượng xem cuộc sống trong một kỷ nguyên mới tiếp theo của chân lý có thể trở nên ra sao? Thế giới mà chúng ta đang biết có thể bị bắt buộc phải thay đổi, đến tận cùng gốc rễ của mình.

≈ đã lược bỏ ≈

Các nghiên cứu đầu tiên về Kinesiology² nhận được sự quan tâm của giới khoa học trong nửa sau của thế kỷ trước nhờ công của tiến sĩ George Goodheart³, người đi tiên phong trong chuyên môn mà ông gọi là ứng dụng kinesiology sau khi ông phát hiện ra rằng sự kích thích vật lý nhẹ nhàng (*benign physical stimuli*) – ví dụ như việc bổ sung dinh dưỡng có lợi – có thể làm gia tăng sức mạnh của các cơ chỉ thị (*indicator muscles*) nhất định, trong khi các kích thích gây hại (*inimical stimuli*) có thể làm cho các cơ chỉ thị này suy yếu đột ngột. *Hàm ý là ở mức độ thấp hơn nhiều so với ý thức thuộc về nhận thức (não bộ chưa kịp nhận thức được), cơ thể 'đã biết' và thông qua việc kiểm tra các cơ, cơ thể có thể đưa ra các tín hiệu cho biết cái gì tốt và xấu cho nó.*

≈ đã lược bỏ ≈

² Thuật ngữ Kinesiology có nghĩa là "nghiên cứu về sự vận động", và ngành học về Kinesiology bao gồm các tiểu ngành sinh lý học tập thể dục, cơ chế sinh học, tâm lý học thể thao và tập thể dục, huấn luyện thể lực và y học thể thao, quản lý thể thao, giáo dục thể chất, thể dục và nâng cao sức khỏe.

³ George Joseph Goodheart, Jr., D.C. (18/8/1918 – 5/3/2008) người chữa bệnh bằng phương pháp nắn khớp xương, ông đã sáng lập ra việc ứng dụng kinesiology.

Trong cuối những năm 70, tiến sĩ John Diamond⁴ đã cải tiến chuyên môn trên thành một môn học mới mà ông ấy gọi là nghiên cứu về *sự vận động của hành vi (behavioral kinesiology)*. Phát hiện đáng ngạc nhiên của tiến sĩ Diamond là việc các cơ chỉ thị có thể mạnh hơn hoặc suy yếu khi có sự hiện diện của *các kích thích liên quan đến cảm xúc và tinh thần (emotional and intellectual stimuli)* – tích cực hoặc tiêu cực, cũng giống như các kích thích vật lý (*physical stimuli*). **Một nụ cười có thể làm cho bạn có kết quả ‘test’⁵ *strong* – cánh tay sẽ bị khóa (cố định) như cũ’ và câu nói ‘tôi ghét bạn’ sẽ khiến bạn ‘test weak – cánh tay sẽ không thể bị khóa (cố định) như cũ và rơi/buông thông xuống’.**

≈ đã lược bỏ ≈

Để thực hiện bài **test vận động (kinesiological test)** cần 2 người. Một người là bạn và người còn lại là bạn hoặc là người thân của bạn. Chúng tôi sẽ gọi người đó là ‘chủ thể của bạn - your subject’

1. Chủ thể của bạn đứng thẳng, tay phải người đó duỗi thoải mái theo cơ thể, tay trái giơ ra, song song với sàn nhà, cùi chỏ thẳng (có thể đổi thứ tự tay nếu muốn).
2. Bạn đối mặt với chủ thể và đặt tay trái của bạn lên vai phải của để giữ chắc người đó. Sau đó đặt tay phải của bạn đúng trên cổ tay của người đó (phần tay trái đang dang rộng)
3. Nói với chủ thể của bạn rằng bạn sẽ cố gắng đẩy tay trái của người đó xuống và người đó sẽ chống lại bằng tất cả sức mạnh của mình.
4. Bắt đầu đẩy tay của người đó xuống thật nhanh, kiên quyết và đều lực. Mục đích là chỉ đẩy đủ lực để kiểm tra tính co giãn và đàn hồi (*spring and bounce*) của cánh tay mà không đẩy quá mạnh khiến các cơ bị mỏi. Nó không phải để xác định xem ai mạnh hơn mà chỉ để tự hỏi liệu các cơ có thể ‘khóa’ khớp vai chống lại lực đẩy hay không?

Giả sử không có vấn đề vật lý với các cơ và chủ thể bình thường, tâm trạng thoải mái, đang không nhận các kích thích ngoại lai (*no extraneous stimuli*) (vì lý do này nên việc quan trọng là người làm test (bạn) không cười hoặc tương tác lại với chủ thể của mình), các cơ sẽ ‘test strong’ – cánh tay sẽ bị khóa (cố định) như cũ. Nếu bài test được lặp đi lặp lại với sự hiện diện của các kích thích tiêu cực (ví dụ, chất làm ngọt nhân tạo) thì ‘mặc dù

⁴ John Diamond (born 9 August 1934) is a physician and author on holistic health and creativity (là bác sĩ và là tác giả về sự sáng tạo và sức khỏe toàn diện)

⁵ Bài test được Diamond phác thảo trong cuốn sách *Your Body Doesn't Lie* (1979) của ông, được ông sửa đổi từ các mô tả cổ điển trong cuốn *Muscles: Testing and Function* (Baltimore: Williams & Wilkins, 2nd ed., 1971) của H. O. Kendall

lần này bạn đẩy xuống không mạnh như những lần trước thì các cơ vẫn sẽ không thể kháng cự lại sức ép từ bạn và tay của chủ thể sẽ buông thông xuống’.

Nghiên cứu của Diamond có tính thống nhất trong phản ứng của các chủ thể làm thí nghiệm. Các kết quả nghiên cứu của ông có thể dự đoán được, có thể lặp lại và phổ cập. Kết quả giống nhau cả khi không có sự liên kết hợp lý tồn tại giữa các *kích thích* và *sự phản hồi* (*stimulus and response*). Vì những lý do hoàn toàn không xác định, những ký hiệu trừu tượng nhất định đã gây cho tất cả các chủ thể kết quả ‘test weak’ và ngược lại ở một số khác. Một số kết quả đang gây bối rối: những hình ảnh nhất định (ảnh dấu các nội dung tích cực và tiêu cực) có thể làm cho tất cả chủ thể bị ‘test weak’, trong khi những hình ảnh “trung lập” khác làm cho tất cả các chủ thể được ‘test strong’. Và một vài kết quả đáng kể phỏng đoán: trong khi hầu như tất cả *âm nhạc cổ điển* (*classical*⁶ *music*) và hầu hết *nhạc phổ thông* (*pop*⁷ *music*) (bao gồm rock n roll⁸ ‘cổ điển’) đã tạo ra phản hồi mạnh mẽ khắp nơi, còn nhạc rock “hard” hay “metal” phổ biến cuối những năm 70 lại tạo ra phản hồi yếu ớt ở khắp nơi.

Có một hiện tượng khác mà Diamond đã ghi nhận lại mà không phân tích sâu hơn hàm ý lạ lùng của nó. Các chủ thể nghe các đoạn băng ghi âm và nhận thấy sự lừa gạt - Lyndon Johnson biểu diễn trò chơi khăm Tonkin Gulf, Edward Kennedy là một tác nhân trong *biến cố Chappaquiddick* (*Chappaquiddick incident*⁹) – đa số có ‘test weak’. Trong khi nghe những bản ghi âm về các phát biểu về chân lý, có thể chứng minh thì đa số họ đều có ‘test strong’. Đây là điểm khởi đầu của việc mà tác giả - bác sĩ và bác sĩ về tâm thần nổi tiếng David R. Hawkins làm trong cuốn sách này. Năm 1975, tiến sĩ Hawkins bắt đầu nghiên cứu về *sự phản hồi vận động học* (*kinesiologic response*) đối với *chân lý* (*truth*) và *sự giả dối* (*falsehood*).

Được hình thành bằng cách kiểm tra các chủ thể không cần bất kỳ sự hiểu biết nào ở mức ý thức với thực thể (hay vấn đề) được thí nghiệm. Trong các nghiên cứu *mù đôi* -

⁶ Cổ điển, thuộc về truyền thống lâu đời

⁷ Pop viết tắt của từ “popular”, phổ thông và rất phổ biến trong đại chúng

⁸ Ca từ đơn giản, phóng khoáng, cách trình bày sôi động hết mình với khán giả của ca sĩ, cùng với sự mới lạ và mạnh mẽ bởi các dụng cụ chơi nhạc đa số là kết hợp điện tử như : Ghi ta điện, trống, organ,...

⁹ Là vụ tai nạn do một chiếc xe đâm xuống sông (single-vehicle car accident) tại đảo Chappaquiddick Island, Massachusetts vào 18/7/1969, gây ra bởi sự cầu thả của thượng nghị sĩ Mỹ Ted Kennedy và làm cho người phụ nữ đồng hành 28 tuổi Mary Jo Kopechne chết do bị kẹt trong xe. Tuy nhiên, sau khi điều tra người ta tin rằng Edward M. Kennedy đã vô tình điều chỉnh chiếc xe và sự điều chỉnh đã góp phần gây ra cái chết cho cô gái.

*double-blind*¹⁰ - và trong các buổi diễn thuyết tập trung liên quan đến toàn bộ các khán giả nghe diễn thuyết – các chủ thể đa số có ‘test weak’ tương ứng với các phong bì chứa các viên làm ngọt nhân tạo không được làm dấu và ‘strong’ ứng với các phong bì chứa giả được giống hệt.

Cái dường như đang hoạt động/xảy ra là một dạng của *ý thức mang tính cộng đồng* (*communal consciousness*), *linh hồn của vạn vật* (*spiritus mundi*¹¹), hay như Hawkins gọi nó theo Jung¹² là một ‘*cơ sở dữ liệu của ý thức*’ (*database of consciousness*). Các hiện tượng thông thường trong các loài động vật có tính xã hội khác – tại sao một con cá đang bơi lội ven bờ của một trường học sẽ đổi hướng ngay lập tức khi một nhóm nghiên cứu sinh cách xa chúng ¼ dặm để trốn khỏi kẻ săn mồi – gắn liền với một số hành động bản năng đối với giống loài của chúng như vậy. Đơn giản là có quá nhiều trường hợp các cá nhân có sự hiểu biết rõ ràng các thông tin, đã trải nghiệm trực tiếp với những sự việc hơi xa lạ, để không nhìn nhận rằng đó là các dạng kiến thức đã được chia sẻ, trừ khi chúng được chấp nhận bởi các ý thức hợp lý. Con người cho rằng cái (mà họ cho là đúng) là đúng. – Chỉ tin cái bản thân muốn tin. Hoặc có lẽ, đơn giản hơn, sự sắc sảo giống nhau của sự khôn ngoan ít hợp lý hơn bên trong, có thể tách rời sự khỏe mạnh khỏi sự không khỏe mạnh, có thể tách biệt sự đúng đắn khỏi sự sai trái (Bỏ đi “định kiến” mới có thể thấy được “bản chất” thật sự).

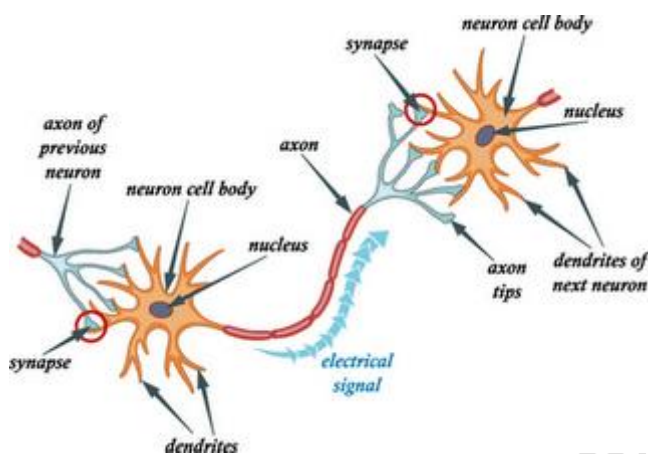
Một yếu tố gợi ý mức độ cao của hiện tượng này là *bản chất nhị phân/nhị nguyên* hay *bản chất kép* (*binary nature*) của sự phản hồi (Chọn một trong hai. Tương tự Yes – No question, câu trả lời sẽ là yes hoặc no; Với phản hồi thì sẽ là phản hồi A hoặc B. A và B là đối lập, ví dụ tích cực – tiêu cực). Hawkins đã phát hiện ra rằng các câu hỏi phải được diễn đạt để câu trả lời rõ ràng là yes hoặc no, giống như khớp nối giữa các *dây thần kinh* (*nerve synapse*) có *kết nối hay không* (*on or off*), nó cũng giống như các dạng tế bào cơ bản nhất của ‘*sự hiểu biết - knowledge*’; giống rất nhiều cái mà các nhà vật lý học tiên tiến nói với chúng ta là *bản chất quan trọng của năng lượng mang tính vũ trụ* (*essential nature of*

¹⁰ Tất cả các đối tượng tham gia thí nghiệm đều không biết trước quá trình thí nghiệm

¹¹ Là thuật ngữ Latin có nghĩa đen là linh hồn của vạn vật – world spirit, thuật ngữ này được sử dụng bởi W.B. Yeats mô tả tập hợp các linh hồn của vạn vật bao gồm tất cả các ký ức vĩnh cửu

¹² Là Carl Gustav Jung, một bác sĩ tâm thần, một nhà tâm lý học Thụy Sĩ. Nổi tiếng nhờ ông thành lập một trường phái Tâm Lý học mới có tên là "Tâm Lý Học Phân Tích" ('analytical psychology') nhằm phân biệt với trường phái "Phân Tâm Học" ('psychoanalysis') của Sigmund Freud.

universal energy). Bộ não của con người, ở một vài mức độ nguyên sơ, một cỗ máy vi tính kì lạ kết nối với khoảng không rộng lớn của năng lượng vũ trụ, liệu chúng có hiểu biết sâu sắc hơn cái mà chúng biết là chúng biết hay không?



Dù điều đó có đúng đi nữa. Trong các nghiên cứu kéo dài của tiến sĩ Hawkins, khám phá hay nhất của ông là cách thức phân độ trên một thước đo *chân lý tương đối* (*relative truth*) cho các *lập trường trí tuệ* (*intellectual positions*), các phát biểu, hay các *ý thức hệ* (*ideologies*), có thể được phân loại trong phạm vi từ 1 đến 1000. **Hawkins có thể xác định mức độ chân lý tương đối (phạm vi từ 1 – 1000) cho các lập trường, phát biểu, hay ý thức hệ. Chân lý tương đối của một phát biểu, ví dụ như Tuyên ngôn độc lập được Hawkins hiệu chỉnh ở mức 700/1000).** **Hàm ý lớn lao của các sự hiệu chuẩn này là lần đầu trong lịch sử loài người, giá trị tư tưởng (ideological validity) có thể được đánh giá như là một phẩm chất bẩm sinh (innate quality) của bất kỳ chủ thể nào.**

Thông qua 20 năm hiệu chuẩn tương tự, Hawkins có thể phân tích *quang phổ hoàn chỉnh* (*full spectrum*) của các *mức độ ý thức con người* (*levels of human consciousness*), phát triển *bản đồ hấp dẫn* (*fascinating map*) địa lý học thông qua những trải nghiệm trong đời của người đó. *Sự giải phẫu ý thức* (*anatomy of consciousness*) này tạo ra một *hồ sơ nhân thể hoàn chỉnh* (*entire human condition*), cho phép phân tích toàn diện *sự phát triển về mặt tinh thần và cảm xúc* (*emotional and spiritual development*) của các cá nhân, các xã hội và sự cạnh tranh trong tập thể. Quan điểm quá sâu sắc và có ảnh hưởng sâu rộng cung cấp không chỉ một sự hiểu biết mới về *cuộc hành trình của con người trong vũ trụ* (*man's journey in the universe*) mà nó còn dẫn lối cho tất cả chúng ta về việc chúng ta và những người hàng xóm của chúng ta đang ở nơi nào trên những *nấc thang giác ngộ về mặt tinh thần* (*ladder of spiritual enlightenment*), và trong chuyến hành trình riêng của chính mình để trở thành người mà chúng ta có thể trở thành.

Trong tác phẩm này, tiến sĩ Hawkins mang đến thành quả của nhiều thập kỷ nghiên cứu và nhìn thấu sự rực rỡ sâu sắc của các khám phá mang tính cách mạng trong *vật lý hạt nâng cao (advanced particle physics)* và *động lực học phi tuyến (nonlinear dynamics)*. Lần đầu tiên trong văn khố trí tuệ phương Tây, ông ấy cho thấy rằng ánh sáng lãnh đạo của khoa học đang thừa nhận rằng *sự huyền bí và các thánh thần (mystics and saints)* đã luôn nói về bản thân, chúa trời, và *bản chất của thực tại (nature of reality)*. Nhìn vào sự tồn tại, bản chất và thánh thần cho thấy một bức tranh về mối quan hệ của con người đối với vũ trụ duy nhất bên trong khả năng tiếp nhận của chính nó để thỏa mãn cả *tâm hồn và lý trí (soul and reason)*. *Thành quả to lớn cả về trí tuệ và tinh thần ở đây, nhiều hơn những thứ bạn có thể lấy, và nhiều hơn nữa những thứ bạn có thể giữ lại cho riêng mình. - There is a rich intellectual and spiritual harvest here, much that you can take, and much more that you can give yourself.*

Turn the page. The future starts now.

Sang trang. Tương lai bắt đầu ngay lúc này.

E. Whalen, chỉnh sửa

Nhà xuất bản Bard Press

Arizona, 1995

ORIGINAL PREFACE – LỜI NÓI ĐẦU NGUYÊN GỐC

≈·đã lược bỏ·≈

Tiến sĩ Diamond tiến xa hơn, bằng việc khám phá ra rằng sự phản hồi vận động học phản ánh *cơ thể người (human organism)* có khả năng tách rời không chỉ tính tích cực khỏi các kích thích tiêu cực, mà còn tách rời *sự đồng hóa - anabolic* (tăng cường sự sống - life-enhancing) khỏi *sự dị hóa - catabolic* (phá hủy sự sống - life-consuming), và đáng chú ý nhất là tách rời đúng khỏi sai.

≈·đã lược bỏ·≈

Phản ứng cơ tích cực xảy ra để phản hồi lại một tuyên bố đúng dẫn khách quan; phản hồi tiêu cực xảy ra nếu chủ thể kiểm tra được tiếp xúc với một phát biểu sai lầm. Hiện tượng này xảy ra một cách độc lập với chủ kiến và sự hiểu biết về chủ đề đó của chính chủ thể kiểm tra, nó vượt qua phương diện văn hóa trong nhiều cộng đồng và nhất quán theo thời gian.

≈·đã lược bỏ·≈

Các các mức độ nhận thức của con người phân thành các cấp năng lượng (degree of power) được xếp trong một thang chia độ ý thức từ 1 đến 1000. Phân tầng năng lượng có liên quan đến các mức độ ý thức đối với tất cả các những gì mà người đó đã trải qua.

≈·đã lược bỏ·≈

Sự phân tầng (stratification) các mức độ năng lượng trong cảm xúc của con người (power in human affairs) hé lộ sự khác biệt đáng chú ý giữa năng lượng và sự ảnh hưởng với phẩm cách riêng (respective qualities) của mỗi người. Điều này dẫn đến việc khám phá các khu vực năng lượng vô hình (invisible energy fields) điều khiển hành vi để giải thích rõ ràng về hành vi của con người. Ngay lập tức, thang phân độ

tương ứng với các phân lớp biểu lộ rõ ràng trong *hệ thống triết học vĩnh cửu (the hierarchy of the perennial philosophy)*; sự tương quan với các hiện tượng cảm xúc và tinh thần trong *xã hội học (sociology)*, *tâm lý học lâm sàng (clinical psychology)*, *phân tích tâm lý/ phân tâm học (psychoanalysis)* và *tâm linh truyền thống (traditional spirituality)*.

Thang phân độ được xây dựng dựa trên các khám phá trong vật lý lý thuyết nâng cao và động lực học phi tuyến của *thuyết hỗn loạn/thuyết hỗn mang (chaos theory)*. Các mức phân độ đại diện cho những khu vực hấp dẫn năng lượng ở trong *khu vực của bản thân ý thức (domain of consciousness itself)*, là nơi kiểm soát đời sống con người và vì thế nó thể hiện nội dung, ý nghĩa và giá trị, và nó hoạt động như các *năng lượng cấu thành (organizing energies) những khuôn mẫu/mẫu hình/chuẩn mực phổ biến (widespread patterns)* trong hành vi của con người.

Sự phân tầng các khu vực hấp dẫn này dựa theo các mức độ tương ứng của ý thức, nó cung cấp một *thế giới quan mới (new paradigm)* để *tái cơ cấu (recontextualize) các trải nghiệm của một người trong suốt cuộc đời họ (human experience throughout all time)*. Trên thực tế, đây là sự tiếp cận “một thông tin” dù có tồn tại - nhưng không thể tiếp cận, hứa hẹn sẽ đem đến giá trị tuyệt vời cả trong lịch sử nghiên cứu và lợi ích to lớn có thể mang lại cho tương lai loài người.

≈đã lược bỏ≈

Cuốn sách này cho thấy chỉ cần một khám phá khởi đầu về tiềm năng/khả năng để nâng cao sự hiểu biết của chúng ta trong cả nghệ thuật và khoa học. Nó giống như một *sự hỗ trợ trong sự phát triển tinh thần (aid in spiritual growth)* và *sự mở mang (maturation)* đến các mức độ mở rộng nhất của ý thức, thậm chí là *bản thân sự giác ngộ (enlightenment itself)*.

≈đã lược bỏ≈

Với quan niệm rằng bất cứ điều gì hay bất cứ ai, bất cứ đâu, tại bất cứ thời điểm nào đều có thể biết được, ban đầu sẽ tạo ra một cú sốc đối với *thế giới quan (paradigm)*. Các quan niệm *bất định vị/phi định xứ (nonlocality)*, *khách quan (impersonality)* và *tính vũ trụ của bản thân ý thức (universality of consciousness itself)*; và đặc biệt là quan niệm về khả

năng quan sát *các suy nghĩ và các động cơ (thoughts and motivations)* của một người và chúng rõ ràng lên theo thời gian. **Mọi suy nghĩ và hành động của một người để lại một dấu vết vĩnh viễn không thể xóa bỏ (indelible trace forever) trong vũ trụ.**

Như trường hợp của việc khám phá ra các sóng vô tuyến hay các tia x là sự mở mang bất thành linh đối với nhận thức của chúng ta về các hoạt động của vũ trụ, điều này không chỉ cho phép mà còn yêu cầu tái cơ cấu thế giới quan của chúng ta. Hàm ý của các kiến thức mới yêu cầu sự tái cơ cấu các ý tưởng cũ, để nó trở thành một hoàn cảnh lớn hơn. Sự tái cơ cấu một cách khoa học các hành vi của con người có thể phơi bày ra các cấu trúc cơ bản là nền tảng của các vấn đề cá nhân và xã hội.

Bởi vì *khách thể (subject matter)* thực tế đơn giản dị thường, nhưng khó để thể hiện rõ trong một thế giới say mê sự phức tạp (*enamored of complexity*). Mặc cho sự hồ nghi (*mistrust*) của chúng ta về sự đơn giản hóa (*simplification*), có thể thấy có 2 loại người nói chung trên thế giới: *những người tin và những người không tin (believers and nonbelievers)*. Đối với những người không tin, mọi thứ là sai trái cho đến khi được chứng minh là đúng; đối với những người tin, mọi thứ gọi là *có thiện ý (in good faith)* có thể đúng đắn trừ khi nó được chứng minh là sai. *Thái độ bi quan (pessimistic position)* của chủ nghĩa hoài nghi thích chỉ trích xuất phát từ sự sợ hãi. Nhiều *thái độ lạc quan (optimistic manner)* chấp nhận các thông tin phát sinh từ chính sự tự tin. Thậm chí các chương trình kiểu mẫu, tất cả chúng có đều có những *ưu và khuyết điểm riêng (pros and cons)*. Tôi đã gặp phải, do đó, với vấn đề về trình bày dữ liệu ở một mức độ nào đó sẽ thỏa mãn cả 2 phương pháp tiếp cận.

Cuốn sách này, do đó, viết theo phong cách nghịch hợp¹³ để thuận tiện cho việc lĩnh hội cả bằng cả não trái và não phải¹⁴. Trong thực tế, chúng ta biết mọi thứ nhờ việc thừa nhận khuôn mẫu toàn diện (holistic pattern-recognition). Cách dễ dàng nhất để nắm bắt một khái niệm hoàn toàn mới đơn giản là bởi sự quen thuộc. Dạng hiểu

¹³ Oxymoron “phép nghịch hợp”, là khi hai khái niệm trái ngược được đặt cạnh nhau để tạo ra một hiệu ứng mang tính thơ ca

¹⁴ Bộ não của chúng ta được chia làm hai bán cầu, mỗi bên thực hiện các chức năng khác nhau. Và việc sử dụng bán cầu não phải hay trái nhiều hơn sẽ quyết định những kỹ năng và sở thích của chúng ta.

Bán cầu não trái có chức năng ngôn ngữ, chịu trách nhiệm xử lý những thông tin mà con người nghe được và đưa ra những câu trả lời phù hợp. Ngoài ra, bán cầu não trái giúp con người giải quyết các vấn đề liên quan tới logic và tính toán chính xác.

Bán cầu não phải chủ yếu chịu trách nhiệm về khả năng không gian, nhận diện khuôn mặt và cảm thụ âm nhạc. Nó cũng có thể xử lý các thông tin liên quan tới toán học, nhưng chủ yếu là ước lượng sơ bộ và so sánh. Bên cạnh đó, não phải giúp chúng ta hiểu được ý nghĩa của hình ảnh. Nó đóng một phần vai trò đặc biệt trong ngôn ngữ, giúp ta giải thích bối cảnh trò chuyện và âm điệu của người đối diện.

biết này được xây dựng bởi một lỗi biên soạn đặc trưng là 'sự khép kín – closure'. Thay vì chỉ sử dụng các tính từ rải rác hay các ví dụ để bày tỏ suy nghĩ, chúng được thay đổi vị trí và hoàn thành bằng cách sử dụng *sự lặp lại (repetition)*. Khái niệm này sau đó 'được chấp nhận – done' và 'tâm hồn – mind' trở nên thư thái.

Ý tưởng phải bắt đầu từ chương 1 và đọc dần cho đến cuối là khái niệm chỉ phù hợp với não trái. Đó là đường mòn đi bộ của *vật lý học thuyết Newton (Newtonian physics)*, dựa trên một tầm nhìn hạn chế và giới hạn về thế giới trong tất cả các sự kiện giả định xảy ra liên tục theo trình tự $A \rightarrow B \rightarrow C$. *Dạng cận thị/ tầm nhìn ngắn (myopia)* phát sinh từ một thế giới quan lỗi thời về thực tế. Tầm nhìn rộng lớn và toàn diện hơn của chúng ta vẽ ra không chỉ trên bản chất của phần lớn vật lý học, toán học và *thuyết phi tuyến (nonlinear theory)* nâng cao, mà còn trên *các trực giác (intuitions)* có thể được xác nhận bằng việc trải nghiệm bởi bất kỳ ai.

Nói chung, thách thức trong việc trình bày nằm trong *nghịch lý¹⁵ (paradox)* bao gồm các khái niệm phi tuyến trong tuyến tính, *cấu trúc câu này sang câu khác (sentence-by-sentence structure)*. Lĩnh vực khoa học nơi dữ liệu thể hiện bản chất phức tạp và đủ khó khăn: vật lý học lý thuyết nâng cao và toán học của nó; sự vận động phi tuyến; học thuyết hỗn mang và toán học của nó; vận động học hành vi nâng cao; *sinh học thần kinh (neurobiology)*; *thuyết dòng chảy rối (turbulence theory)*; cũng như những cân nhắc mang tính triết học về *nhận thức học và bản thể học (epistemology and ontology)*. Ngoài điều này ra, cần đề cập đến bản chất của bản thân ý thức của con người, một khu vực chưa được khám phá, thuộc phạm vi mà khoa học tất cả đều thoái lui. Để hiểu chắc chắn các đối tượng này từ một *quan điểm trí tuệ thuần khiết (purely intellectual viewpoint)* có thể trở thành một kế hoạch khó khăn táo bạo, cần cả đời để nghiên cứu. Thay vì thử làm một việc ghê gớm như thế, tôi đã cố gắng để chất lọc ra bản chất của mỗi chủ thể và chỉ làm việc với những bản chất ấy.

Thậm chí một nỗ lực đơn giản để giải thích sự hoạch động của kỹ thuật kiểm tra cơ bản cho cuốn sách này, dường như bắt đầu vượt quá các quy tắc đã biết của vũ trụ, chắc chắn sẽ dẫn chúng ta vào lãnh thổ trí tuệ của *vật lý lý thuyết nâng cao (advanced theoretical physics)*, *động lực học phi tuyến (nonlinear dynamics)* và *lý thuyết hỗn độn và thuyết hỗn*

¹⁵ Nghịch lý là một khẳng định có vẻ như mâu thuẫn với chính nó, nhưng có thể đúng (hoặc đồng thời có thể sai). Một số nghịch lý logic được biết đến là lý luận sai lầm nhưng vẫn có giá trị trong việc thúc đẩy tư duy phản biện.

loạn/thuyết hỗn mang (chaos theory). Vì vậy, tôi đã cố gắng để trình bày các môn chủ đề này càng nhiều càng tốt bằng những khái niệm không chuyên. Không cần phải lo lắng rằng cần có một số *khả năng trí tuệ uyên bác (erudite intellectual capacity)* để tiêu hóa tài liệu này. Không phải vậy; Chúng ta sẽ xoay quanh các khái niệm tương tự lặp đi lặp lại cho đến khi chúng trở nên rõ ràng. Mỗi lần chúng tôi quay trở lại và giải thích bằng một ví dụ, chúng ta sẽ hiểu sâu hơn. Loại học tập này giống như quan sát vùng đất mới từ trên máy bay: lướt qua lần đầu, mọi thứ trông không quen thuộc; Vòng lại lần thứ hai, chúng ta thấy một số điểm quen quen; Lần thứ ba, nó bắt đầu có ý nghĩa, và cuối cùng chúng ta đã đạt được sự quen thuộc thông qua tiếp xúc đơn giản. Cơ chế thừa nhận một khuôn mẫu bẩm sinh của tâm trí sẽ lo phần còn lại.

Tâm trí con người cá nhân giống như một máy tính kết nối với một cơ sở dữ liệu khổng lồ. Cơ sở dữ liệu chính là ý thức con người, trong đó ý thức của chúng ta chỉ đơn thuần là một biểu hiện cá nhân, nhưng với nguồn gốc của nó trong ý thức chung của tất cả nhân loại. Cơ sở dữ liệu này là lĩnh vực của tài năng (Genius); Bởi vì để được con người là tham gia vào cơ sở dữ liệu, tất cả mọi người, bởi đức hạnh của sự ra đời của họ, có quyền truy cập vào tài năng/năng lực đặc biệt này. Thông tin không giới hạn chứa trong cơ sở dữ liệu bây giờ đã được hiển thị để có sẵn cho bất cứ ai trong một vài giây, bất cứ lúc nào và ở bất cứ nơi nào. Đây thực sự là một khám phá đáng kinh ngạc, mang lại sức mạnh để thay đổi cuộc sống, cả cá nhân và tập thể, đến một mức độ chưa bao giờ được dự đoán.

≈ đã lược bỏ ≈

Chúng ta có trong tầm tay của chúng ta một phương tiện để phân biệt chính xác chân lý từ sự giả dối, có thể thực hiện được từ những điều không khả thi, từ thiện. Chúng ta có thể soi sáng các lực lượng ẩn, cho đến nay vẫn bị bỏ qua, xác định hành vi của con người. Chúng tôi có theo cách của chúng tôi một phương tiện để tìm câu trả lời cho các vấn đề cá nhân và xã hội chưa được giải quyết trước đây. Sự giả dối không còn cần phải ảnh hưởng đến cuộc sống của chúng ta nữa.

≈ đã lược bỏ ≈

Trẻ em hưởng ứng một việc ngay lập tức và làm theo với niềm vui. Không lấy gì làm ngạc nhiên. Vì chúng luôn biết rằng chúng được kết nối với cơ sở dữ liệu; Người lớn chúng ta chỉ đơn thuần quên nó. Các tài năng bẩm sinh của trẻ em thể hiện ra bên ngoài, đó là lý do tại sao trẻ em thấy rằng hoàng đế không mặc bất kỳ quần áo gì. Tài năng là như thế.

Tôi sẽ thành công nếu cuối cùng bạn kêu lên, "Tôi luôn biết điều đó!" Những gì có trong đây chỉ là sự phản chiếu những gì bạn đã biết, nhưng bạn không biết là mình biết. Tất cả những gì tôi hy vọng làm ở đây là kết nối các dấu chấm để cho hình ảnh ẩn hiện ra.

Cuốn sách này đưa ra một lời hứa rất lớn, có lẽ là lời hứa lớn nhất đã từng được thực hiện cho bạn. Nó có thể cung cấp cho bạn các phương tiện mà bạn có thể phát hiện nếu bạn đang bị lừa dối.

≈ đã lược bỏ ≈

Hy vọng của tôi với tư cách tác giả là công việc này có thể lùi lại được những nguồn đau đớn, đau khổ và thất bại, và hỗ trợ sự tiến hóa của ý thức con người trong mỗi chúng ta để tăng lên mức độ vui tươi, đó là cốt lõi của kinh nghiệm của con người.

≈ đã lược bỏ ≈

David R. Hawkins, M.D., Ph.D.

Viện nghiên cứu tinh thần

Sedona, Arizona, 1995

NEW FOREWORD – LỜI TỰA MỚI

≈·đã lược bỏ·≈

Cuốn sách này mang lại cho con người sự kết hợp thuyết phục nhất của nó cho đến bây giờ giữa thế giới tuyến tính của logic, lý trí và khoa học với thực tế phi tuyến tính của tình yêu, niềm vui, cái đẹp, *sự tự siêu nghiệm*¹⁶ (*self-transcendence*), kết hợp *huyền bí* và *giác ngộ* (*mystica and enlightenment*)

Tiến sĩ David R. Hawkins là một tác giả nổi tiếng thế giới, bác sĩ tâm thần, bác sĩ lâm sàng¹⁷, giáo viên tâm linh, và nhà nghiên cứu về ý thức. Tác phẩm độc đáo của ông phát sinh từ suối nguồn của lòng trắc ẩn mang tính vũ trụ và được dành riêng cho sự an ủi trên khắp thế giới và mọi cõi.

Bằng cách khẳng định thực tế mang tính tinh thần chính là bản chất của cuộc sống con người và *thần học* (*Divinity*) chính là nguồn gốc của ý thức, công trình này cho thấy mọi khía cạnh trong sự trải nghiệm của con người sẽ trở thành biểu hiện của và là con đường dẫn tới *sự tối hậu*¹⁸ (*the Ultimate*).

≈·đã lược bỏ·≈

Tiến sĩ Hawkins làm việc với *cái bệnh tật nhất của bệnh tật* (*sickest of the sick*). Phương pháp của ông ấy giải quyết vấn đề chữa lành và làm bệnh nhân khá hơn thông qua vật lý, tâm thần và các mức độ tinh thần. Các nghiên cứu của tiến sĩ Hawkin đã xác nhận các trạng thái hạnh phúc và tình yêu mà người nghiện ma túy và nghiện rượu tìm kiếm, họ có thể tìm ra bên trong chính mình, thông qua cố gắng nội tại và sự thuận theo.

What the addict is seeking is not to be ashamed of. The whole spiritual world wants to reach that blissful state of consciousness.

Change your technique, not your aspiration. The state doesn't have to be sought; it is always within us.

¹⁶ Siêu nghiệm là ngoài kinh nghiệm

¹⁷ Lâm sàng là căn cứ trên quan sát người bệnh trực tiếp và lý luận trên cơ sở của những "triệu chứng" mà mình thấy, nghe, sờ và ngửi được.

¹⁸ Tối hậu là cuối cùng, không còn có thể có gì khác nữa

Những gì người nghiệm đang tìm kiếm không phải là điều xấu hổ. Toàn bộ thế giới tâm linh muốn đạt tới trạng thái hạnh phúc của ý thức.

Thay đổi phương pháp của bạn chứ không phải mong muốn của bạn. Trạng thái không cần phải tìm kiếm; Nó luôn ở bên trong chúng ta.

≈ đã lược bỏ ≈

Cuốn sách này, Power vs. Force, truyền đi một bước đột phá lớn cho tâm hồn con người, nó phá vỡ các kích thích của ý thức mà trước đây chỉ được biết đến đối với các nhà thần bí trong lịch sử. Như vậy, khả năng *thấu triệt rõ ràng (direct realization)* về thực tại (hay bất cứ tên gọi nào khác), luôn luôn khẳng định ý nghĩa hàng đầu của *thế giới vô hình (unseen)*.

*The outer work can never be small
if the inner work is great.*

*Kết cấu bên ngoài có thể không bao giờ
nhỏ bé nếu kết cấu bên trong vĩ đại*

*And the outer work can never be great
if the inner work is small.*

*Và kết cấu bên ngoài có thể không bao
giờ vĩ đại nếu kết cấu bên trong nhỏ bé*

~ Meister Eckhart, nhà “huyền bí/huyền nhiệm” đạo cơ đốc ở thế kỷ 14 (14th-century Christian mystic)

Meister Eckhart đã chỉ cho chúng ta nhận ra **sự rộng lớn bên trong (inner greatness)** của chúng ta bởi mọi thứ trong thế giới hữu hình đều xuất phát từ **nội giới/không gian bên trong (inner planes)**. Giống như tiến sĩ Hawkins viết trong trang mở đầu của cuốn sách:

Sự hiểu biết tường tận không phải là hiển nhiên

Chúng dường như giản đơn

*Thứ mà những ai thấu hiểu sẽ nhận ra những chuẩn mực
về sự tuyệt đối*

Nhận ra những chuẩn mực này là sức mạnh huyền diệu

Sức mạnh huyền diệu điều khiển mọi thứ và

nó vô danh

≈ đã lược bỏ ≈

Bản đồ ý thức (Map of Consciousness) nổi tiếng của Hawkin đã khẳng định rằng **các trạng thái (stages) mang tính cổ điển của sự tiến hóa bên trong của con người đã được tìm thấy trong văn học tôn giáo trên thế giới là điều có thực, các mẫu hình thu hút/hấp dẫn (attractor patterns) và các khu vực năng lượng (energy fields) có thể đo lường được.** Các mức độ này đã được các triết gia, thần thánh, hiền triết và nhà huyền bí gọi ra qua nhiều thế kỉ; nhưng chưa bao giờ có một khuôn khổ khoa học để hiểu chúng và từ đó, tiến tới *tự do tối hậu (ultimate freedom)*. Bản đồ ý thức không bị ảnh hưởng bởi tín ngưỡng và sự nhầm lẫn lâm sàng trong việc mô tả sự tiến bộ mang tính cảm xúc, quan điểm của Chúa, quan điểm bản thân và quan điểm cuộc sống, do đó, nó chính xác với từng mức độ ý thức.

Năng lượng và sự ảnh hưởng thể hiện một sự thuyết phục logic về giải phẫu học đối với ý thức, nó thiết kế/tạo ra cung tiến hóa mang tính tinh thần của con người từ biểu hiện ở mức độ thấp nhất (sự xấu hổ) cho đến cao nhất (sự giác ngộ). Nó làm rõ sự duy nhất của tất cả tạo vật bằng sự tiết lộ bản chất năng lượng của mọi vật đang tồn tại – cả con người lẫn không phải con người, cả thế giới hữu hình lẫn vô hình. Tất cả sự sống đều được tiết lộ để trở thành một *bản giao hưởng nhịp nhàng (pulsating symphony)* của các năng lượng đang tương tác lẫn nhau: “*Sự phụ thuộc lẫn nhau và thâm nhập vào nhau của tất cả mọi thứ có thể thấy giống như là một phần của thuyết nhị nguyên¹⁹. Sự duy nhất là trung tâm của tất cả các tôn giáo và các hệ thống tinh thần giống như thực tại tối hậu (ultimate reality) là nền tảng và nội tại của tất cả các dạng thức. – The mutual dependence and interpenetration of all things is observable as one leaves duality. Oneness is central to all of the major religions and spiritual systems as the ultimate reality underlying and within all forms.*”

Cuốn sách này cung cấp lời giải thích thực tế và lâm sàng để chắc chắn các nguyên lý cốt lõi được nắm bắt chính xác đối với các nền văn hóa: tình yêu mạnh mẽ hơn sự thù hận, chân lý làm chúng ta thanh thản; tha thứ giải phóng cả 2 bên; sự chữa lành của tình yêu vô điều kiện; truyền đi lòng dũng cảm; và bản chất của thần học/thực tế là hòa bình.

¹⁹ Thuyết nhị nguyên là một học thuyết triết học thừa nhận sự tồn tại độc lập của hai thực thể. Có nhiều dạng nhị nguyên, một trong số đó là thuyết nhị nguyên về triết học xem vật chất và ý thức (hay tinh thần), tạo thành hai nguồn gốc của thế giới. Đây là quan điểm của một số nhà triết học trong việc giải quyết mặt thứ nhất vấn đề cơ bản của triết học: ý thức và vật chất thì cái nào có trước, cái nào có sau, cái nào quyết định cái nào.

Trong khi những điều này từ lâu đã là một sự hiểu biết mang tính trực giác trong các tổ chức về tâm linh con người và đã được khẳng định bởi những nhà huyền bí hiếm có, những người đã từng trải qua. Chúng ta bây giờ đã có bản đồ mô hình hóa mang tính khoa học và dễ dàng tiếp cận, nó sẽ chỉ ra con đường để giải thoát con người (human freedom).

Các mức độ ý thức (“các vùng năng lượng”) được hiệu chỉnh theo ảnh hưởng có thể đo lường được của chúng. Với mỗi sự gia tăng tiến bộ trong mức độ ý thức, “tần số - frequency” hay “rung động – vibration” của năng lượng sẽ tăng lên. Do đó, ý thức cao hơn sẽ phát ra năng lượng có lợi và chữa lành cho thế giới, và có thể kiểm soát chúng thông qua sự phản hồi của các cơ, chúng sẽ vẫn giữ nguyên (strong) đối với tình yêu và chân lý. Ngược lại các khu vực năng lượng tiêu cực hay không chính xác tạo ra sự phản hồi yếu ớt (weak). Những điều làm suy yếu năng lượng của cuộc sống cần phải tránh là sự xấu hổ, tội lỗi, nhảm lẫn, sợ hãi, căm ghét, kiêu căng, tuyệt vọng và giả dối (shame, guilt, confusion, fear, hatred, pride, hopelessness, and falsehood). Những điều tăng cường sự sống cần được hiểu rõ là chân lý, can đảm, chấp nhận, lý trí, tình yêu, vẻ đẹp, niềm vui và an bình (truth, courage, acceptance, reason, love, beauty, joy, and peace).

Việc khám phá ra sự khác biệt giữa “năng lượng” và “sự ảnh hưởng” ảnh hưởng trên nhiều lĩnh vực cố gắng của con người như kinh doanh, quảng cáo, giáo dục, tâm lý, y khoa, luật và các mối quan hệ quốc tế.

≈ đã lược bỏ ≈

Năng lượng và sự ảnh hưởng tạo nên một sự phân chia tâm thời đầu tiên của các mức độ cao nhất của ý thức con người (tự nhận thức, trống rỗng, hư vô và trọn vẹn, đầy giác ngộ) (Self-Realization, the Void, Nothingness vs. Allness, Full Enlightenment) và các hiện tượng đặc biệt của chúng.

Tiến sĩ Hawkin mô tả các giai đoạn của sự giác ngộ với một mức độ rõ ràng, chỉ ra sự nhận thức dựa trên kinh nghiệm của chúng. Cuối cùng, chúng ta không thể vẽ ra một bản đồ về nơi mà chúng ta chưa từng đến. Có sự hiện diện của một trạng thái ý thức rất tiến bộ, với tất cả các đặc tính cổ điển: nhận thức nguyên sơ của thực tại tối hậu, lòng trắc ẩn cho vạn vật, sự cống hiến không mệt mỏi để giảm bớt sự khổ đau, sự chính xác và tao nhã trong mỗi từ và mỗi chuyển động, sự tự do của sinh vật, tự nhiên, niềm vui lan tỏa, hài

hước, sự duy nhất với tất cả sự tồn tại, và sự sâu sắc của việc thuận theo đối với “*thực tại*” (*Reality*), điều mà người bình thường không thể tưởng tượng ra được.

≈ đã lược bỏ ≈

The gift of this work to human evolvment is beyond what can be said about it.

Món quà cho công việc này đối với sự tiến hóa của con người là vượt qua cái có thể được nói đến.

Không có bản đồ trong tay, chúng ta không tìm thấy được kho báu. Con đường này mở ra cho tất cả những ai lựa chọn nó. Tất cả chúng ta đều có những xuất phát điểm khác nhau, những tất cả chúng ta đều điều khiển bánh lái tương lai của chúng ta bằng chính đôi tay của mình. “*Hãy tử tế và tha thứ cho mọi chuyện và mọi người, bao gồm cả bản thân, trong mọi lúc mà không có ngoại lệ nào cả. - Be kind and forgiving to everything and everyone, including yourself, at all times without exception.*”

“*Nhất thể thành tâm - Devotional Nonduality*²⁰” là phản ứng, sự hòa hợp những thứ mà trước đây chúng ta xem nó như những mặt đối nghịch: trái tim và tâm trí, trong chuyến hành trình khám phá bản thân. Những lời giảng về Nhất thể thành tâm nhấn mạnh những chân lý cốt lõi của những truyền thống mang tính tinh thần vĩ đại trên thế giới: sự tử tế và lòng trắc ẩn đối với người và vật (bao gồm bản thân), *khiêm tốn, vị tha, bình dị, yêu thương (humility, forgiveness, simplicity, lovingness)* như cách thức để tồn tại, lòng tôn kính đối với tất cả những gì thuộc về sự sống, chân thành đối với chân lý và sự thuận theo đối với Chúa trời. Đó là con đường trực tiếp để giác ngộ, trong đó mỗi sự phát triển bên trong của tình yêu và sự toàn vẹn thúc đẩy toàn bộ sự sống: “*Chúng ta thay đổi thế giới không phải bằng những thứ chúng ta nói hay làm mà là bằng kết quả của cái chúng ta trở thành. - We change the world not by what we say or do but as a consequence of what we have become.*”

– **Yếu chỉ của Thiền tông** –

“Giáo ngoại biệt truyền

Bất lập văn tự

Trực chỉ nhân tâm

²⁰ Nonduality tiếng Sanskrit gọi là “Advaita”, tiếng Việt là “Bất nhị” hay “vô nhị” hay còn gọi là “nhất thể” (oneness) là “không phân biệt đối với tất cả mọi hiện tượng”, là tâm thức của một người hợp nhất với môi trường xung quanh.

Kiến tính thành Phật”

~*~

Truyền giáo pháp ngoài kinh điển

Không lập văn tự

Chỉ thẳng tâm người

Thấy chân tính thành Phật

Văn tự kinh điển là Giáo tích chưa phải Giáo thể. Giáo tích là dấu chân của giáo pháp, Giáo thể là nguyên hình của giáo pháp. Ví như người tìm voi thấy được dấu chân voi, tuy biết được hướng đi của nó, song chưa thấy nguyên hình của nó. Nếu người tìm voi chỉ biết nghiên cứu dấu chân voi rồi hài lòng thỏa mãn nơi đó, thì ngàn đời cũng không thấy được con voi. Đây là bệnh của học giả thời đại xưa kia và hiện nay. Vì thế câu “*chẳng lập văn tự, truyền ngoài giáo lý*” mang sẵn tính chất trị bệnh và đầy đủ tinh thần chỉ bày sự thật. Thiền tông cốt chỉ cho chúng ta thấy đạo qua mọi phương tiện, đừng mắc kẹt phương tiện mà quên đạo.

“*Chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật*”. Đạo không phải cái gì xa xôi huyền diệu, chính là Tâm thể của chúng sanh. Nếu người nhận ra Tâm chân thật của chính mình, sự tu hành không sớm thì chầy cũng sẽ thành Phật. Tâm chân thật này cũng gọi là Tánh giác hay Phật tánh. Thấy được Tánh giác thì thành Phật không nghi, vì đã biết Phật nhân nhất định sẽ đến Phật quả. Chỉ cho người nhận được Bản tâm mình là chủ đích của Thiền tông.

Lục tổ Huệ Năng cũng bộc lộ cái nhìn về thiền qua bài kệ:

“Bồ đề bản vô thụ - Bồ đề vốn chẳng phải cây.

Minh kính diệc phi đài - Gương sáng cũng chẳng phải đài

Bản lai vô nhất vật - Xưa nay vốn không một vật,

Hà xử hữu trần ai” - Nơi nào dính bụi trần?

~*~

“Xưa nay không một vật” là ý chỉ đầu tiên của Huệ Năng. Qua ý chỉ này Thiền của Huệ Năng trở nên có cương lĩnh, độc đáo, đối nghịch hẳn với cơ bản loại Thiền định kiểu “quét sạch bụi trần”. Nếu tâm vốn thường thanh tịnh, không cấu nhiễm thì tại sao nó cần phải được phủi bụi, mà bụi ấy vốn không có chỗ nào để dấy khởi? Phải chăng việc “quét bụi” này cũng giống như việc “canh chừng tâm ý”, là một tiến trình không được bảo chứng của các hành giả Thiền? Việc quét bụi quả thực là một sự sắp xếp hoàn toàn không cần

thiết. Nếu như toàn thể pháp giới này lưu xuất từ tâm, tại sao không để nó sinh khởi theo ý muốn? Cố gắng ngăn chặn sự sinh khởi ấy bằng cách “canh chừng tâm ý” – có phải điều này đang quấy rầy tâm chẳng? Điều hợp lý và tự nhiên nhất đối với tâm là hãy trả về cho nó hoạt dụng sáng tạo và chiếu soi.

≈·đã lược bỏ·≈

“Khám phá ra thứ làm giảm bớt sự khổ đau – trách nhiệm của một người là chia sẻ nó với những người khác để họ cũng được hưởng lợi. - To discover something that relieves suffering — it’s one’s responsibility to share it with others so that they are benefited.” Alexander Fleming²¹.

≈·đã lược bỏ·≈

Thông tin và mạch văn tổng thể của cuốn sách này chứa đựng năng lượng để chẩn đoán và giải quyết tất cả các sự tắc nghẽn và đau khổ bên trong. Nó hoạt động như một enzyme tạo thuận lợi mang tính tinh thần để giảm bớt sự đau khổ. Khi tiếp xúc, nó kích thích các cơ chế bẩm sinh của sự tự chữa lành, tự nhận thức và sự phát triển bên trong đối với tâm lý con người.

≈·đã lược bỏ·≈

Chúng ta sống trong một thế giới bị đánh dấu bởi sự đau đớn vật chất, tinh thần và cảm xúc. Cái chúng ta có thể học về những nguồn lực chưa được khai thác bên trong bản thân là gì? Chính xác thì cái gì là ảnh hưởng của một con người hay một nhóm người tỏa ra sự yêu thương, sự chấp nhận và lòng trắc ẩn? Thật sự là ý thức của chúng ta có thể nắm giữ năng lượng để thúc đẩy không chỉ chính chúng ta mà còn cả thế giới? Cuốn sách này nói “*đúng thế - yes*”.

Tiến sĩ đưa cho chúng ta cơ hội để đạt tới sự giải thoát (liberation) bằng cách chỉ ra con đường. Bằng việc tái cơ cấu chân lý mang tính tinh thần cao vào một khuôn

²¹ Một bác sĩ, nhà sinh học và đồng thời là một nhà dược lý học người Scotland, ông đã tìm ra và phân tách được penicilin – được coi là loại kháng sinh đầu tiên trong việc điều trị những bệnh nhiễm trùng.

khổ nói lên những suy nghĩ tuyến tính và logic, ông ấy xóa đi rào cản hơn nhất của người đó để mở rộng ý thức: *sự nghi ngờ mang tính trí tuệ (intellectual doubt)*.

Như bất kỳ bậc phụ huynh đều biết để giải thích những vấn đề người lớn cho trẻ em hiểu được luôn cần dùng đến tình yêu. Đó là luôn là khó khăn của bậc hiền triết: làm thế nào để truyền đạt những thực tế phi tuyến tính nằm ngoài tầm với của tâm trí bằng cách mà tâm trí ấy có thể hiểu được.

≈đã lược bỏ≈

Hawkin làm được điều đó. Ông ấy nói: “*Chân lý về cái tôi của một người có thể được khám phá ra trong cuộc sống hàng ngày. Sống với sự chăm sóc và lòng tử tế là tất cả những gì chúng ta cần. Phần còn lại sẽ hé lộ chính nó vào đúng thời điểm. Những việc tầm thường và chúa trời không có gì khác nhau cả. - The truth of one's Self can be discovered in everyday life. To live with care and kindness is all that is necessary. The rest reveals itself in due time. The commonplace and God are not distinct.*”

Ông khẳng định vẻ đẹp của cuộc sống hàng ngày và sự thiêng liêng của mỗi sự tương tác: “*Tình yêu của chúng ta dành cho nhau không khác gì so với tình yêu chúng ta dành cho chúa trời. – Our love for each other is not different than our love for God.*”

Thực tế cốt lõi là: hiểu được bản chất của mọi thứ chính là thấu tỏ Chúa trời.

The radical Reality is: to understand the essence of anything is to know God.

Fran Grace, Ph.D., người chỉnh sửa

Giáo sư Nghiên cứu Tôn giáo và Quản trị viên Phòng Thiền

Trường đại học Redlands, California

Giám đốc sáng lập, Viện chiêm niệm cuộc sống Sedona, Arizona

December 2011

NEW PREFACE – LỜI NÓI ĐẦU MỚI

≈ đã lược bỏ ≈

Cuốn sách truyền đi hi vọng. Nó mô tả một cách chắc chắn chứ không phải sự phỏng đoán. Nó giới thiệu sự khả thi của sự tự thấu hiểu bản thân.

The book transmits hope. It defines certainty in contrast to guesswork. It introduces the possibility of self-verification.

≈ đã lược bỏ ≈

Người ta có thể tìm ra câu trả lời cho một vấn đề chỉ trong vài giây. Do đó, phương pháp được mô tả trong cuốn sách này rất thực dụng.

One could find out the answer in a matter of seconds. So the method described in this book is highly pragmatic.

Thế giới quan tâm đến những thứ nghe có vẻ tốt, nhưng trong thực tế có thể là bất hạnh. Quan trọng là nhận biết bản chất của nó từ vẻ bề ngoài. Những thứ xuất hiện thật hấp dẫn nhưng cuối cùng rồi lại vỡ tan thành nhiều mảnh. Những thứ xuất hiện một cách tràn tục lại trở thành thực thể truyền sức mạnh phía sau cho sự cố gắng.

The world is interested in what sounds good which, in practice, can be disastrous. It is important to differentiate essence from appearance. Things that appear attractive end up falling apart. Things that appear mundane prove to be the supportive reality behind the effort.

Vinh quang thiên chúa trên các tầng trời!

David R. Hawkins, M.D., Ph.D.

Viện trưởng Viện nghiên cứu tinh thần

Sedona, Arizona

December 2011

INTRODUCTION – GIỚI THIỆU

Tất cả sự nỗ lực của con người đều có điểm chung, mục tiêu không nói ra của sự hiểu biết hoặc sự ảnh hưởng đến kinh nghiệm của con người. Với mục đích này, người ta đã phát triển ra nhiều môn học về mô tả và phân tích như: đạo đức, triết học, tâm lý học và v.v.... Một số lượng đáng kinh ngạc về thời gian và tiền bạc đã được đầu tư vào việc thu thập và phân tích dữ liệu trong nỗ lực dự đoán xu hướng của con người. Tiềm ẩn trong việc nghiên cứu điên cuồng này là sự mong đợi tìm ra được “câu trả lời” sau cùng. “Câu trả lời”, chúng ta dường như cứ nhắc lại đi nhắc lại mãi để tin tưởng, rằng sẽ, một khi tìm thấy, cho phép chúng ta giải quyết những vấn đề về kinh tế, tội phạm, y tế quốc gia hoặc chính trị. Nhưng cho đến nay, chúng ta vẫn chưa giải quyết được điều gì.

Không phải chúng ta thiếu dữ liệu - chúng ta hầu như chìm ngập trong dữ liệu. Sự trở ngại là chúng ta không có những công cụ thích hợp để làm sáng tỏ ý nghĩa của những dữ liệu mà chúng ta có. Chúng ta vẫn chưa đặt ra được những câu hỏi đúng bởi chúng ta không có một thang đo đầy đủ về sự liên quan hay tính chính xác từ những câu hỏi của chúng ta.

Thế tiến thoái lưỡng nan (song đề) của con người – bây giờ và luôn luôn – đã được người ta nhận diện nhầm như hiện vật trí tuệ của chính mình trên thực tế. Nhưng những giả thuyết giả mạo này chỉ đơn thuần là những sản phẩm của một sự nhận thức tùy tiện. **Những câu trả lời không thỏa đáng mà chúng ta nhận được là hậu quả trực tiếp của những hạn chế tiềm ẩn trong quan điểm của người hỏi.** Những sai sót nhỏ trong việc hình thành những câu hỏi gây ra những lỗi gộp trong những câu trả lời tiếp theo.

Sự hiểu biết không đơn thuần xuất phát từ việc kiểm tra dữ liệu, nó đến từ việc kiểm tra dữ liệu trong một bối cảnh cụ thể. **Dữ liệu vô dụng cho đến khi chúng ta biết nó có ý nghĩa gì. Để hiểu ý nghĩa của nó, chúng ta không chỉ cần đặt ra đúng câu hỏi mà chúng ta còn cần những công cụ phù hợp để đo lường dữ liệu trong một quá trình phân loại và mô tả có ý nghĩa.**

Hầu hết các hành vi của con người vẫn không thể giải đoán được bất chấp mọi cố gắng để thấu hiểu nó sâu sắc. **Các hệ thống mà chúng ta đã tạo ra để đạt được sự thấu hiểu có thể có vẻ như bao quát và ấn tượng. Nhưng lần lượt lại dẫn chúng ta đến một ngõ cụt bởi vì những hạn chế vốn có trong thiết kế ban đầu.** Ngay khi chúng ta khám phá ra bản chất của các vấn đề của con người, nó trở nên rõ ràng rằng không bao giờ có

một thước đo thực nghiệm đáng tin cậy để đo lường và giải thích những động cơ và kinh nghiệm của con người qua quá trình lịch sử.

Triết học trong tất cả các nhánh của nó cố gắng để hiểu kinh nghiệm của con người bằng cách tạo ra những khái niệm trừu tượng và thể chấp sự phù hợp của chúng với một vài tính xác thực sau cùng/cơ bản. Những hệ thống chính trị đều tất thảy dựa trên những giả định về giá trị tương đối của con người không có đủ bất kì cơ sở thực tế nào chúng mình được. Tất cả các hệ thống đạo đức chuyển thành những nỗ lực tùy ý để giảm đi sự phức tạp cực kì lớn của hành vi con người thành những loại thông dụng của đúng và sai. Phân tích tâm lý con người, trong việc phơi bày sự vô thức, đã phức tạp tình trạng rối ren này, dấy lên một chuỗi hoang mang về những phương pháp điều trị và những khái luận về tâm lý được suy ra từ những quan điểm khác nhau. Sự nhầm nhứ liên tục này trong nỗ lực của con người để hiểu chính mình cuối cùng cũng tạo ra một bãi lầy ngữ nghĩa trong đó, cuối cùng, bất cứ điều gì người ta có thể nói thì có lẽ đúng ở một mức độ nào đấy. **Bởi vì sự không chắc chắn về bản chất chính xác của quan hệ nhân quả, ngay cả khi thu được kết quả đo lường, chúng có thể là đối tượng được gán cho những nguyên do giả tạo.**

Những lỗi không tránh khỏi của tất cả các hệ tư tưởng đã có, chủ yếu là: (1) không phân biệt giữa chủ quan và khách quan; (2) bất chấp sự hạn chế về bối cảnh vốn có trong thiết kế và thuật ngữ cơ bản; (3) sự thiếu hiểu biết về ý thức của bản thân; (4) hiểu lầm về bản chất của quan hệ nhân quả. Hậu quả của những thiếu sót này sẽ trở nên rõ ràng ngay khi chúng ta khám phá ra những phạm vi chính của kinh nghiệm của con người từ một góc độ mới, với những công cụ mới.

Xã hội không ngừng dùng những nỗ lực của nó để sửa chữa những kết quả, thay vì những nguyên do, đó là lý do tại sao sự tiến hoá ý thức của con người tiến hành rất chậm. Nhân loại chỉ thực sự vừa mới bước lên nấc thang đầu tiên; chúng ta vẫn chưa giải quyết được ngay cả những vấn đề nguyên thủy như nạn đói trên thế giới. Các thành tựu của nhân loại, trên thực tế, cho đến nay có nhiều ấn tượng về việc đạt được – hầu như mù quáng – thông qua sự thử nghiệm và mắc sai lầm. Trong khi tìm kiếm những giải pháp một cách ngẫu nhiên đã dẫn đến một mê cung phức tạp khó hiểu, những câu trả lời đúng thì luôn có những dấu hiệu của sự đơn giản. Về cơ bản quy luật của vũ trụ là nền kinh tế. Vũ trụ không lãng phí một hạt cơ bản nào; tất cả đều phục vụ cho một mục đích và phù hợp thành một sự cân bằng – không có những trường hợp không liên quan (ngoại lai).

Con người bị mắc kẹt với sự thiếu hiểu biết về chính bản thân mình cho đến khi có thể học cách nhìn xa hơn những nguyên nhân bên ngoài. Từ ghi chép của con người, chúng ta có thể nhận thấy rằng những câu trả lời không bao giờ phát sinh từ việc xác định cái gọi là “những nguyên nhân” trên thế giới. Thay vào đó, xác định các điều kiện làm nền tảng cho những nguyên nhân bên ngoài mới là việc cần thiết; và những điều kiện này chỉ tồn tại trong chính ý thức của con người. Không có câu trả lời cuối cùng để bất kì vấn đề nào có thể được tìm thấy bằng cách tách biệt chuỗi các sự kiện và chiếu lên chúng một khái niệm tinh thần của “quan hệ nhân quả”. Không có những nguyên nhân thực tế nào trong thế giới quan sát được. Như cách chúng ta sẽ chứng minh, thế giới quan sát được là một thế giới của những tác động.

Sự tiên lượng (prognosis) đối với loài người là gì? Là xã hội bằng *đức hạnh (virtue)* của chính nó, sở hữu những hệ thống nhỏ hỗn loạn, sự trốn chạy khỏi *ý niệm hy sinh mù quáng (juggernaut)*, vốn đã cam chịu/ chấp nhận điều này? Triển vọng này làm nền tảng cho một sự lo sợ xã hội nói chung về tương lai. Các cuộc thăm dò quốc tế chỉ ra mức độ cao của sự bất hạnh ở khắp mọi nơi trên thế giới, thậm chí ở những quốc gia tiên tiến nhất. Trong khi đa số người dân để cho một cái nhìn bi quan dẫn lối chính mình và cầu nguyện cho một cuộc sống tốt đẹp hơn ở “kiếp sau”, số ít những người nhìn xa hơn thấy trước được một tương lai không tương không thể mô tả những cách thức (phương tiện) cần thiết để mang nó xảy ra. Xã hội cần những người nhìn xa trông rộng các cách thức (phương tiện), không phải những người mộng mơ về các mục đích. Một khi chúng ta có những cách thức, các mục đích sẽ tự bộc lộ mình.

Khó khăn trong việc tìm kiếm những cách thức hiệu quả để giảm thiểu chính nó, nhờ vào kiểm tra, với sự bất lực của chúng ta trong việc phân biệt điều cần thiết với không cần thiết. Cho đến giờ, chưa có hệ thống nào cung cấp một phương pháp mà theo đó để phân biệt mạnh mẽ và những giải pháp hiệu quả từ những cái không hiệu quả và yếu kém. Bản thân những cách thức đánh giá của chúng ta đã vốn không có khả năng thực hiện đánh giá thực tiễn.

Sự lựa chọn của xã hội, luôn luôn, là kết quả của phương tiện, sai lầm thống kê, cảm tính, áp lực từ truyền thông hay chính trị, hay thành kiến cá nhân và quyền lợi. Các quyết định quan trọng ảnh hưởng đến cuộc sống của con người trên hành tinh được đưa ra dưới những điều kiện đó hầu như bảo đảm thất bại. Bởi vì **xã hội thiếu cơ sở thực tế cần thiết cho việc bày tỏ những cách giải quyết vấn đề một cách hiệu quả**, họ rút lui, hết lần này

đến lần khác, **dựa vào một phương pháp để gây sự ảnh hưởng (force) (bằng những biểu hiện khác nhau – chẳng hạn như chiến tranh, luật pháp, thuế, những quy tắc và quy định), cái mà cực kì tốn kém, thay vì sử dụng năng lượng (power), cái rất kinh tế.**

Đạo Trời bớt chỗ dư bù chỗ thiếu. Mặt khác Đạo theo Lão tử là một nguyên lý quân bình, cho nên không cho cái gì thái quá hay bất cập. Vì vậy, người ta thường muốn làm cho đời trị mà thành ra làm cho đời loạn, càng muốn trị bao nhiêu thì lại càng loạn bấy nhiêu. Do đó, đừng có ham can thiệp vào việc đời và nếu cần làm thì hãy làm cái không làm “vì vô vi”, một cách kín đáo và khéo léo. Vô Vi, *không phải là không làm gì cả, mà nghĩa là không làm mà không có gì là không làm, làm một cách hết sức tự nhiên và kín đáo, đem cái tự nhiên mà giúp một cách tự nhiên, không tư tâm, không vị kỷ.* Người thi ân không biết là thi ân, người thọ ân không dè là thọ ân. Bậc thánh nhân trị nước nước dùng đến đạo vô vi, dân không hay là mình bị trị. – Đạo đức kinh – Lão tử

Con người có hai loại năng lực làm việc cơ bản, lý do và cảm giác, và cả hai vốn đều không đáng tin cậy, như lịch sử của chúng ta về đời sống riêng tư cá nhân và khả năng sống tập thể là minh chứng. Dù chúng ta gán lý do cho hành động của mình, con người trong thực tế hoạt động chủ yếu thoát ra khỏi nhận dạng mẫu; **sự sắp xếp hợp dữ liệu hợp lý phục vụ chủ yếu là để tăng cường một hệ thống nhận dạng mẫu, mà sau đó trở thành cái gọi là “chân lý”.** Nhưng không bao giờ có cái gì là “chân lý”, ngoại trừ trong những trường hợp nhất định, và sau đó chỉ từ một quan điểm cá nhân, không được nhắc đến một cách đặc trưng.

Kết quả là, con người thận trọng suy luận rằng tất cả các vấn đề của mình đều phát sinh từ khó khăn của “sự hiểu biết”. Cuối cùng, tinh thần đạt tới nhận thức luận, nhánh của triết học kiểm tra câu hỏi làm thế nào và ở mức độ nào con người thật sự biết bất cứ điều gì. Như thế những thào luận triết học có vẻ dường như hoặc uyên bác hoặc không thích hợp, nhưng những câu hỏi họ đặt ra lại là cốt lõi của kinh nghiệm con người. Dù cho chúng ta bắt đầu một cuộc kiểm tra kiến thức con người như thế nào, chúng ta luôn kết thúc bằng việc nhìn vào hiện tượng của nhận thức và bản chất của ý thức con người. Và sau cùng chúng ta cùng đi tới một quan niệm: bất kì bước tiến nào xa hơn trong điều kiện của con người đòi hỏi một cơ sở kiểm chứng cho sự hiểu biết. Khi đó chúng ta mới có thể đặt niềm tin của mình .

Trở ngại chính cho sự phát triển của con người, sau đó, là thiếu kiến thức về chính bản chất của ý thức. Nếu chúng ta **nhìn vào bản thân mình tại những sự tiến bộ ngay**

lập tức của tâm trí chúng ta, chúng ta sẽ sớm nhận ra rằng tâm trí hành động nhiều hơn nhanh chóng hơn chúng ta thừa nhận. Nó trở nên rõ ràng rằng quan điểm cho rằng các hành động của chúng ta được dựa trên những quyết định thận trọng là một sự ảo tượng lớn.

Tư duy nhanh và chậm - Daniel Kahneman: Trong một thời gian dài, các học giả đã gieo vào đầu chúng ta một quan điểm: Chúng ta – những con người đầy lý trí- quyết định mọi việc có tính toán một cách cẩn thận. Tuy nhiên, quan điểm ấy hoàn toàn sai lầm.

Quá trình ra quyết định là một chức năng của chính bản thân ý thức; với tốc độ nhanh chóng phi thường, tâm trí đưa ra những lựa chọn dựa trên hàng triệu những mẫu dữ liệu và những mối tương quan và những dự đoán của chúng, vượt xa sự lãnh hội ý thức. Đây là một chức năng chung được chi phối bởi các mô hình năng lượng mà khoa học về động lực học phi tuyến mới đặt tên là “những sự hấp dẫn - attractors”.

Ý thức tự động chọn những gì mà nó cho là tốt nhất từ nhanh đến ngay lập tức bởi vì đó là **chức năng duy nhất** sau cùng mà trong đó **nó thật sự có khả năng**. Trọng lượng tương đối và công lao được trao cho dữ liệu nhất định được xác định bởi mô hình hấp dẫn cao hơn vận hành trong các nhóm tâm trí cá nhân hay một tập thể. Những mô hình này có thể được xác định, mô tả, và hiệu chuẩn; từ thông tin đó phát sinh một sự hiểu biết hoàn toàn mới về hành vi con người, lịch sử, và số phận tiềm năng của nhân loại.

Cuốn sách hiện tại, kết quả của hai mươi năm chuyên sâu nghiên cứu bao gồm hàng triệu những hiệu chuẩn, có thể đưa ra sự hiểu biết sẵn có cho bất cứ ai. Rằng sự tiết lộ này thu được từ một kết nối tình cờ giữa sinh lý học của ý thức, chức năng của hệ thần kinh con người, và vật lý của vũ trụ không phải là đáng ngạc nhiên khi chúng ta nhắc nhở bản thân mình rằng chúng ta chính là, sau tất cả, một phần của vũ trụ trong đó mọi thứ được kết nối với mọi thứ khác; tất cả bí mật của nó là như vậy, ít nhất là về mặt lý thuyết, sẵn có cho chúng ta nếu chúng ta biết ở đâu và làm thế nào để tìm.

Con người có thể nâng chính mình bằng *nỗ lực của bản thân (bootstraps)*? Tại sao không? **Tất cả những gì ta phải làm là tăng sức nổi của mình và ta sẽ dễ dàng tăng lên đến trạng thái cao hơn.** *Sức ảnh hưởng (force)* không thể thực hiện kỳ công đó; *năng lượng (power)* không những có thể, mà còn bền bỉ.

Con người nghĩ ta sống bởi đức hạnh của của sự ảnh hưởng mà ta có thể kiểm soát, nhưng trong thực tế, ta bị cai trị bởi năng lượng từ những nguồn không được tiết lộ, năng lượng không thể kiểm soát. Bởi vì năng lượng là nỗ lực, nó không thấy được và không bị nghi ngờ. Sự ảnh hưởng thì được trải nghiệm thông qua các giác quan; năng lượng có thể

được nhận diện chỉ với việc thông qua nhận thức bên trong. Con người được cố định trong điều kiện hiện tại của mình bởi sự liên kết với mô hình năng lượng thu hút khách hàng vô cùng mạnh mẽ của mình, mà bản thân ta khởi động chạy một cách vô thức. Rất nhanh theo thời gian, ta bị gián đoạn trong trạng thái của sự tiến hoá này, được hạn chế bởi các nguồn năng lượng của sự ảnh hưởng, được thúc đẩy bởi các nguồn năng lượng của năng lượng.

Các cá nhân là như vậy như một cái nút chai trong biển ý thức – ta không biết ta ở đâu, ta từ đâu đến, hay ta sẽ đi về đâu, và ta không biết tại sao. Con người đi lang thang trong câu hỏi hóc búa vô tận này, hỏi cùng những câu hỏi suốt nhiều thế kỉ, và rồi ta sẽ lại tiếp tục, không một bước nhảy vọt trong ý thức. Một dấu hiệu của một sự mở rộng hoàn cảnh và thấu hiểu đột ngột là một kinh nghiệm bên trong của sự nhẹ nhõm, vui mừng, và sợ hãi. Tất cả những ai đã có một kinh nghiệm như vậy cảm thấy sau tất cả vũ trụ đã ban cho chúng ta một món quà quý giá. Những sự kiện được tích lũy bởi nỗ lực, nhưng chân lý tiết lộ chính nó một cách dễ dàng.

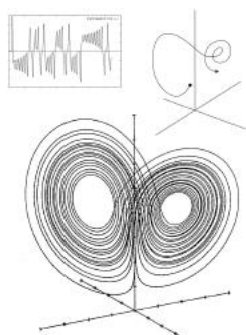
Hy vọng, qua cuốn sách này, người đọc có thể hiểu và sau đó chuẩn bị các điều kiện cho một *sự phát giác về bản thân (personal revelation)*; để làm được điều này chính là cuộc phiêu lưu tối hậu/cuối cùng.

PART ONE: TOOLS – CÁC CÔNG CỤ

Chapter 1: Critical Advances in Knowledge – Những tiến bộ quan trọng trong tri thức

Attractors – Những sự hấp dẫn

Sự hấp dẫn là tên được đặt cho một mẫu hình có thể nhận dạng được, nó hiện ra từ một khối lượng thông tin trông có vẻ như vô nghĩa. Một sự liên kết ẩn trong tất cả mọi thứ xuất hiện rời rạc. Sự liên kết bên trong lần đầu tiên được mô tả về bản chất bởi Edward Lorenz bằng việc nghiên cứu các mô hình trên máy tính (mà trước đây người ta chuyên dùng để chạy các mô hình thời tiết trong chuỗi thời gian dài). Mẫu hình của sự mà ông ấy đã định nghĩa hiện nay được biết đến phổ biến như là hiệu ứng bướm của Lorenz (Lorenz's Butterfly²²)



Các kiểu hấp dẫn khác nhau được biểu hiện bằng những cái tên khác nhau, ví dụ, các sự hấp dẫn kì lạ (*strange attractors*). Nhưng việc quan trọng nhất trong nghiên cứu của chúng tôi là khám phá ra **một vài mẫu hình có năng lượng lớn và những mẫu hình khác thì yếu hơn**. Đây là điểm quan trọng để phân biệt 2 phân lớp tách biệt. Các liên kết giữa mức năng lượng cao và thấp sẽ tương tự và là hiển nhiên giống như trong phép toán về liên kết hóa học.

²² Mô tả khái niệm trong lý thuyết hỗn loạn về độ nhạy cảm của hệ đối với điều kiện gốc (sensitivity on initial conditions).

Trong khi mô phỏng một dự đoán về thời tiết trên máy tính, Lorenz đã lỡ nhập số liệu là 0,506 thay vì 0,506127, và kết quả dự đoán thời tiết hoàn toàn khác so với tính toán ban đầu. Từ đó Lorenz đề cập tới sự ràng buộc chặt chẽ của hệ vật lý đối với các điều kiện ban đầu. Một cái đập cánh của con bướm nhỏ bé có thể gây ra sự thay đổi (dù rất nhỏ) trong điều kiện gốc của hệ vật lý, dẫn đến kết quả là những thay đổi lớn về thời tiết như cơn lốc tại một địa điểm cách nơi con bướm đập cách hàng vạn km. Tuy nhiên tỉ lệ động năng giữa một cái đập cánh của con bướm với toàn bộ cơn lốc là quá nhỏ, vì thế con bướm chỉ có vai trò không đáng kể trong những tính toán lý thuyết hỗn loạn cho hệ vật lý, nói cách khác thì nếu một cái đập cánh của con bướm có thể gây ra cơn lốc, thì một cái đập cánh khác cũng có thể dập tắt nó, và bên cạnh cái đập cánh của con bướm thì còn có vô vàn hoạt động khác có động năng đáng kể hơn rất nhiều có thể ảnh hưởng tới thời tiết.

Fields of Dominance – Các khu vực ưu thế

Một khu vực ưu thế được thể hiện ra bởi các mẫu hình năng lượng cao (*high-energy patterns*) trong sự ảnh hưởng của chính nó lên những mẫu hình yếu hơn. Điều này có thể được so sánh với việc một khu vực có từ tính nhỏ tồn tại đồng thời bên trong một khu vực có từ tính cao hơn, khu vực mạnh hơn là một nam châm điện khổng lồ. Vũ trụ trong hiện tượng luận là sự biểu hiện của sự tương tác bất tận của các mẫu hình hấp dẫn với độ mạnh khác nhau. Những sự phức tạp bất tận trong cuộc sống là những phản xạ lại của những phản chiếu bất tận của các quá trình tăng lên và giảm xuống (được kết hợp bởi những hòa hợp và tương tác) của những khu vực này.

Critical Point Analysis – Phân tích điểm tới hạn

Khái niệm về quan hệ nhân quả theo học thuyết Newton truyền thống đã loại bỏ hết tất cả những dữ liệu “không thể xác định – *nondeterministic*” bởi vì rất nhiều thông tin không phù hợp với thể giới quan của học thuyết này. Với những khám phá của Einstein, Heisenberg, Bell, Bohr và nhiều người khác, thì mô hình của chúng ta là vũ trụ giãn nở một cách nhanh chóng (*universe expanded rapidly*). Vật lý lý thuyết nâng cao đã chứng minh rằng mọi thứ trong vũ trụ phụ thuộc một cách tinh tế dựa trên và tương tác với mọi thứ khác.

Vũ trụ có tính không gian 4 chiều thường được học thuyết Newton cổ điển mô tả như những bộ máy đồng hồ khổng lồ (*giant clockworks*), với 3 chiều không gian biểu thị quá trình tuyến tính trong thời gian. Nếu chúng ta nhìn vào các bộ máy đồng hồ đơn giản hơn, chúng ta sẽ nhận ra rằng một vài bánh răng chuyển động chậm và nặng nề, trong khi những bánh răng khác chuyển động nhanh hơn và sự cân bằng xoay quanh cơ chế thoát ra khỏi trạng thái hiện tại (lên – xuống (ra khỏi – trở lại) của trò bập bênh). Đặt áp lực lên một trong những bánh răng chuyển động lớn có thể gây ra tác động nhỏ vào cơ chế này; tuy nhiên, sẽ có nơi nào đó (có một cơ chế cân bằng tinh vi) mà tại điểm ấy chỉ cần một sự tác động nhỏ nhất cũng sẽ dừng lại toàn bộ hệ thống. Nó được định nghĩa là “**điểm tới hạn - critical point**”, nơi mà sự tác động ít nhất lại gây ra một hiệu quả to lớn nhất. [The

Tipping Point: How Little Things Can Make a Big Difference (Điểm bùng phát: Làm thế nào những điều nhỏ bé tạo nên sự khác biệt lớn lao?) - Malcolm Gladwell]

Causality – Quan hệ nhân quả

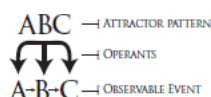
Trong thế giới có thể quan sát được, quan hệ nhân quả thông thường được phỏng đoán rằng có cơ chế hoạt động tuân theo quy tắc sau: $A \rightarrow B \rightarrow C$.

Đây được gọi là trình tự tuyến tính xác định – giống như những quả bóng billiard lần lượt va chạm với mỗi quả bóng khác. Giả định ngầm rằng A gây ra B gây ra C.

Nhưng nghiên cứu của chúng tôi chỉ ra rằng **quan hệ nhân quả hoạt động trong** một cách thức hoàn toàn khác, trong đó **mẫu hình hấp dẫn “ABC” kết hợp, nó tách rời khỏi “những tác động – operants” của nó và được thể hiện như sự liên tục bên ngoài “A, rồi B, rồi C” của sự nhận thức.**



Từ hình trên, chúng ta thấy rằng **nguồn (ABC) là cái không thể quan sát, các kết quả trong trình tự hữu hình $A \rightarrow B \rightarrow C$, là hiện trạng có thể quan sát trong thế giới có tính không gian 3 chiều có thể đo lường.** Những vấn đề diễn hình mà thế giới nỗ lực giải quyết sự tồn tại ở mức độ có thể quan sát của $A \rightarrow B \rightarrow C$. Nhưng công việc của chúng tôi là **tìm ra khuôn mẫu hấp dẫn vốn có, ABC mà không phải là $A \rightarrow B \rightarrow C$ có vẻ nổi bật.**



Trong sơ đồ đơn giản này, những tác động vượt qua cả những cái có thể quan sát được lẫn những cái không thể quan sát được; chúng ta có thể hình dung chúng giống như cầu vòng nối liền những khu vực xác định và bất định. (Sự tồn tại của cái gọi là những tác động có thể được suy ra bằng cách đặt câu hỏi, “*What encompasses both the possible and the impossible, the known and the unknown? – Cái gì bao hàm cả có thể và không thể, biết và không biết?*”. Hay nói cách khác, *what is the matrix of all possibilities?* - cái gì là ma trận của tất cả các khả năng?).

Sự mô tả về cách vũ trụ hoạt động theo học thuyết của nhà vật lý David Bohm, ông ấy mô tả một *vũ trụ toàn ảnh (holographic²³ universe)* với một *mức tiềm ẩn - invisible implicate* (“cuộn lại - enfolded”) và một *mức tường minh - manifest explicate* (“mở ra - unfolded”). Nhưng điều quan trọng nhất cần lưu ý là sự sâu sắc mang tính khoa học này lại giống với quan điểm của những nhà thông thái đã thấu tỏ thông qua trải nghiệm thực tế qua thời gian dài, những người đã phát triển vượt qua ý thức để đạt trạng thái của nhận thức thuần túy. Bohm giả thiết rằng điểm bắt đầu vượt ra khỏi cả khu vực tiềm ẩn lẫn tường

²³ Hình ảnh được trình chiếu mà ta có thể quan sát được vật thể dưới bất kỳ góc nhìn nào như thể là có đang ở vật thể ấy ở đó mặc dù ta không thể sờ được.

minh, rất giống với trạng thái của nhận thức thuần túy được mô tả bởi những nhà thông thái.

Sự xuất hiện của siêu máy tính thông minh nhân tạo cho phép áp dụng các lý thuyết động lực phi tuyến để ứng dụng nghiên cứu về chức năng của não bằng kỹ thuật mô hình hóa *bệnh học thần kinh (neurophysiologic)*. Chức năng của bộ nhớ được nghiên cứu đặc biệt bằng các phương pháp mô hình hóa thần kinh, trong đó các mạng lưới sự hấp dẫn đã được nhận ra.

Kết luận của nghiên cứu hiện này là **mạng lưới tế bào thần kinh của não hoạt động như một hệ thống các mẫu hình hấp dẫn, để hệ thống không hành xử trong một tổng thể theo một cách ngẫu nhiên – mặc dù mỗi tế bào thần kinh có thể hành xử theo một cách ngẫu nhiên.**

Các mô hình tế bào thần kinh của ý thức tiết lộ một sự phân loại các mạng lưới tế bào thần kinh gọi là “*các hệ thống thỏa mãn ràng buộc - constraint satisfaction systems*”. Trong các hệ thống này, một mạng lưới các đơn vị tế bào thần kinh được kết nối, sẽ hoạt động trong một chuỗi các giới hạn và do đó, nó tạo ra những khuôn mẫu hấp dẫn, một trong số chúng hiện nay đang được gắn với *bệnh về tâm lý (psycho-pathology)*. Loại mô hình hóa này có sự tương quan giữa *sinh lý học (physiology)* và các kết quả tương đương trong thử nghiệm cơ kinesiologic của chúng tôi, nó chứng tỏ sự kết nối giữa tâm trí và cơ thể.

Trong các thuật ngữ xuất phát từ thuyết hỗn loạn, các nghiên cứu lâm sàng đã xác định một khoảng không gian, bao gồm toàn bộ phạm vi tiến hóa của ý thức con người. Trong phạm vi này, nhiều khuôn mẫu hấp dẫn làm gia tăng năng lượng đã được tìm thấy. Những mẫu hình này đại diện cho các khu vực năng lượng là đặc tính của chính bản thân ý thức hơn là của bất kỳ cá nhân cụ thể nào, điều này xảy ra trong một bộ phận lớn dân số thông qua những biến cố của chính họ qua thời gian dài, không phụ thuộc vào những thử nghiệm hay chủ thể làm thử nghiệm.

Sự phát triển của ý thức và sự phát triển của xã hội loài người có thể được miêu tả trong các thuật ngữ toán học của động lực phi tuyến. Nguyên cứu của chúng tôi liên quan đến nó với **một bộ giới hạn các thông số của ý thức mà chúng tôi đã hiệu chỉnh từ 1 đến 1000**. Các số đại diện cho logarit (với cơ số 10) của năng lượng của các khu vực tương ứng. Toàn bộ khu vực và khoảng không gian của bản thân ý thức bị giới hạn, để đi đến việc xác định. Phạm vi **từ 1 đến 600**, đại diện cho miền với **đa số trải nghiệm rộng lớn**

của con người; các mức độ từ 600 đến 1000, khu vực của sự tiến hóa phi thường – của giác ngộ, thông thái và trạng thái tinh thần cao nhất.

Một yếu tố quan trọng trong thuyết hỗn loạn, có ích cho việc hiểu được sự tiến hóa của ý thức, đó là sự ràng buộc của sự phụ thuộc nhạy cảm đối với các điều kiện ban đầu. Nó đề cập đến sự thật rằng một sự thay đổi nhỏ trong một khoảng thời gian có thể có ảnh hưởng và tạo ra một sự thay đổi sâu sắc. Đây là một cơ chế cần thiết của tất cả sự tiến hóa và cũng dùng làm nền tảng cho tiềm năng của quá trình sáng tạo.

Nhìn chung, từ xưa con người đã cố gắng tạo ra cảm giác rất phức tạp và không thể tiên đoán thường xuyên về hành vi của chính mình. Rất nhiều hệ thống được xây dựng gây ra cả sự có thể hiểu được và không thể hiểu nổi. Để **“ý nghĩa hóa - make sense”** có nghĩa là trở nên có thể định nghĩa bằng các khái niệm tuyến tính: **luận lý và hợp lý (logical and rational)**. Nhưng quá trình này, và kinh nghiệm của bản thân cuộc sống là có kết cấu – có nghĩa nó được định nghĩa là phi tuyến tính. **Đây là nguồn gốc của sự thất bại mang tính trí tuệ không thể trốn tránh của con người.**

Trong nghiên cứu này, tuy các phản hồi thử nghiệm độc lập với hệ thống tín ngưỡng của chủ thể hay nội dung mang tính trí tuệ. Nhưng điều nổi bật là **các mẫu hình của các khu vực năng lượng là một khía cạnh của chính bản thân ý thức, không phân biệt các đặc tính của cá nhân**. Các nói thông thường não trái/não phải, chúng ta có thể nói rằng các chủ thể thử nghiệm trên toàn cầu đã phản ứng với khu vực hấp dẫn, không phân biệt sự thay đổi mang tính cá nhân của logic, lý trí, hay các hệ thống ý kiến liên tục trong não trái của người đó. Các kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng **các mẫu hình năng lượng mạnh mẽ sẽ tổ chức hành vi của con người.**

Chúng ta có thể *trực cảm (intuit)*, sau đó, một khu vực vô hạn của tiềm năng vô hạn – **bản thân ý thức** – trong nó là một **khu vực hấp dẫn vô cùng mạnh mẽ đang tổ chức tất cả hành vi của con người trong cái “nhân tính – humanness” bẩm sinh**. Bên trong khu vực hấp dẫn không lồ là **những khu vực năng lượng kém hơn và sức mạnh kém hơn**. Những khu vực này **lần lượt thống trị hành vi, để những mẫu hình có thể nhận rõ là phù hợp với văn hóa và thời gian, trong suốt lịch sử nhân loại**. Những tương tác đa dạng trong những khu vực hấp dẫn **làm đẹp lịch sử của văn minh và nhân loại**.

Nghiên cứu của chúng tôi có tương quan nhiều với học thuyết “các khu vực hình thái - *morphogenetic fields*” của Rupert Sheldrake, và cũng giống như mô hình toàn thể về chức năng của não – tâm trí của Karl Pribram. Và cũng tương quan với những kết luận đã đạt giải Nobel của Sir John Eccles rằng não hoạt động như một bộ tiếp nhận các mẫu hình năng lượng tồn tại trong chính bản thân tâm trí, và sự tồn tại này giống như ý thức được trình bày dưới dạng ý nghĩ. Sự hư ảo của bản ngã khẳng định các ý nghĩ như “của tôi – *mine*”. Tài năng, nói cách khác, thường biểu hiện cho nguồn gốc của những bước nhảy sáng tạo của nhận thức, mà truyền thống gọi là “*Thần – Divinity*”.

Chapter 2: History and Methodology – Lịch sử và phương pháp (lược bỏ)

Historical Background – Bối cảnh lịch sử

The Testing Technique – Kỹ thuật thử nghiệm

Use of the Testing Procedure in This Study – Cách sử dụng phương pháp thử nghiệm trong nghiên cứu này

Discrepancies – Các sự tương phản

Limitations – Các hạn chế

Disqualification – Các nguyên nhân

Chapter 3: Test Results and Interpretation – Kết quả thử nghiệm và diễn giải

MAP OF CONSCIOUSNESS							BẢN ĐỒ Ý THỨC						
POWER	God-view	Life-view	Level	Scale	Emotion	Process	STRONG	Nhìn nhận tâm linh	Nhìn nhận xã hội	Mức độ	Quy mô	Cảm xúc	Quá trình
	Self	Is	Enlightenment	700-1000	Ineffable	Pure Consciousness		Bản chất	Chính là	Giác ngộ	700-1000	Không thể diễn tả	Ý thức thuần túy
	All-Being	Perfect	Peace	600	Bliss	Illumination		Tất cả - tồn tại	Hoàn hảo	Bình yên	600	Hạnh phúc	Rọi sáng
	One	Complete	Joy	540	Serenity	Transfiguration		Duy nhất	Trọn vẹn	Hân hoan	540	Thanh thản	Biến thân
	Loving	Benign	Love	500	Reverence	Revelation		Thương yêu	Tử tế	Yêu thương	500	Tôn kính	Bộc lộ/ khai huyền
	Wise	Meaningful	Reason	400	Understanding	Abstraction		Khôn ngoan	Đầy ý nghĩa	Lý do	400	Thông cảm	Trừu tượng
	Merciful	Harmonious	Acceptance	350	Forgiveness	Transcendence		Nhân từ/thương xót	Hoà hợp	Chấp thuận	350	Tha thứ	Siêu việt
	Inspiring	Hopeful	Willingness	310	Optimism	Intention		Truyền cảm hứng	Hy vọng	Sẵn lòng	310	Lạc quan	Ý định
	Enabling	Satisfactory	Neutrality	250	Trust	Release		Cho phép	Thoả đáng	Trung lập	250	Tin cậy	Giải thoát
	Permitting	Feasible	Courage	200	Affirmation	Empowerment		Cho phép	Khả thi	Can đảm	200	Khẳng định	Trao quyền
FORCE	Indifferent	Demanding	Pride	175	Scorn	Inflation	WEAK	Vô tư	Đòi hỏi cao	Tự hào	175	Khinh miệt	Thối phong/ lạm phát
	Vengeful	Antagonistic	Anger	150	Hate	Aggression		Thù hận	Thù địch	Phẫn nộ	150	Ghét bỏ	Gây gổ
	Denying	Disappointing	Desire	125	Craving	Enslavement		Chối bỏ	Thất vọng	Khao khát	125	Thèm muốn	Nô lệ
	Punitive	Frightening	Fear	100	Anxiety	Withdrawal		Trừng phạt	Khủng khiếp	Sợ hãi	100	Lo ngại	Thu hồi
	Disdainful	Tragic	Grief	75	Regret	Despondency		Khinh thường	Bi kịch	Đau buồn	75	Hối tiếc	Chán nản
	Condemning	Hopeless	Apathy	50	Despair	Abdication		Lên án	Vô vọng	Thờ ơ	50	Tuyệt vọng	Từ bỏ
	Vindictive	Evil	Guilt	30	Blame	Destruction		Thù oán	Khó chịu	Tội lỗi	30	Khỉn trách	Phá huỷ
	Despising	Miserable	Shame	20	Humiliation	Elimination		Coi thường	Khô sở	Xấu hổ	20	Sỉ nhục	Loại bỏ

Discussion – Thảo luận

Sự phản ánh trên bản đồ này có thể mang lại sự mở rộng sâu sắc về sự đồng cảm của một người đối với cuộc sống của người đó, với những biểu hiện đa dạng. Nếu chúng ta **xem xét các thái độ cảm xúc với ít sự xét nét về “đức hạnh”** nói chung, chúng ta **nhận thấy** người ta **bản chất là không tốt cũng không xấu**; các **quy định đạo đức** chỉ là một **quan điểm để họ bộc lộ cảm xúc**.

Ví dụ, một người ở mức *đau buồn* (*Grief*), được hiệu chỉnh tại mức năng lượng 75, sẽ ở trong một trạng thái tốt hơn nhiều nếu anh ta tăng lên mức *giận dữ* (*anger*) được hiệu chỉnh ở mức 150. Tuy nhiên, cơn thịnh nộ, chính nó là một cảm xúc phá hoại và vẫn là một trạng thái yếu ớt của ý thức. *Sự thờ ơ* (*apathy*) có thể kìm hãm toàn bộ các nền văn hóa cũng như các cá nhân. Nếu *sự khao khát* (*desire*) ở mức 125 và sau đó sử dụng năng lượng của sự giận dữ ở mức 150 để phát triển lên *sự tự hào* (*pride*) ở mức 175, họ có thể tiến tới *sự can đảm* (*courage*) ở mức 200, và tạo ra sự cải thiện mang tính thực tại đối với tình trạng của cá nhân họ hay của cả tập thể.

Ngược lại, **những người đã đạt tới trạng thái** thông thường của *tình yêu* (*love*) **vô điều kiện sẽ trải nghiệm** bất cứ điều gì **mà không có sự không thể thừa nhận** (có thể thừa nhận tất cả). Giống như **những tiến bộ** của một người **trong sự phát triển ý thức cá nhân** của người đó, sự tiến bộ này **trở nên tự duy trì và tự sửa chữa** (*self-perpetuating and self-correcting*) để **sự tự cải thiện** (*self-improvement*) trở thành một lối sống. Hiện tượng này có thể dễ được quan sát ở những thành viên trong *các nhóm 12 bước* (*12-step groups*), những người liên tục khắc phục các thái độ tiêu cực như *sự tự thương hại* hay *không khoan nhượng* (*self-pity or intolerance*). **Người rơi xuống ở vị trí phía dưới hơn trong thang đo ý thức có thể tìm thấy sự có thể chấp nhận những thái độ tương tự và sẽ bào chữa cho chúng** một cách chính đáng. (Tự bào chữa cho hành vi và thái độ của bản thân – Giết người vì tự vệ; đau buồn hay nổi giận vì cảm thấy mình là người bị hại; Những người này chấp nhận và duy trì thái độ đó của bản thân mà không hề muốn thay đổi nó.)

Trong suốt lịch sử, tất cả các tôn giáo lớn trên thế giới và các sự huấn luyện tinh thần quan tâm đến các phương pháp để thăng cấp trong các mức độ ý thức. Hầu hết đều ngụ ý hay cụ thể rằng việc di chuyển lên trên trong thang cấp độ này là một việc khó khăn và việc thành công phụ thuộc vào việc có một người hướng dẫn (hay ít nhất là các giáo lý)

để đưa ra những hướng dẫn và nguồn cảm hứng cụ thể đối với người muốn thực hiện, những người này có thể tuyệt vọng đối với việc cố gắng mà không được định hướng hơn là việc họ không có khả năng ấy. May mắn thay, bản đồ của chúng tôi sẽ thuận lợi cho sự cố gắng tối hậu của con người.

Tác động nhận thức luận của nhận thức về bản đồ này là không dễ nhận thấy nhưng có thể trở nên sâu rộng hơn. Những sự liên quan của những phát hiện này là các ứng dụng thực tế đối với thể thao, y học, tâm lý học, tinh thần học, các mối quan hệ cá nhân, và những câu hỏi thông thường về hạnh phúc. Việc **suy ngẫm bản đồ ý thức có thể**, ví dụ như, **thay đổi cách hiểu của một người về quan hệ nhân quả**. Giống như **nhận thức**, chính nó, **tiến hóa cùng với mức độ ý thức** của một người, **rõ ràng rằng cái thế giới gọi là miền nguyên nhân (domain of causes) thực tế là miền ảnh hưởng (domain of effects)**. **Bằng cách chịu trách nhiệm về hậu quả từ nhận thức** của bản thân, người quan sát có thể vượt qua vai nạn nhân để hiểu rằng **“Nothing out there has power over you. – Không có gì ngoài năng lượng của bản thân”**. Đó không phải các biến cố của cuộc sống, nhưng một người **phản ứng như thế nào** đối với các biến cố và **thái độ** của người đó về các biến cố, sẽ **xác định** liệu những biến cố này có **ảnh hưởng tiêu cực hay tích cực đối với cuộc sống** của người đó, cho dù chúng sẽ **được** người đó **trải nghiệm như một cơ hội hay áp lực**.

Căng thẳng tâm lý là **ảnh hưởng thuần (net effect)** của một trạng thái mà bạn đang chống lại hoặc muốn trốn chạy, nhưng trạng thái không có năng lượng bên trong hay của riêng nó. Không thứ gì có năng lượng trong chính nó để “gây ra” căng thẳng. Âm nhạc ồn ào làm tăng huyết áp của một người lại có thể trở thành nguồn cảm hứng đối với người khác.

Việc ly hôn có thể là tổn thương nếu nó là điều người ta không mong muốn những lại là sự giải thoát nếu người ta muốn thế.

≈đã lược bỏ≈

Sự khác biệt giữa điều trị và chữa lành là điều mà trước đây, hoàn cảnh chữa trị yêu cầu sự đồng nhất, trong khi cuối cùng, các đáp ứng lâm sàng được tìm thấy bởi sự thay đổi trong hoàn cảnh chữa trị, để tạo ra sự loại bỏ triệt để nguồn gốc của trạng thái hơn là phục hồi khỏi triệu chứng. Đó là một yếu tố để quyết định loại thuốc hạ huyết áp đối với trạng

thái cao huyết áp; Khá khác lạ đối với việc mở rộng hoàn cảnh chữa trị trong đời sống của bệnh nhân đến mức người đó ngừng giận dữ, thù địch và đả áp.

Sự đồng cảm có nguồn gốc từ việc suy ngẫm bản đồ ý thức sẽ có hi vọng tạo ra một bước ngắn để đạt tới *hân hoan (joy)*. **Chìa khóa dẫn đến hân hoan là sự tử tế vô điều kiện đối với mọi thứ trong cuộc sống, bao gồm cả chính chúng ta, cái chúng ta gọi là lòng trắc ẩn. Không có lòng trắc ẩn thì bất kỳ ý nghĩa nhỏ bé nào cũng không được tạo ra trong cố gắng của con người.** Chúng ta có thể suy rộng hoàn cảnh xã hội lớn hơn từ các liệu pháp cá nhân, trong đó các bệnh nhân không thể được chữa khỏi hoàn toàn hay được chữa lành về cơ bản cho đến **khi họ cầu nguyện năng lượng của lòng trắc ẩn, cả cho bản thân và cho người khác. Khi ấy, người được chữa lành có thể trở thành người chữa lành.**

Chapter 4: Levels of Human Consciousness – Các mức độ ý thức của con người

Hàng triệu hiệu chuẩn trong những năm qua của việc nghiên cứu này đã xác định một loạt các giá trị tương ứng chính xác với các tập hợp thái độ và cảm xúc được công nhận bởi các lĩnh vực năng lượng hấp dẫn cụ thể, giống như các trường điện từ thu hồi các vụn sắt. Để dễ hiểu chúng tôi đã thông qua việc phân loại các lĩnh vực năng lượng sắp được đề cập đến, cũng như tính chính xác về phương diện lâm sàng và chủ quan.

Điều rất quan trọng cần lưu ý là **các con số hiệu chuẩn không đại diện cho một số học, mà là 1 loga, tiến trình.** Do đó, mức 300 không phải là gấp đôi độ lớn của 150; nó là 300 mức năng lượng thứ 10 (10300). Do đó, sự gia tăng thậm chí một vài điểm cho thấy một bước tiến lớn trong năng lượng; Tỷ lệ gia tăng trong năng lượng khi chúng ta di chuyển quy mô là rất lớn.

Những cách thức mà các mức độ khác nhau của ý thức con người thể hiện bản thân chúng thì sâu sắc và có ảnh hưởng sâu rộng; Những ảnh hưởng của chúng vừa rõ ràng vừa tinh tế. Tất cả các mức độ ý thức dưới 200 có tính phá hoại cuộc sống ở cả khía cạnh cá nhân và xã hội nói chung; Ngược lại, tất cả các mức độ ý thức trên 200 là những bậc lộ mang tính xây dựng của năng lượng. Mức quyết định 200 là điểm tựa phân chia các khu vực chung của sự ảnh hưởng (hay điều sai lầm) khỏi năng lượng (hoặc chân lý).

Trong mô tả các tương quan cảm xúc của các lĩnh vực năng lượng của ý thức, thật tốt để nhớ rằng chúng hiếm khi được bộc lộ như những trạng thái thuần túy trong một cá nhân. Một người có thể hoạt động ở một mức độ trong một phạm vi nhất định của cuộc

sống và trên một mức độ khá khác nhau trong một phạm vi khác của cuộc sống. Mức độ ý thức tổng thể của một cá nhân là tổng số ảnh hưởng của tất cả các cấp độ này.

MỨC NĂNG LƯỢNG 20: SHAME - XẤU HỔ

Mức độ của Xấu hổ thì nguy hiểm gần như dẫn đến cái chết, nó có thể được lựa chọn từ Xấu hổ như là tự sát có ý thức hoặc được lựa chọn tinh tế hơn do không thực hiện các bước để kéo dài sự sống, như trong "tự tử tiêu cực." Cái chết do tai nạn có thể tránh được thì phổ biến. Tất cả chúng ta đều có nhận thức về sự đau đớn của việc "mất mặt," trở nên mất uy tín, hoặc cảm thấy như một "người vô hình". Trong Xấu hổ, người ta xấu hổ và né tránh, ước rằng họ vô hình. Tội diệt chủng là một sự kết hợp của sự xấu hổ truyền thống và, trong các xã hội nguyên thủy mà tất cả chúng ta đều bắt nguồn, tội diệt chủng tương đương với cái chết.

Những kinh nghiệm đầu đời như lạm dụng tình dục dẫn đến sự xấu hổ, làm lệch lạc nhân cách thường trong suốt cả cuộc đời trừ phi những vấn đề này được giải quyết bằng liệu pháp tâm lý. Sự xấu hổ, như Freud xác định, gây ra chứng loạn thần kinh. **Nó phá huỷ sức khoẻ tình cảm và tâm lý**, như một hệ quả của lòng tự trọng thấp, làm cho một người có xu hướng mắc những bệnh về phát triển thể chất. Nhân cách dựa trên sự xấu hổ là **nhút nhát, rút lui, và hướng nội**.

Sự xấu hổ cũng được sử dụng như một công cụ của sự tàn ác, và các nạn nhân của nó thường trở nên độc ác. Những đứa trẻ xấu hổ tàn bạo với động vật và với người khác. Hành vi của những người có ý thức ở mức 20 là nguy hiểm. Họ dễ bị những chứng ảo giác, hoang tưởng. Một số người trở nên loạn thần và phạm những tội ác kì quái.

Một số cá nhân dựa trên sự Xấu hổ đền bù lại bằng chủ nghĩa hoàn hảo và cứng nhắc, và thường trở nên bị khống chế và không khoan dung. Những ví dụ nổi tiếng về điều này là những người có quan điểm cực đoan quá khích, những người này hình thành nên những nhóm người theo nghi thức, hướng suy nghĩ xấu hổ vô thức của họ lên những người mà họ cảm thấy hợp lý khi tấn công hoặc giết người một cách chính đáng. Những kẻ giết người hàng loạt thường hành động theo chủ nghĩa luân lý tính dục, với lý do trừng phạt cái gọi là phụ nữ "xấu".

Bởi vì nó phá bỏ toàn bộ mức độ tính cách của một người, nên Xấu hổ gây tổn thương cho những cảm xúc tiêu cực khác, và do đó, thường tạo ra niềm tự hào giả dối, tức giận và tội lỗi.

MỨC NĂNG LƯỢNG 30: GUILT - TỘI LỖI

Tội lỗi, thường được sử dụng trong xã hội của chúng ta để **thao túng và trừng phạt, biểu hiện** bằng nhiều hình thức khác nhau, **như hối hận, tự hủy hoại, độc ác, và toàn bộ các triệu chứng của nạn nhân. Hậu quả** của tội lỗi vô thức **dẫn đến bệnh tâm thần, khuynh hướng gây tai nạn và các hành vi tự sát.** Nhiều người đấu tranh với tội lỗi cả cuộc đời của họ, trong khi những người khác tuyệt vọng tìm cách thoát khỏi tình trạng chối bỏ hoàn toàn tội lỗi.

Sự chi phối tội lỗi dẫn đến một sự bận tâm với "tội lỗi", một thái độ tình cảm không tha thứ thường bị những kẻ mù quáng tôn giáo lợi dụng, những người sử dụng nó để ép buộc và kiểm soát. Như những người thích "tội lỗi và cứu tế", bị ám ảnh bởi sự trừng phạt, dường như có thể thể hiện qua tội lỗi của chính họ, hoặc hướng nó lên những người khác.

Các nền văn hoá thể hiện sự chệch hướng của việc chỉ trích cực đoan bản thân thường biểu hiện các hình thức bệnh độc ác khác, ví dụ như công khai, giết người hay động vật theo nghi lễ. **Tội lỗi gây ra cơn thịnh nộ, và biểu hiện của nó là giết người thường xuyên.** Hình phạt tử hình là một ví dụ về cách giết người làm vừa lòng một quần chúng đầy tội lỗi. Ví dụ như xã hội Mỹ không tha thứ của chúng ta, bêu rếu các nạn nhân của nó trên báo chí và đưa ra các hình phạt mà chưa bao giờ được chứng minh là có hiệu quả ngăn chặn hay trừng trị.

MỨC NĂNG LƯỢNG 50: APATHY - THỜ Ơ, VÔ CẢM

Mức năng lượng này được đặc trưng bởi sự nghèo đói, thất vọng và tuyệt vọng. Thế giới và tương lai trông thật ảm đạm, bi ai là chủ đề của cuộc sống. **Sự vô cảm là một trạng thái của sự bất lực;** những nạn nhân của nó, nghèo túng trong mọi lẽ, **không chỉ thiếu những nguồn lực mà còn thiếu cả năng lượng** để giúp cho bản thân họ **tiếp cận với những nguồn lực có sẵn.** Trừ khi có nguồn năng lượng bên ngoài được cung cấp bởi những người chăm sóc, cái chết thông qua sự tự tử thụ động có thể là kết quả của sự vô cảm. Nếu không có ý chí muốn sống, cái nhìn vô vọng ngầy ra, không phản ứng với kích thích, cho đến khi mắt họ ngừng theo dõi và không còn đủ năng lượng để nuốt thức ăn được mời.

Đây là cấp độ của những người vô gia cư và những người bị bỏ rơi trong xã hội; Nó cũng là số phận của nhiều người già và những người bị cô lập khác bởi các bệnh mãn tính hoặc phát triển không ngừng. Sự vô cảm là phụ thuộc; Mọi người trong Vô cảm thì "nặng nề" và cảm thấy trở thành một gánh nặng bởi những người xung quanh họ.

Thông thường, xã hội không có đủ động lực để có thể thực sự giúp đỡ các nền văn minh cũng như các cá nhân ở mức độ này, những người được coi là kênh nguồn của nguồn lực. Đây là cấp độ của các con đường ở Calcutta, nơi chỉ có những vị thánh như Mẹ Têrêsa và những người ủng hộ dám đặt chân lên. **Sự vô cảm** là mức độ của **từ bỏ hy vọng**, và **ít người có can đảm để thực sự đối mặt với nó**.

MỨC NĂNG LƯỢNG 75: GRIEF - ĐAU BUỒN

Đây là mức độ của sự buồn bã, mất mát và chán nản. Hầu hết chúng ta đã từng trải nghiệm mức năng lượng này trong một khoảng thời gian nào đó, nhưng những người vẫn duy trì ở mức năng lượng này sống một cuộc đời của sự hối tiếc và trầm cảm liên miên. Đây là mức độ của sự thương tiếc, mất mát và hối tiếc về quá khứ đã ăn sâu; nó cũng là mức độ của những người thường xuyên thua cuộc và những người đánh bạc mãn tính chấp nhận sự thất bại như một phần của lối sống của họ, thường dẫn đến mất việc làm, bạn bè, gia đình và cơ hội cũng như tiền bạc và sức khỏe.

Những mất mát lớn những năm đầu đời làm cho người ta dễ bị tổn thương đến nỗi chấp nhận thụ động sự đau buồn về sau này, như thể nỗi buồn là cái giá của cuộc sống. Trong tình trạng đau buồn, người ta nhìn thấy nỗi buồn khắp mọi nơi – ở những đứa trẻ nhỏ, ở tình hình thế giới, ở bản thân cuộc đời. Một phần triệu chứng của mất mát là quan điểm về sự không thể thay thế được của những thứ đã bị mất hoặc cái mà nó tượng trưng cho. Có một sự khái quát hóa từ sự cụ thể đến nỗi sự mất mát của một người thân được đánh đồng với sự mất mát của tình yêu. **Ở mức độ này, những mất mát về cảm xúc như vậy có thể gây ra cái chết hoặc sự trầm cảm nghiêm trọng.**

Dù Đau buồn là nghĩa trang của cuộc sống thì nó vẫn có nhiều năng lượng hơn Vô cảm. Do đó, khi một bệnh nhân vô cảm, bị sang chấn tâm lý bắt đầu khóc, chúng ta biết rằng họ đang trở nên tốt hơn. Một khi họ bắt đầu khóc, họ sẽ ăn uống trở lại.

MỨC NĂNG LƯỢNG 100: FEAR - SỢ HÃI

Ở mức độ 100, con người có nhiều năng lượng sống hơn. **Sợ nguy hiểm thì thực sự là lành mạnh. Sợ hãi làm chủ nhiều thứ trong thế giới, thúc đẩy hoạt động liên tục.** Nỗi sợ kẻ thù, tuổi già hay cái chết, sợ bị từ chối và vô số những lo ngại về xã hội là động lực thúc đẩy cơ bản trong cuộc sống của hầu hết mọi người.

Từ quan điểm của mức độ này, thế giới trông có vẻ nguy hiểm, đầy cạm bẫy và đe dọa. Sợ hãi là công cụ chính thức cho việc kiểm soát bởi các cơ quan và chế độ độc tài áp

chế, và tình trạng mất an ninh là việc buôn bán cổ phiếu của những tay vận hành chính trên thị trường. Các phương tiện truyền thông và quảng cáo đóng vai Sở để tăng thị phần.

Sự gia tăng của nỗi sợ hãi là vô hạn như trí tưởng tượng của con người. Một khi sợ hãi trở thành tâm điểm của một người, những sự kiện gây lo lắng không ngớt về thế giới nuôi dưỡng nỗi sợ. Sự sợ hãi trở thành nỗi ám ảnh và có thể có bất kì hình thức nào – sợ mất một mối quan hệ dẫn đến ghen tuông và mức độ căng thẳng cao. **Suy nghĩ đầy sợ hãi có thể rơi vào tình trạng hoang tưởng hoặc gây ra các cấu trúc phá huỷ thần kinh, và bởi vì nó lây nhiễm, trở thành một xu hướng xã hội có ảnh hưởng lớn.**

Sợ hãi giới hạn sự phát triển của nhân cách và dẫn đến sự kìm hãm. Bởi vì nó cần năng lượng để vượt lên trên Sợ hãi, những người bị áp bức không thể đơn độc đạt đến một mức độ cao hơn. Do đó, những người sợ hãi tìm kiếm các nhà lãnh đạo mạnh mẽ dường như đã chinh phục nỗi sợ của họ để dẫn họ ra khỏi chế độ nô lệ của họ.

MỨC NĂNG LƯỢNG 125: DESIRE - KHAO KHÁT, HAM MUỐN

Mức độ này thậm chí có nhiều năng lượng hơn: **sự khao khát thúc đẩy nhiều lĩnh vực hoạt động của con người, bao gồm kinh tế.** Các nhà quảng cáo đóng vai Khao khát của chúng ta để lập trình chúng ta với những nhu cầu liên quan đến những động cơ bản năng. **Khao khát thúc đẩy chúng ta nỗ lực rất lớn để đạt được những mục tiêu hoặc phần thưởng.** Khao khát về tiền bạc, danh tiếng hay quyền lực phá huỷ cuộc sống của nhiều người đã vượt lên trên sự sợ hãi như giới hạn của họ, là yếu tố chiếm ưu thế.

Khao khát cũng là mức độ của nghiện ngập, ở đó nó trở thành một sự thèm muốn còn quan trọng hơn bản thân cuộc sống. Những nạn nhân của Khao khát có thể thực sự không ý thức được cơ sở nào của những động cơ của họ. Một số người trở nên nghiện khao khát sự chú ý và xua đuổi những người khác bằng những nhu cầu liên tục của họ. Sự khao khát chấp thuận tình dục đã sản sinh ra toàn bộ những ngành công nghiệp mỹ phẩm, thời trang và điện ảnh.

Khao khát có liên quan đến sự tích lũy và lòng tham. Nhưng khao khát là không thể thỏa mãn được, do đó sự thỏa mãn ở một lĩnh vực này chỉ đơn giản là bị thay thế bởi sự khao khát về một điều gì khác chưa được thỏa mãn. Nhiều tỷ phú vẫn bị ám ảnh bởi việc kiếm được nhiều tiền hơn.

Sự khao khát, tuy nhiên, là một trạng thái cao hơn nhiều so với Vô cảm hoặc Đau buồn, vì để “có được” điều gì đó thì bạn trước tiên phải có năng lượng để “muốn”. Truyền hình có ảnh hưởng lớn đến nhiều người bị áp bức, bởi vì nó làm nảy sinh những mong

muốn và kích thích những khao khát của họ đến mức độ họ muốn thoát ra khỏi Vô cảm và bắt đầu tìm kiếm một cuộc sống tốt hơn. **Mong muốn** có thể **dẫn** con người **đến con đường thành công**. Sự khao khát có thể **trở thành bàn đạp để đạt mức độ ý thức cao hơn**.

MỨC NĂNG LƯỢNG 150: ANGER - TỨC GIẬN

Dù tức giận có thể dẫn đến hành động giết người và chiến tranh, như một mức độ năng lượng bên trong nó, nó sẽ được xoá bỏ hơn nữa từ cái chết so với những người bên dưới nó. **Tức giận có thể dẫn đến hành động có tính xây dựng hoặc hủy hoại**. Khi con người bước ra khỏi Vô cảm và Đau buồn để vượt qua Sợ hãi như một cách sống, họ bắt đầu muốn; Khao khát dẫn đến sự thất vọng, đến lượt nó dẫn đến Tức giận. Do đó, Tức giận có thể là một phương tiện mà người bị áp bức đạt được tự do. Tức giận trước những bất công xã hội, sự ngược đãi, sự bất bình đẳng tạo ra những phong trào lớn dẫn đến những thay đổi chính trong cấu trúc xã hội.

Nhưng sự Tức giận bộc lộ bản thân nó thường xuyên nhất là ở sự oán giận và trả thù và do đó dễ biến động và nguy hiểm. Tức giận như 1 lối sống được minh họa bởi những người dễ kích động, bùng nổ nhạy cảm trước sự xem thường và trở thành “những người thu thập bất công”, những người hay cãi nhau, hiếu chiến, kiện tụng.

Vì sự Tức giận bắt nguồn từ mong muốn bị làm thất vọng, nó dựa trên mức năng lượng ở dưới nó (Khao khát). Sự thất vọng là kết quả của việc phóng đại tầm quan trọng của khao khát. Người tức giận có thể nổi cơn thịnh nộ, giống như một đứa trẻ nản lòng. **Sự tức giận dễ dàng dẫn đến sự hận thù, có một ảnh hưởng ăn mòn lên tất cả lĩnh vực của cuộc sống của một người**.

MỨC NĂNG LƯỢNG 175: PRIDE - SỰ KIÊU HÃNH

Kiêu hãnh, được hiệu chỉnh ở mức 175, có đủ năng lượng để điều hành Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ. Đó là mức độ mà đa số chúng ta mong muốn ngày nay. Mọi người cảm thấy tích cực khi họ đạt đến mức này, trái với các lĩnh vực năng lượng thấp hơn. Sự gia tăng lòng tự trọng này là một niềm an ủi cho tất cả những kinh nghiệm đau thương ở các mức độ thấp hơn của ý thức. Kiêu hãnh có vẻ tốt và phân biệt được nó; Nó cọ xát những thứ của nó trong cuộc diễu hành của cuộc sống. Sự kiêu ngạo đã được loại bỏ khỏi Xấu hổ, Tội lỗi, hay Sợ hãi đủ để thoát khỏi sự thất vọng của khu ổ chuột và niềm kiêu hãnh là một Marine là một bước nhảy to lớn. Kiêu hãnh thường có một uy tín tốt và được khuyến khích xã hội, nhưng như chúng ta thấy từ biểu đồ của các mức độ ý thức, đủ tiêu cực để giữ

nguyên dưới mức độ chỉ trích 200. Đó là lý do tại sao Kiêu hãnh chỉ cảm thấy tốt trái ngược với các mức độ thấp hơn.

Vấn đề, như chúng ta đều biết, là "Trèo cao ngã đau". **Kiêu hãnh có tính phòng vệ và dễ bị tổn thương vì nó phụ thuộc vào những điều kiện bên ngoài, nếu không có điều kiện bên ngoài thì nó có thể đột ngột trở lại một mức năng lượng thấp hơn.** Cái tôi tự mãn dễ bị tổn thương trước sự tấn công. Sự kiêu căng vẫn còn yếu bởi vì nó có thể bị đẩy ra khỏi bề mặt vào Xấu hổ, đó là mối đe dọa thổi bùng lên nỗi sợ hãi của sự kiêu hãnh.

Kiêu hãnh là chia rẽ và tạo ra chủ nghĩa phân chia; Hậu quả là tổn kém. Con người thường chết vì niềm kiêu hãnh; Quân đội thường xuyên giết chóc lẫn nhau về khía cạnh đó của Kiêu hãnh được gọi là chủ nghĩa dân tộc. Các cuộc chiến tranh tôn giáo, chủ nghĩa khủng bố chính trị và lòng sốt sắng, lịch sử ghê gớm của Trung Đông và Trung Âu, tất cả đều là cái giá của Kiêu hãnh, mà cả xã hội phải trả giá.

Mặt trái của sự **Kiêu hãnh là kiêu ngạo và chối bỏ. Những đặc điểm đó ngăn chặn sự phát triển;** Trong niềm kiêu hãnh, hồi phục từ các thói nghiện ngập là không thể vì những vấn đề về tình cảm hoặc những khuyết điểm của nhân vật bị từ chối. Toàn bộ vấn đề của việc chối bỏ là một trong những niềm kiêu hãnh. Do đó niềm kiêu hãnh là một chương ngại rất đáng kể để giành được quyền lực thực sự, mà thay thế niềm kiêu hãnh với tầm vóc và uy tín đúng đắn.

MỨC NĂNG LƯỢNG 200: COURAGE - DŨNG CẢM

Ở mức 200, năng lượng thực sự xuất hiện lần đầu tiên. Khi chúng tôi kiểm tra các đối tượng ở tất cả các mức năng lượng dưới 200, chúng tôi thấy, cũng có thể được xác minh một cách dễ dàng, rằng tất cả đều yếu. Mọi người đều làm tốt trong việc đáp ứng với những lĩnh vực duy trì sự sống trên mức 200. Đây là mức độ quyết định phân biệt những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của cuộc sống. **Ở mức độ dũng cảm, một sự đạt được năng lượng thực sự xảy ra; Do đó, nó cũng là mức độ trao quyền.** Đây là khu vực **thăm dò, hoàn thành, sự thành thạo và quyết tâm.** Ở các mức độ thấp hơn, thế giới được coi là vô vọng, buồn, đáng sợ hoặc bức bối; Nhưng ở **mức độ dũng cảm, cuộc sống được xem là thú vị, đầy thử thách và kích thích.**

Sự dũng cảm ngụ ý **sẵn sàng thử những điều mới mẻ và đối phó với những thăng trầm của cuộc đời.** Ở mức độ nâng cao này, người ta **có thể đương đầu và xử lý hiệu quả trước những cơ hội của cuộc sống.** Ví dụ như ở mức 200, người ta có năng lượng để

học các kỹ năng làm việc mới. Sự trưởng thành và giáo dục trở thành những mục tiêu có thể đạt được. Có khả năng đối mặt với nỗi sợ hãi hoặc khiếm khuyết nhân cách và trưởng thành bất chấp nỗi sợ của họ; Lo lắng cũng không phá bỏ nỗ lực như nó sẽ làm ở những mức độ tiến hóa thấp hơn. Những trở ngại mà đánh bại những người có ý thức dưới 200 đóng vai trò như những tác nhân kích thích đến những người đã tiến hóa thành cấp độ đầu tiên của năng lượng thực sự.

Con người ở mức độ này đưa trở lại thế giới mức năng lượng nhiều như cái họ lấy đi; Ở các cấp thấp hơn, các quần thể cũng như các cá nhân sẽ tiêu hao năng lượng từ xã hội mà không trả lại. Bởi vì những thành quả đạt mang lại được phản hồi tích cực, tự thưởng và lòng tự tin dần dần tự củng cố. **Đây là nơi mà năng suất bắt đầu.** Mức độ ý thức chung của nhân loại vẫn ở mức 190 trong nhiều thế kỷ và, lạ kì là, chỉ nhảy lên mức hiện tại là 204 trong vòng một thập kỷ qua.

MỨC NĂNG LƯỢNG 250: NEUTRALITY - TRUNG TÍNH

Năng lượng trở nên rất tích cực khi chúng ta đạt tới mức mà chúng tôi gọi là Trung tính, bởi vì nó được tạo thành bằng cách giải phóng khỏi vị trí thể hiện mức độ thấp hơn. Dưới mức 250, ý thức có khuynh hướng nhìn nhận các sự phân đôi và đảm nhận những vị trí cứng nhắc, một trở ngại trong một thế giới vốn phức tạp và nhiều yếu tố chứ không chỉ là đen và trắng.

Đảm nhận những vị trí như vậy tạo ra sự phân cực, và sự phân cực lần lượt tạo ra sự đối lập và phân chia. Như trong võ thuật, một vị trí cứng nhắc trở thành điểm dễ bị tổn thương; Những gì không uốn cong thì có thể bị phá vỡ. Vượt lên trên các rào cản hoặc phản đối tiêu hao năng lượng của một người, điều kiện trung lập cho phép tính linh hoạt và không đánh giá, thực tế thẩm định các vấn đề. Để trở nên trung lập có nghĩa là phải tương đối không ràng buộc với kết quả; không có cách riêng của mình thì không còn được trải qua như thất bại, đáng sợ, hoặc bức bối.

Ở mức Trung tính, một người có thể nói, "Tốt thôi, nếu tôi không nhận được công việc này, sau này tôi sẽ nhận được một công việc khác" **Đây là sự khởi đầu của sự tự tin bên trong; Cảm nhận được sức mạnh của mình, do đó một người không dễ bị đe dọa. Một người không bị dồn vào tình thế phải chứng minh bất cứ điều gì.** Sự mong đợi rằng cuộc sống, với những thăng trầm của nó, về cơ bản sẽ ổn nếu người ta có thể thích ứng với hoàn cảnh là thái độ ở mức 250 tiêu biểu.

Con người của Trung lập có một cảm giác hạnh phúc; Dấu hiệu của mức độ này là một khả năng tự tin để sống trên thế giới. Điều này, do đó, theo kinh nghiệm của một mức độ an toàn. **Mọi người ở cấp độ này dễ dàng hòa hợp, an toàn để ở quanh và liên kết,** bởi vì họ không quan tâm đến xung đột, cạnh tranh, hoặc tội lỗi. **Họ cảm thấy thoải mái và không bị ảnh hưởng bởi cảm xúc.** Thái độ này **không phán xét** và không dẫn đến bất kỳ **nhu cầu** nào để **kiểm soát hành vi của người khác.** Tương ứng, bởi vì **người Trung lập coi trọng sự tự do, nên họ khó để kiểm soát.**

MỨC NĂNG LƯỢNG 310: WILLINGNESS - SẴN SÀNG.

Mức độ năng lượng rất tích cực này có thể được xem như là cánh cổng đi đến những mức năng lượng cao hơn. Trong khi đó, ở mức độ trung tính, các công việc được hoàn thành đầy đủ nhưng ở mức **Sẵn sàng, công việc được thực hiện tốt và thành công bằng tất cả các nỗ lực** là phổ biến. **Sự trưởng thành thì nhanh chóng. Sự sẵn sàng ám chỉ một người đã vượt qua sự chống đối nội tâm đối với cuộc sống và cam kết tham gia vào cuộc sống.** Dưới mức năng lượng 200, con người có xu hướng thận trọng, nhưng ở mức 310, một sự cởi mở lớn xuất hiện. **Ở mức này, con người trở nên thân thiện và thành công về mặt xã hội và kinh tế** dường như theo sau một cách tự động. Người sẵn sàng không thực sự gặp rắc rối bởi thất nghiệp; bởi vì họ sẽ làm bất kì công việc nào khi họ phải làm; hoặc tạo ra một nghề nghiệp hoặc tự làm việc cho bản thân; họ không cảm thấy bị coi thường khi làm những công việc phục vụ hoặc bắt đầu với những công việc ở dưới thấp. Họ có ích cho người khác và đóng góp vào sự tốt đẹp của xã hội. Họ cũng sẵn sàng đối mặt với những vấn đề nội tâm và không có những chướng ngại chính cản trở sự học tập.

Ở mức này, lòng tự trọng sẽ cao và được củng cố bởi những phản hồi tích cực từ xã hội dưới nhiều hình thức như ghi nhận, đánh giá cao và khen thưởng. Sẵn sàng là thông cảm và sẵn sàng đáp lại những nhu cầu của người khác. **Những người sẵn sàng là những người xây dựng và đóng góp cho xã hội.** Với khả năng phục hồi từ nghịch cảnh và học hỏi từ kinh nghiệm, họ có xu hướng trở nên tự sửa sai. Đã từ bỏ sự kiêu hãnh, họ sẵn sàng nhìn vào những thiếu sót của mình và học hỏi từ người khác. Ở mức sẵn sàng con người trở thành những sinh viên ưu tú. Họ có thể dễ dàng giảng dạy và đại diện cho một nguồn sức mạnh đáng kể cho xã hội.

MỨC NĂNG LƯỢNG 350: ACCEPTANCE - CHẤP NHẬN

Ở cấp độ nhận thức này, một sự chuyển đổi lớn diễn ra, với sự hiểu biết rằng ta là nguồn gốc và là người tạo ra sự trải nghiệm của cuộc sống. Chịu trách nhiệm như vậy là đặc điểm của mức độ tiến hóa này, đặc trưng bởi khả năng sống hài hoà với những ảnh hưởng của cuộc sống.

Tất cả mọi người ở các cấp dưới 200 có khuynh hướng bắt lực và tự coi mình là nạn nhân, phó mặc cho cuộc đời. Điều này bắt nguồn từ niềm tin rằng khởi nguồn hạnh phúc của một người hoặc nguyên nhân của những vấn đề rắc rối của một người là "ở ngoài kia". Một sự nhảy vọt mạnh mẽ - lấy lại năng lượng của chính mình - được hoàn thành ở cấp độ này, với việc nhận ra rằng khởi nguồn của hạnh phúc thì nằm trong chính mỗi người. Ở giai đoạn phát triển này, không có cái gọi là "ngoài kia" có khả năng làm cho người ta hạnh phúc, và tình yêu không phải là cái gì đó được trao hay lấy đi bởi người khác, mà được tạo ra từ bên trong.

Chấp nhận không thể bị nhầm lẫn với sự thụ động, một triệu chứng của vô cảm. Hình thức Chấp nhận này **cho phép con người dẫn thân vào cuộc sống mà không cố gắng làm cuộc sống phù hợp với bản thân**. Với Chấp nhận, **có sự bình tĩnh về cảm xúc và nhận thức được mở rộng khi sự từ chối được vượt qua**. Bây giờ người ta thấy mọi thứ mà không bị bóp méo hoặc diễn giải sai; Bối cảnh kinh nghiệm được mở rộng để người ta có thể "nhìn thấy toàn bộ bức tranh". Việc chấp nhận phải thực hiện cơ bản với sự cân bằng, tỷ lệ và sự phù hợp.

Cá nhân ở mức Chấp nhận không quan tâm đến việc xác định đúng hay sai, mà thay vào đó là dành riêng cho việc giải quyết các vấn đề và tìm ra những việc cần giải quyết. Công việc khó khăn không gây khó chịu hoặc mất tinh thần. Các mục tiêu dài hạn được ưu tiên hơn các mục tiêu ngắn hạn; nổi bật là tự kỷ luật và làm chủ.

Ở mức chấp nhận, chúng ta **không bị dao động bởi xung đột hoặc chống đối**; Chúng ta thấy rằng những người khác có những quyền như chúng ta, và chúng ta **tôn trọng sự bình đẳng**. Trong khi đó mức độ thấp hơn được đặc trưng bởi tính cứng nhắc, ở cấp độ này, phần lớn xã hội bắt đầu nảy ra như một hình thức giải quyết các vấn đề. Do đó, mức này **không có sự phân biệt đối xử hoặc không dung nạp**; Có nhận thức rằng sự bình đẳng không ngăn cản sự đa dạng. Chấp nhận là bao gồm chứ không phải từ chối.

MỨC NĂNG LƯỢNG 400: REASON - LÝ TRÍ

Sự thông minh và sự hợp lý tăng lên đến hàng đầu khi sự đa cảm của các mức độ thấp hơn bị vượt quá. **Lý trí có khả năng xử lý dữ liệu lớn, phức tạp; Đưa ra những quyết định nhanh chóng, chính xác; Hiểu được sự phức tạp của các mối quan hệ, sự phân cấp và sự phân biệt tốt; Và sự thao tác chuyên môn của các biểu tượng như các khái niệm trừu tượng, ngày càng trở nên quan trọng.** Đây là trình độ của khoa học, y học, và khả năng khái quát hoá và hiểu rõ. Kiến thức và giáo dục được xem là trên hết. Sự hiểu biết và thông tin là những công cụ chính của thành tựu, đó là dấu hiệu xác nhận của mức 400. Đây là mức độ của những người đoạt giải Nobel, các nhà chính trị vĩ đại, và các thẩm phán Tòa án Tối cao. Einstein, Freud và nhiều nhà tư tưởng vĩ đại khác của lịch sử cũng ở mức này. Các tác giả của *Các cuốn sách vĩ đại của Thế giới phương Tây (Great Books of the Western World)* cũng ở mức này.

Những thiếu sót của cấp độ này là sự thất bại trong việc phân biệt rõ sự khác biệt giữa các biểu tượng và cái mà chúng đại diện, và sự nhầm lẫn giữa các thế giới khách quan và chủ quan cái mà giới hạn sự hiểu biết về mối quan hệ nhân quả. **Ở cấp độ này, rất dễ không nhìn nhận sự việc một cách rõ ràng, trở nên mê đắm các khái niệm và lý thuyết, kết thúc trong chủ nghĩa duy tâm và bỏ qua những điểm thiết yếu. Tri thức hoá có thể trở thành một kết thúc trong chính nó.** Lý trí bị giới hạn bởi vì nó không đủ khả năng để phân biệt bản chất hay điểm quan trọng của một vấn đề phức tạp. Và nó thường bỏ qua ngữ cảnh.

Lý trí không thể tự nó đưa ra một hướng dẫn để đi đến chân lý. Nó tạo ra số lượng lớn thông tin và tài liệu, nhưng thiếu khả năng để giải quyết sự khác biệt trong dữ liệu và kết luận. Tất cả các lập luận triết học có vẻ thuyết phục theo cách của chúng. Mặc dù Lý trí có hiệu quả cao trong một thế giới kỹ thuật, nơi mà các phương pháp logic chiếm ưu thế, **chính Lý trí, là nghịch lý, là khối chính để đạt đến mức độ ý thức cao hơn.** Vượt quá mức độ này thì tương đối ít - chỉ bằng 4% dân số thế giới. [Cái vô hạn trong lòng bàn

tay - Matthieu Ricard - Trịnh Xuân Thuận.]

MỨC NĂNG LƯỢNG 500: LOVE - TÌNH YÊU

Tình yêu được miêu tả trên truyền thông không phải là kiểu tình yêu ở mức này. Trái lại, những thứ mà thế giới nhìn chung ám chỉ về tình yêu là một cảm xúc mãnh liệt, kết hợp với sự thu hút thân thể, sự sở hữu, kiểm soát, nghiện ngập, tư tưởng dâm dục và tính mới lạ. Nó thường mong manh dễ vỡ và dao động, thay đổi và suy yếu với những điều

kiện khác nhau. Khi gặp thất vọng, cảm xúc này thường cho thấy một sự tức giận tiềm ẩn và sự phụ thuộc mà nó từng che giấu. Tình yêu có thể chuyển thành căm ghét là một khái niệm chung. Nhưng những gì đang được nói đến hơn tình yêu là một sự hấp dẫn và sự gắn bó đầy say mê. Căm ghét bắt nguồn từ sự kiêu hãnh, không phải từ tình yêu. Có lẽ đó không bao giờ có một tình yêu thực sự trong một mối quan hệ như vậy.

Mức 500 được đặc trưng bởi sự phát triển của một Tình yêu vô điều kiện, không thay đổi và vĩnh cửu. Nó không bị dao động – những nguồn gốc của nó không phụ thuộc vào những yếu tố bên ngoài. Tình yêu là một trạng thái sống. Nó là một cách liên kết với thế giới có tính tha thứ, nuôi dưỡng và hỗ trợ. Tình yêu không phải là trí tuệ và không bắt nguồn từ tâm trí. Tình yêu xuất phát từ trái tim. Nó có khả năng nâng đỡ người khác và đạt được những thành tích xuất sắc bởi những lí do thuần khiết của chính nó.

Ở mức độ phát triển này, **khả năng phân biệt được bản chất** trở nên nổi bật; **cốt lõi của một vấn đề trở thành trung tâm của trọng tâm**. Khi lý trí bị bỏ qua, nảy sinh khả năng nhận ra ngay lập tức toàn bộ một vấn đề và một sự mở rộng lớn về bối cảnh, đặc biệt là về thời gian và sự tiến bộ. Lý trí chỉ đề cập đến các chi tiết cụ thể, trong khi tình yêu đề cập đến toàn bộ. Khả năng này, thường được gán cho **trực giác**, là **khả năng thấu hiểu ngay lập tức** mà không cần phân loại lại việc xử lý các ký hiệu liên tiếp. Hiện tượng trừu tượng rõ ràng này thực chất là khá cụ thể; Nó được đi kèm bởi một sự giải phóng đo lường được của endorphins²⁴ trong não.

Tình yêu không chiếm vị trí và do đó là toàn bộ, vượt lên trên sự tách biệt vị trí. Sau đó có thể là "người này với người khác", vì không có rào cản nào khác. Vì vậy **tình yêu bao gồm và mở rộng dần dần ý thức về bản thân**. Tình yêu **tập trung vào sự tốt lành của cuộc sống trong tất cả các biểu hiện và gia tổ của nó** là điều tích cực. Nó **làm tan biến tính tiêu cực bằng cách tái cấu trúc lại thay vì tấn công nó**.

Đây là mức của hạnh phúc đích thực. Mặc dù thế giới bị mê hoặc bởi Tình yêu, thì điều đáng lưu ý là chỉ có 0.4% dân số thế giới đạt đến mức độ của sự tiến hóa ý thức này. Chỉ có 0,4 % đạt tới mức tình yêu vô điều kiện ở mức 540.

²⁴ Endorphins là hooc-môn giúp người ta vui vẻ, luôn cảm thấy yêu đời, nghĩ ra được cái mới, lúc nào cũng tự tin, căng tràn sức sống... Chỉ tiết ra trong cơ thể mỗi người khi có sự vận động tập luyện.

MỨC NĂNG LƯỢNG 540: JOY - NIỀM VUI

Khi tình yêu ngày càng trở nên vô điều kiện, nó bắt đầu được trải nghiệm như một Niềm vui thâm kín. Đây không phải là niềm vui bất ngờ của sự biến chuyển thú vị; **Đó là một sự bổ sung liên tục cho tất cả các hoạt động. Niềm vui phát sinh từ bên trong mỗi khoảnh khắc của sự tồn tại, chứ không phải từ bất kỳ nguồn bên ngoài nào khác.** Mức 540 cũng là mức độ của chữa lành và của tinh thần dựa trên các nhóm tự lực.

Từ mức 540 trở lên là lãnh vực của các vị thánh, của những người chữa bệnh tinh thần, và nhà nghiên cứu tâm linh cao cấp. Đặc điểm của mức năng lượng này là **khả năng kiên nhẫn to lớn và sự kiên trì của một thái độ tích cực khi đối mặt với nghịch cảnh kéo dài.** Dấu hiệu của mức này là **lòng trắc ẩn.** Những người đạt được mức này có ảnh hưởng đáng kể đến người khác. Họ có khả năng kéo dài, mở mắt nhìn chăm chăm, điều mà gây ra một tình trạng của tình yêu và hòa bình.

Ở mức trên 500, **thế giới mà ta nhìn thấy được soi sáng bởi vẻ đẹp tinh tế và sự hoàn hảo của sự sáng tạo.** Mọi thứ xảy ra một cách dễ dàng, bởi tính đồng bộ, và thế giới và mọi thứ trong đó được xem là một biểu hiện của tình yêu và thần thánh. Cá nhân sẽ sáp nhập vào ý chí của Thiên Chúa. Sự Hiện diện được cảm nhận với sức mạnh tạo ra các hiện tượng ngoài kỳ vọng thông thường của thực tế, được gọi là phi thường bởi những người quan sát bình thường. Những hiện tượng này đại diện cho sức mạnh của lĩnh vực năng lượng, không phải của cá nhân.

Ý thức trách nhiệm của một người đối với những người khác ở cấp độ này có đặc trưng khác với những mức độ thấp hơn. Có một khao khát sử dụng trạng thái ý thức của một người vì lợi ích của bản thân hơn là cho các cá nhân cụ thể. Khả năng yêu nhiều người cùng một lúc đi kèm với khám phá rằng một người yêu càng nhiều, thì người đó càng có thể yêu nhiều hơn.

Những trải nghiệm cận kề cái chết, có đặc điểm biến đổi theo tác động của chúng, thường cho phép người ta trải nghiệm mức năng lượng từ 540 đến 600.

MỨC NĂNG LƯỢNG 600: PEACE - BÌNH AN

Lĩnh vực năng lượng này có liên quan đến kinh nghiệm được phác họa bởi các thuật ngữ như tính siêu việt, sự phát triển năng khiếu bản thân, và ý thức Thiên Chúa. **Nó cực kỳ hiếm. Khi đạt đến trạng thái này, sự khác biệt giữa chủ thể và đối tượng sẽ biến mất, và không có điểm nhấn quan trọng cụ thể của nhận thức.** Không phải bất thường, những cá nhân ở mức này **tự loại bỏ mình ra khỏi thế giới, vì trạng thái hạnh phúc có**

thể ngăn cản hoạt động bình thường. Một số trở thành giáo viên tâm linh; Những người khác làm việc ẩn danh để cải thiện nhân loại. Một số ít trở thành thiên tài vĩ đại trong các lĩnh vực tương ứng và có những đóng góp to lớn cho xã hội. Những người này thì rất tốt bụng và cuối cùng có thể được chỉ định chính thức là các vị thánh, mặc dù ở cấp độ này, tôn giáo chính thức thường xuyên vượt lên, được thay thế bằng tâm hồn thuần túy mà tất cả tôn giáo đều bắt nguồn.

Nhận thức ở mức 600 và ở trên thì đôi khi được thông báo là xuất hiện trong chuyển động chậm, lơ lửng trong thời gian và không gian- mặc dù không có gì là đứng một chỗ; Tất cả đều sống động và rạng ngời. Mặc dù thế giới này là thế giới tương tự mà người khác nhìn thấy, nó trở nên liên tục chảy trôi, phát triển trong một điệu nhảy tiến hóa kết hợp tinh tế, trong đó ý nghĩa và khởi nguồn thì tràn ngập. Sự soi rọi tuyệt vời này diễn ra không hợp lý, do đó có một sự im lặng vô hạn trong tâm trí, cái mà đã ngừng khái niệm hoá. Cái đang chứng kiến và cái được chứng kiến có cùng bản sắc; Người quan sát hòa tan vào phong cảnh và trở nên ngang bằng với cái được quan sát. Tất cả mọi thứ được kết nối với mọi thứ khác bởi một sự hiện diện có quyền lực là vô hạn, tinh tế trang nhã, nhưng chắc chắn.

Các tác phẩm nghệ thuật vĩ đại, âm nhạc và kiến trúc có thể ở mức giữa 600 và 700 có thể giúp chúng tôi tạm thời đưa chúng đến mức độ cao hơn của ý thức và được công nhận là có tính truyền cảm và vô tận.

MỨC NĂNG LƯỢNG 700-1000: ENLIGHTENMENT - GIÁC NGỘ

Đây là mức độ của những người vĩ đại trong lịch sử, những người có nguồn gốc từ các mô hình tinh thần mà đa số đã theo suốt các thời đại. Tất cả đều liên quan đến thần thánh, đến cái mà chúng thường được nhận dạng. **Đây là mức độ cảm hứng mạnh mẽ; được đặt vào những nơi năng lượng hấp dẫn ảnh hưởng đến toàn thể nhân loại qua các thời đại.** Ở mức độ này, không còn trải nghiệm của một cái tôi cá nhân tách rời khỏi những người khác; Đúng hơn, có một sự nhận dạng về Bản ngã với Ý Thức và Thần thánh. **Sự không rõ ràng được trải nghiệm như là Tự vượt khỏi tâm trí.** Tính siêu việt của bản ngã cũng được phục vụ bằng ví dụ để dạy người khác làm thế nào để cuối cùng có thể được hoàn thành. Đây là đỉnh cao của sự tiến hóa của ý thức trong lĩnh vực con người.

Những giáo lý vĩ đại nâng cao quần chúng và nâng cao mức độ nhận thức của toàn thể nhân loại. Để có tầm nhìn như vậy được gọi là Ân sủng, và ân sủng mà nó mang lại là sự bình an vô tận, được mô tả như là không thể hiểu nổi, vượt ra ngoài giới hạn lời nói. Ở

mức độ hiện thực này, ý thức về sự tồn tại của một người vượt qua mọi thời đại và cá tính. Không còn bất kỳ sự đồng nhất hoá nào với thân thể "tôi", và do đó, số phận của nó không đáng lo ngại lắm. **Thân thể được xem như là một công cụ của ý thức thông qua sự can thiệp của tâm trí, giá trị cốt yếu của giao tiếp. Bản chất hòa nhập lại vào BẢN CHẤT** (*The self merges back into the Self*). **Bản chất thuộc về cá nhân (nhỏ) hòa nhập trở lại vào**

bản chất của toàn vũ trụ (lớn). Đây là mức độ vô nhị, hoặc hoàn thành tính thống nhất.

Không có sự hạn định của ý thức; Nhận thức ở khắp mọi nơi đều được trình bày như nhau.

Những tác phẩm nghệ thuật vĩ đại miêu tả những cá nhân đã đạt đến trình độ Giác ngộ đặc trưng cho thấy vị thầy có vị trí tay cụ thể, gọi là một thủ ấn, trong đó lòng bàn tay toả ra phước hạnh. Đây là hành động truyền tải lĩnh vực năng lượng này đến ý thức của nhân loại. Mức độ Uyên chuyển siêu phàm này đã đạt mức lên đến 1.000, mức cao nhất đạt được bởi bất kỳ ai đã từng sống trong lịch sử ghi lại - với trí thông minh, những hiện thân vĩ đại có tước vị "Chúa" là thích hợp: Thần Krishna, Đức Phật và Chúa Jesus Christ.

Chapter 5: Social Distribution of Consciousness Levels – Phân vùng xã hội của các mức độ ý thức

General Description – Mô tả chung

Chỉ 4% dân số đạt đến mức độ 500 hoặc cao hơn; chỉ 0.4% đạt mức 540; và mức 600 hoặc hơn thì chỉ đạt được bởi 1 trên 10 triệu người.

Thoạt đầu, những số liệu đó dường như không chắc có thực, nhưng nếu chúng ta xem xét về điều kiện của thế giới, chúng ta sẽ nhanh chóng nhận thấy dân số thế giới của toàn bộ các lục địa nhỏ đang sống ở mức độ vừa đủ tồn tại. Nạn đói, bệnh tật là phổ biến, thường đi cùng với sự đàn áp chính trị và khan hiếm những nguồn lực xã hội. Nhiều người sống trong tình trạng tuyệt vọng ở mức năng lượng Vô cảm, cam chịu cuộc sống nghèo khổ của họ. Chúng ta cũng phải nhận ra là nhiều người chủ yếu sống trong Sợ hãi; hầu hết mọi người dành cả cuộc đời của họ để tìm kiếm một hình thức của sự an toàn. Đối với những người mà cuộc sống đã vượt qua nhu cầu sinh tồn cấp bách để cho phép họ tự do làm theo ý mình thì trở nên Khao khát, và thành công trong việc đạt được những khao khát dẫn đến Kiêu hãnh.

Bất kỳ sự thỏa mãn đầy ý nghĩa nào của con người không thể bắt đầu cho đến khi đạt đến mức năng lượng 250, đây là mức mà một số mức độ tự tin bắt đầu xuất hiện như 1 nền tảng cho những trải nghiệm cuộc sống tích cực trong sự tiến hóa của ý thức.

Cultural Correlations – Các tương quan văn hóa

Mức năng lượng dưới 200 là phổ biến nhất ở những điều kiện cực kì thô sơ, nơi mà con người phải lo cho sự sinh tồn tối thiểu. Mù chữ, thất học, tỷ lệ trẻ sơ sinh chết cao, bệnh tật và suy dinh dưỡng là phổ biến. Những kỹ năng là sơ đẳng và xoay quanh việc thu lượm thức ăn và nhiên liệu, phụ thuộc hoàn toàn vào những thay đổi bất thường của môi trường. Đây là mức độ văn hóa thời đồ đá, chỉ cao hơn sự tồn tại của động vật.

Mức năng lượng giữa 200 gắn liền với **lao động bán kỹ năng**. Trình độ giáo dục cấp 2 bắt đầu.

Mức năng lượng 200 cao được đại diện bởi những **lao động có kỹ năng**, công nhân cổ xanh²⁵...

Ở mức 300, chúng ta thấy những **nhà kỹ thuật, nhà chuyên môn**, thợ thủ công lành nghề...

Ở mức giữa 300, chúng ta thấy những nhà **quản lý cấp cao**, những **nhà giáo dục**..

Mức 400 là mức của sự thức tỉnh trí tuệ, tầng lớp **những người chuyên nghiệp, trình độ giáo dục cao hơn, kỹ năng cao hơn, những nhà khoa học**. Ngôi nhà của họ trưng bày những tạp chí xuất bản định kỳ và những kệ đầy sách. Họ hứng thú với những kênh truyền hình giáo dục và ý thức chính trị phức tạp. Những hoạt động nghệ thuật, những cuộc trò chuyện tinh thông, những bận tâm trí tuệ, những hoạt động sáng tạo như chơi cờ, du lịch, đến rạp hát và xem hòa nhạc. Mức 400 cao gắn liền với những nhà lãnh đạo ở những lĩnh vực của họ, với danh tiếng và thành tựu cao. Cả Einstein, Freud, Newton, Descartes đạt mức 499.

Ở mức 500, **ý thức tạo nên sự tiến bộ phi thường**. Dù sự sinh tồn của cá nhân vẫn quan trọng thì động lực của Tình yêu bắt đầu tô màu cho tất cả hoạt động, và **sự sáng tạo được bộc lộ trọn vẹn**, đi cùng với nó là sự **cam kết và cống hiến và sự bộc lộ của những đức tính thu hút quần chúng**. Ở đây, sự xuất sắc phổ biến ở mọi lĩnh vực, từ thể thao đến khoa học. Ở mức độ này âm nhạc, hội họa và kiến trúc vĩ đại xuất hiện, cũng như khả năng nâng cao tinh thần của người khác chỉ bằng sự hiện diện của người đó.

Ở mức 600 cuộc sống của một người **có thể trở thành thần thoại**.

²⁵ “Công nhân cổ xanh” thường chỉ những nhân viên chủ yếu lao động chân tay, như công nhân vận hành máy móc, sửa chữa, vận tải, xây dựng v. v

Progression of Consciousness – Sự phát triển của ý thức

Mặc dù các mức độ đã mô tả trong một biên độ biến đổi lớn, nhưng nó không có ý nghĩa là các cá nhân sẽ chuyển đổi từ mức độ này đến mức độ khác (ví dụ từ 400 lên 600) trong thời gian sống của người đó. **Khu vực năng lượng được hiệu chuẩn cho một cá nhân tại thời điểm sinh chỉ tăng, ở mức trung bình, trong khoảng 5 điểm (+5).** Mức độ cá nhân của ý thức đã sẵn sàng gây ảnh hưởng từ lúc sinh ra là một thực tế nghiêm túc với các hàm ý sâu sắc. Và bản thân ý thức, trong sự biểu hiện của nó giống như nền văn minh của con người, phát triển chậm rãi, thông qua nhiều thế hệ.

Đa số mọi người sử dụng cả các kinh nghiệm trong đời để xây dựng và thể hiện các sự biến đổi trong vùng năng lượng bẩm sinh của họ; Rất hiếm các cá nhân có thể điều chỉnh để vượt qua giới hạn đó, mặc dù nhiều người có thể cải thiện đáng kể phần nội tại của mình. Lý do dễ hiểu là mức độ giới hạn của một người chính là *động cơ (motivation)* của người đó. Động lực bắt nguồn từ *ý nghĩa (meaning)* và ý nghĩa, nói cách khác là *một biểu hiện của hoàn cảnh (expression of context)*. Do đó, *thành tựu (achievement)* bị giới hạn với hoàn cảnh, khi nó được sắp xếp tương ứng với động lực, nó sẽ quyết định năng lượng tương đối của mỗi cá nhân.

Mức tăng trung bình 5 điểm trong thời gian sống dĩ nhiên là một con số thống kê được tạo ra từ nhiều yếu tố khác nhau, chân lý là các lựa chọn tích lũy trong đời người không đặc biệt gây ra sự hạ thấp mạng lưới của mức độ ý thức của họ. Chi tiết sẽ được làm rõ trong chương 23. Sự ảnh hưởng của một số rất ít các cá nhân có ý thức tiến bộ sẽ cân bằng lại quần thể những người có mức độ thấp hơn. Nhưng, ngược lại, sự tiêu cực cực đoan của một vài cá nhân có thể ảnh hưởng toàn bộ nền văn hóa và tạo ra sự lôi kéo mang tính toàn cầu đối với mức độ ý thức chung.

Thử nghiệm Kinesiology chỉ ra rằng chỉ có 2.6% dân số loài người có thể được nhận dạng với sự phân cực Kinesiology bất thường (họ test strong đối với các sự hấp dẫn mang tính tiêu cực và test weak với các sự hấp dẫn mang tính tích cực), điều này giải thích cho 72% các vấn đề xã hội.

Tuy nhiên, có thể vì các cá nhân bị cô lập tạo ra những bước nhảy tích cực bất ngờ, thậm chí hàng trăm điểm (ví dụ +200). Nếu một người có thể thật sự thoát khỏi sự lôi cuốn của thói vị kỷ của khu vực hấp dẫn (vùng thu hút) dưới 200, và lựa chọn một cách có ý thức phương pháp tiếp cận thân thiện, tận tâm, tử tế, và khoan dung đối với cuộc sống, và sau cùng là sự tập trung trước tiên vào việc làm điều từ thiện đối với người khác, thì có thể

chắc chắn đạt đến các mức độ cao hơn, ít nhất lý thuyết là vậy. Trong thực tế sẽ cần đến *sự cao thượng (great)*

Vì thế, **mặc dù sẽ không dễ dàng để rời khỏi một khu vực năng lượng để vào một vùng năng lượng khác trong suốt thời gian sống của một người, nhưng vẫn luôn có cơ hội đó.** Nó luôn là động lực để kích hoạt tiềm năng; không tiến hành lựa chọn, sẽ chẳng có tiến triển gì xảy ra. **Cũng cần nhấn mạnh lại rằng sự tiến triển của các mức độ năng lượng đã được hiệu chỉnh là logarit²⁶; do đó, sự lựa chọn mang tính cá nhân có thể có một hiệu ứng mạnh mẽ.** Sự chênh lệch mức độ năng lượng, ví dụ giữa 361.0 và 361.1 rất có ý nghĩa và có khả năng làm biến đổi (thay đổi) cuộc sống của một người và ảnh hưởng của người đó trong thế giới rộng lớn này.

Chapter 6: New Horizons in Research – Những chân trời mới trong nghiên cứu (lược bỏ)

Social Problems – Các vấn đề xã hội

Industrial and Scientific Research – Nghiên cứu kỹ nghệ và khoa học

Materials Research – Nghiên cứu vật liệu

Product Development – Phát triển sản phẩm

Scientific Inquiry – Nghiên cứu khoa học

Medical Science – Y học

Research in Theology, Epistemology, and Philosophy – Nghiên cứu trong thần học, nhận thức luận/tri thức luận và triết học

²⁶ Logarit là phép toán nghịch đảo của lũy thừa

Chapter 7: Everyday Critical Point Analysis – Phân tích điểm tới hạn mỗi ngày (lược bỏ)

Current and Historic Events – Các sự kiện trong hiện tại và quá khứ

Health Research – Nghiên cứu y tế

Criminal Justice and Police Work – Luật pháp hình sự và hoạt động giữ trật tự

Statistics and Methodology: Time Saving – Dữ liệu thống kê và phương pháp học: tiết kiệm thời gian

Politics and Government – Chính trị và chính phủ

Commerce – Thương mại

Science and Research – Khoa học và nghiên cứu

Clinical Work – Thử nghiệm lâm sàng

Education – Giáo dục

Spirituality – Tinh thần

Chapter 8: The Source of Power – Nguồn gốc của năng lượng

Cái gì là *nguồn năng lượng nội tại* (*intrinsic source of power*) và nó hoạt động như thế nào? Điều gì giải thích cho những sức mạnh to lớn của nó? Tại sao *sự ảnh hưởng* (*force*) cuối cùng lại luôn không chống lại *nội năng lượng* (*power*)?

Nếu một người nghe hết từng câu từ câu trong *tuyên ngôn độc lập* - *Declaration of Independence* (700), nguồn gốc của năng lượng trong tuyên ngôn sẽ xuất hiện: nó là một khái niệm rằng tất cả con người đều bình đẳng bởi đức hạnh của vị thần sáng tạo ra họ (chúa trời), và những quyền lợi của con người là thuộc về bản chất (nội tại) của sự sáng tạo ra con người và vì thế nó là bất khả xâm phạm.²⁷

Đây cũng là khái niệm tương tự là nguồn gốc của năng lượng của Mahatma Gandhi²⁸. Sau khi kiểm tra, chúng ta sẽ thấy rằng năng lượng phát sinh từ ý nghĩa. Nó liên quan đến động cơ và nó liên quan đến nguyên tắc. **Năng lượng luôn luôn được kết nối với cái hỗ trợ cho ý nghĩa của bản thân sự sống.** Nó kêu gọi những gì thuộc về bản chất con người mà chúng ta gọi là *cao quý* (*noble*), trái ngược với *sự ảnh hưởng* (*force*), thứ kêu gọi những

²⁷ "Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc". Trích bản Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của Hoa Kỳ

²⁸ Mahātmā Gāndhī, tên đầy đủ là Mohandas Karamchand Gandhi, là anh hùng dân tộc Ấn Độ, đã chỉ đạo cuộc kháng chiến chống chế độ thực dân của Đế quốc Anh và giành độc lập cho Ấn Độ với sự ủng hộ của hàng triệu người dân.

gì mà chúng ta gọi là *thô lỗ* (*crass*). Năng lượng kêu gọi những gì *nâng lên, đề cao và cao thượng* (*uplifts, dignifies, and ennobles*). Sự ảnh hưởng phải luôn luôn được biện minh, trong khi năng lượng không yêu cầu sự biện minh nào cả. Sức ảnh hưởng gắn với *từng phần* (*partial*), còn năng lượng gắn đến tất cả.

Nếu chúng ta phân tích bản chất của sự ảnh hưởng, chúng ta sẽ nhanh chóng rõ ràng rằng tại sao sự ảnh hưởng luôn phải khuất phục đối với năng lượng; điều này phù hợp với một trong những quy luật vật lý cơ bản. Bởi vì sự ảnh hưởng tự động tạo ra *sự ảnh hưởng – trái chiều* (*counter-force*), ảnh hưởng của nó bị giới hạn bởi sự xác định. Chúng ta có thể nói rằng **sự ảnh hưởng là sự vận động**. Nó **di chuyển** (hoặc cố gắng di chuyển) **từ chỗ này sang chỗ kia giữa những vị trí đối lập** (ví dụ: con lắc dao động vĩnh cửu). **Năng lượng**, nói cách khác, **vẫn đứng yên tại chỗ**. Giống như một khu vực cố định không bao giờ di chuyển. Bản thân trọng lực không chuyển động để chống lại bất kỳ thứ gì. Năng lượng của nó di chuyển tất cả mọi vật trong khu vực của nó, nhưng bản thân khu vực trọng lực lại không hề di chuyển.

Sự ảnh hưởng luôn chuyển động để chống lại một số thứ, trong khi năng lượng không chuyển động để chống lại bất cứ điều gì. Sự ảnh hưởng chưa hoàn thiện về mặt bản chất và do đó, nó liên tục cung cấp *năng lượng* (*energy*). Năng lượng là tổng thể và hoàn thiện từ bên trong và thuộc về chính nó và nó không yêu cầu bất cứ thứ gì bên ngoài nó. *Nó không đòi hỏi, cũng không có nhu cầu* (*It makes no demands; it has no needs.*) Bởi vì sự ảnh hưởng có sự thèm khát không bao giờ chán, nên nó liên tục tiêu thụ. Năng lượng, ngược lại, nó tăng cường, đưa ra phía trước, cung cấp, và hỗ trợ. Năng lượng cung cấp cho sự sống và *năng lượng* (*energy*). Sự ảnh hưởng lấy những thứ này đi. Chúng ta lưu ý rằng năng lượng gắn liền với lòng trắc ẩn và làm chúng ta cảm thấy tích cực về chính chúng ta. Sự ảnh hưởng gắn liền với sự phê phán và có xu hướng làm chúng ta cảm thấy tồi tệ về chính chúng ta.

Sự ảnh hưởng luôn tạo ra phản lực – sự phản ảnh hưởng (*counterforce*); ảnh hưởng của nó **phân cực hơn so với sự thống nhất** (*unify*). *Sự phân cực* (*Polarization*) luôn tiềm ẩn xung đột, phí tổn (hao tổn) của nó, do đó luôn cao. Bởi vì sự ảnh hưởng khuyến khích sự phân cực, nên chắc chắn luôn rẽ thành 2 nhánh thắng/thua (được/mất), và bởi vì một vài người luôn thua nên kẻ thù tự nhiên của họ (thiên địch) luôn được tạo ra. Thường xuyên đối mặt với thiên địch, sự ảnh hưởng yêu cầu sự phòng thủ liên tục. Sự

phòng thủ là hao tổn bất biến, cho dù là trên thương trường, chính trị hay các vấn đề quốc tế.

Trong sự tìm kiếm nguồn gốc của năng lượng, chúng tôi đã nhận ra rằng nó gắn liền với ý nghĩa và ý nghĩa lại liên quan đến ý nghĩa của bản thân sự sống. Sự ảnh hưởng là điều cụ thể, bình thường và có thể biện minh được. Nó yêu cầu sự kiểm chứng và hỗ trợ. Tuy nhiên, nguồn gốc của năng lượng, vượt qua sự tranh luận và nó không chịu sự kiểm chứng. Bản thân sự hiển nhiên là không thể biện minh. Sức khỏe quan trọng hơn bệnh tật, sự sống quan trọng hơn cái chết, danh dự thích đáng hơn mất danh dự, niềm tin và sự thật thích đáng hơn nghi ngờ và nhạo báng, xây dựng thích đáng hơn phá hủy là tất cả những phát biểu của bản thân sự hiển nhiên và không chịu sự kiểm chứng. Cuối cùng, một điều mà chúng ta có thể nói về nguồn gốc của **năng lượng** đó là nó **chỉ là “is - chính là”**.

Mỗi nền văn minh đều đặc trưng bởi các nguyên tắc bản địa. Nếu các nguyên tắc của nền văn minh là cao quý thì nền văn minh sẽ thịnh vượng; nếu các nguyên tắc ích kỷ, nền văn minh sẽ sụp đổ. Thuật ngữ “*nguyên tắc – principles*” có thể nghe khá trừu tượng nhưng kết quả của nguyên tắc là hoàn toàn cụ thể. Nếu chúng ta xem xét những nguyên tắc, chúng ta có thể thấy rằng chúng tồn tại trong một khu vực vô hình bên trong bản thân ý thức. Mặc dù chúng ta có thể chỉ ra những ví dụ về *sự trung thực (honesty)* trên thế giới, bản thân sự trung thực giống như nguyên tắc cấu tạo trung tâm đối với nền văn minh, nó là hư không và tồn tại độc lập trong thế giới bên ngoài. **Năng lượng thật sự, xuất phát từ bản thân ý thức; cái chúng ta thấy là một biểu hiện hữu hình của sự vô hình.**

Đạo đức kinh – Lão tử

“Đạo khả đạo phi thường đạo

Danh khả danh phi thường danh

Vô danh vạn vật chi thủy

Hữu danh vạn vật chi mẫu”

Lão tử nói về sự bất đắc dĩ của mình phải dùng đến chữ Đạo để chỉ cho nguyên lý tuyệt đối mà tri thức khái niệm không thể nào đạt tới được (chỉ cái nguyên lý tuyệt đối có trước khi khai thiên lập địa, không sinh, không diệt, không tăng, không giảm). “*Đạo có thể chỉ ra được thì không phải là đạo bất biến.*”

“*Danh có thể gọi được thì không phải là danh bất biến*”. Danh mang nghĩa hạn định (một giới hạn định sẵn, để không vượt qua). Và do đó, không thể dùng danh tương đối để gọi ra được cái nguyên lý bất biến (tuyệt đối). Trên đời, mọi chuyện đều là tương đối,

không có gì là tuyệt đối cả, vì chúng không ngừng biến đổi, dịch hóa. Luôn tồn tại những trạng thái mâu thuẫn hay đối nghịch như có – không, cao – thấp, ngắn – dài, tốt – xấu, đúng – sai... “*Thiên hạ đều biết tốt là tốt thì đã có xấu rồi; đều biết lành là lành thì đã có cái chẳng lành rồi.*” Hay “*Họa, chính là chỗ dựa của phúc; phúc, là chỗ nấp của họa.*” Cho nên không thể chính danh được, bởi không có danh nào tuyệt đối. Những trạng thái mâu thuẫn luôn song hành và ở trong chính cái mâu thuẫn của chúng. Từ đó, Lão tử diễn giải Đạo dưới 2 phương diện Vô và Hữu. “*Không là tên gọi khởi đầu của mọi vật. Có là tên gọi mẹ của mọi vật*”. Vô thì đạo là nguyên lý của trời đất, nguyên lý vô hình. Còn Hữu thì đạo là mẹ sinh ra vạn vật, là nguyên lý hữu hình.

“Thí Đạo chi tại thiên hạ.

Du xuyên cốc chi ư giang hải.”

Lão tử hình dung sự tồn tại Đạo giống như một điều hiển nhiên. Theo lẽ thường sông ngòi luôn chảy ra biển lớn. “*Đạo tồn tại dưới bầu trời này. Như suối khe chảy vào sông biển*”

“Phản giả Đạo chi động

Nhược giả Đạo chi dụng

Thiên hạ vạn vật sanh ư Hữu

Hữu sanh ư vô”

Vì những trạng thái mâu thuẫn luôn song hành nên Đạo luôn chuyển động qua lại giữa 2 mặt đối lập, từ thấp đến cao rồi từ cao trở về thấp. Và khi nó chuyển động như thế thì thấp sẽ suy yếu trở thành cao và cao sẽ suy yếu trở thành thấp. Nhờ sự dịch chuyển của Đạo mà người quân tử đưa thân ra sau mà thân lại ở trước, để thân ra ngoài mà thân đang còn. “*Lật ngược lại là cách đạo chuyển động. Làm cho suy yếu là cách đạo sử dụng.*” Không suy thành có và có là nguồn gốc của mọi vật “*Mọi vật dưới bầu trời này sinh ra từ có. Có sinh ra từ không*”.

Đạo sinh ra Đức. Đức là cái động hữu hình của đạo. Đạo là nguồn gốc của vạn vật, cái Đức của nó sinh ra trời đất. Trời đất luôn thân nhiên với con số phận của con người “*Thiên địa bất nhân, dĩ vạn vật vi sở cữu – Trời đất không có lòng nhân, coi mọi vật đều là chó rom*”. Đạo trời không thiên vị ai cả “*Thiên đạo vô thân*”.

Những trạng thái mâu thuẫn luôn song hành và ở trong chính cái mâu thuẫn của chúng có trong Đạo đức kinh có phản tương đồng với khái niệm “thái cực”, không có sự phân chia giữa âm và dương, âm trong dương và dương trong âm, khi âm thịnh thì dương

suy và dương thịnh thì âm suy, cực thịnh sẽ bắt đầu suy đến cực suy và cực suy sẽ bắt đầu suy đến cực thịnh.



Đạo Trời bớt chỗ dư bù chỗ thiếu. Mặt khác Đạo theo Lão tử là một nguyên lý quân bình, cho nên không cho cái gì thái quá hay bất cập. Vì vậy, người ta thường muốn làm cho đời trị mà thành ra làm cho đời loạn, càng muốn trị bao nhiêu thì lại càng loạn bấy nhiêu. Do đó, đừng có ham can thiệp vào việc đời và nếu cần làm thì hãy làm cái không làm “vi vô vi”, một cách kín đáo và khéo léo. Vô Vi, không phải là không làm gì cả, mà nghĩa là không làm mà không có gì là không làm, làm một cách hết sức tự nhiên và kín đáo, đem cái tự nhiên mà giúp một cách tự nhiên, không tư tâm, không vị kỷ. Người thi ân không biết là thi ân, người thọ ân không dè là thọ ân. Bậc thánh nhân trị nước nước dùng đến đạo vô vi, dân không hay là mình bị trị.

Sự tự hào, mục đích cao thượng và sự hi sinh cho giá trị của sự sống – tất cả giống như những gì đã được xem như việc truyền cảm hứng, mang lại ý nghĩa của sự sống. Nhưng cái thật sự truyền cảm hứng cho chúng ta trong thế giới vật chất là những thứ tượng trưng cho những khái niệm có ý nghĩa to lớn đối với chúng ta. Giống như các biểu tượng điều chỉnh động cơ của chúng ta bằng những nguyên tắc trừu tượng. Một biểu tượng có thể điều khiển năng lượng lớn bởi vì nguyên tắc của nó đã tồn tại sẵn trong ý thức của chúng ta.

Ý nghĩa quan trọng đến mức khi sự sống mất đi ý nghĩa, thì sau đó thường xảy ra tự sát. Khi sự sống mất đi ý nghĩa, chúng ta đầu tiên sẽ bắt đầu chán nản; khi sự sống mất hoàn toàn ý nghĩa, chúng ta cuối cùng sẽ rời bỏ sự sống. **Sự ảnh hưởng có những mục tiêu tạm thời; khi những mục tiêu này được đạt tới, chúng để lại sự trống rỗng (emptiness) của sự vô nghĩa (meaninglessness).** Năng lượng, nói cách khác, thúc đẩy chúng ta không ngừng. Nếu cuộc sống của chúng ta được dâng tặng, ví dụ, để nâng cao phúc lợi cho những người khác và những người mà chúng ta liên hệ, cuộc sống của chúng ta sẽ không bao giờ mất đi ý nghĩa. *(Người đắc đạo đặt thân mình ở sau mà thân lại được ở trước, đặt thân mình ra ngoài mà thân mới còn được? Đạo đức kinh - Lão tử; Cho yêu thương để được yêu thương. Muốn có được phải cho đi.)* Nếu mục đích trong đời của chúng

ta, nói cách khác, chỉ là thành công về mặt tài chính, thì chuyện gì sẽ xảy ra khi chúng ta đạt được mục đích của mình? Đây là một trong những nguyên nhân gây bệnh hay nguyên nhân cơ bản của sự chán nản (trầm cảm) ở những người thuộc độ tuổi trung niên.

Sự trống rỗng đến từ những thất bại trong việc căn chỉnh cuộc sống của một người với những nguyên tắc mà từ đó năng lượng tỏa ra. Một minh họa tốt nhất cho hiện tượng này có thể được nhìn thấy thông qua cuộc đời của các nhạc sĩ, nhà soạn nhạc, nhạc trưởng vĩ đại trong thời đại của chúng ta. Họ thường xuyên làm việc cho đến tuổi 80 và 90, họ có con và sống khỏe mạnh cho đến khi tuổi già đã chín muồi. Cuộc sống của họ đã được dành riêng cho sự sáng tạo và hiện thân của cái đẹp; cái đẹp kết hợp và biểu hiện năng lượng khổng lồ. Chúng ta biết một cách lâm sàng rằng sự liên kết với vẻ đẹp được gắn liền với *sự trường thọ và sức sống (longevity and vigor)*. Bởi vì chúng là một chức năng của sáng tạo, giống như việc trường thọ phổ biến trong tất cả các ngành nghề sáng tạo.

≈ đã lược bỏ ≈

Học thuyết của nhà vật lý David Bohm, phát biểu rằng có cả những vũ trụ vô hình và hữu hình. Ý tưởng này không hề đáng lo ngại.; rất nhiều thứ mà chúng ta quen thuộc hàng ngày – tia X, sóng vô tuyến và sóng truyền hình – cũng không hữu hình. Một vũ trụ “cuộn vào” chạy song song với vũ trụ “mở ra” hữu hình. Vũ trụ mở ra, hữu hình chỉ là một biến cố của vũ trụ cuộn vào, vô hình.

Khi vận động viên Roger Bannister chạy 1 dặm trong 4 phút, anh ta đã tạo ra một khu vực M mới. Hệ thống niềm tin trong ý thức con người đã phổ biến một điều 1 dặm trong 4 phút là một giới hạn trong khả năng của con người. Một khu vực M mới đã được tạo ra, nhiều vận động viên điền kinh đột nhiên bắt đầu phá vỡ kỷ lục 1 dặm 4 phút này. Điều này xảy ra mỗi khi nhân loại đột ngột bắt đầu một quan niệm mới, liệu rằng chúng ta có thể bay (khu vực M tạo ra bởi anh em nhà Wright), hay khả năng phục hồi từ việc nghiện rượu (vùng M được tạo ra bởi Bill W., Người sáng lập hiệp hội Những người nghiện rượu Vô danh - Alcoholics Anonymous). Một khu vực M được tạo ra, mỗi người lập đi lập lại thành quả đó sẽ củng cố năng lượng của khu vực M.

Tất cả chúng ta đều quen thuộc với sự thật rằng những ý tưởng mới thường xuất hiện trong tâm trí một số người không gần nhau tại cùng một thời điểm. Bằng cách nào đó, khu vực M hoạt động giống như một nguyên tắc tổ chức, giống như một loại hấp dẫn từ

tính chung. Khu vực *M* không di chuyển tới bất kỳ đâu. Nó là một khu vực năng lượng cố định nhưng lại hiện diện ở khắp mọi nơi. Một khi nó được tạo ra, nó tồn tại như một khuôn mẫu có sẵn trong khắp vũ trụ vô hình.

≈ đã lược bỏ ≈

Thuyết hỗn độn (động lực phi tuyến) - *chaos theory (nonlinear dynamics)*. Sự hỗn loạn (*chaos*) chỉ đơn thuần có nghĩa là một khối lượng dữ liệu rõ ràng là vô nghĩa – ví dụ như một bó các dấu chấm – trong đó người ta không thể thấy bất kỳ khuôn mẫu có tổ chức nào. Với sự ra đời của kỹ thuật máy tính tiên bộ, bằng các phân tích máy tính với dữ liệu có vẻ vô tổ chức người ta đã phát hiện ra những khuôn mẫu có tổ chức bên trong; những thứ xuất hiện rời rạc thực ra lại có một liên kết ẩn bên trong.

Những khuôn mẫu được tiết lộ từ phép phân tích thường trông giống như hình số 8 uốn ngược lại trên chính nó, thường xảy ra với hiệu ứng phễu (*funnel effect*), để bản thân hình ảnh của nó có một cấu hình hình học lặp lại (*repeatable geometric configuration*). Điều khoa học nhận ra là điều mà nhà thần bí đã tuyên bố trong nhiều thế kỷ: *the universe is indeed coherent, unified, and organized around unifying patterns*. - vũ trụ thật sự kết hợp, thống nhất và có tổ chức xung quanh các khuôn mẫu thống nhất.

Động học phi tuyến đã xác minh rằng thực sự không có những sự hỗn loạn trong vũ trụ; sự xuất hiện xáo trộn chỉ là một chức năng của những giới hạn về nhận thức. Đây có vẻ là một phát hiện gây phiền nhiễu cho những người tư duy bằng não trái, nhưng lại là hiển nhiên cho những người tư duy bằng não phải. Những người sáng tạo chỉ viết, vẽ, điêu khắc, hay thiết kế cái mà họ đã nhìn thấy bên trong tâm trí của mình. Chúng ta không rón ràng bởi logic, chúng ta rón ràng bởi những khuôn mẫu của cảm giác. Chúng ta lựa chọn từ các giá trị và các giác trị lại liên kết với những khuôn mẫu nội tại.

Chuỗi quan hệ nhân quả được chấp nhận như một kiến thức thông thường trong khoa học cơ bản xảy ra theo chuỗi $A \rightarrow B \rightarrow C$. Trong sự sắp đặt của thuyết định mệnh hữu hình (*material determinism*), *nothing is inherently free, but only the result of something else* - không có gì là bản chất là không có ràng buộc, mà nó chỉ là kết quả của một cái gì đó khác. Bằng cách ấy, nó bị hạn chế lại; cái mà hệ thống này định nghĩa là thế giới của sự ảnh hưởng. Sự ảnh hưởng A dẫn đến kết quả sự ảnh hưởng B, sau đó được truyền đến sự ảnh hưởng C với kết quả D. D trong lượt của mình, sẽ trở thành khởi đầu của

các chuỗi khác trong các phản ứng dây chuyền, đến vô cực. Đây là thế giới tư duy bằng não trái, trần tục và có thể dự đoán được. Đó là dạng thức được giới hạn mà từ đó khoa học hoạt động: có thể so sánh, quen thuộc, có thể kiểm soát, nhưng không sáng tạo – đã xác định và do đó bị giới hạn, nhưng nhiều người cảm thấy an toàn. Đó là thế giới của năng suất và thực tiễn. Tuy nhiên, đối với những người sáng tạo nó dường như chán ngắt, tầm thường, không gây được xúc động và hạn chế. Đó là một điều để hình dung tòa nhà Empire State, và những điều khác làm cho nó xảy ra. Làm cho một điều xảy ra yêu cầu động cơ.

Động cơ được bắt nguồn từ ý nghĩa. Vì thế, những thế giới vô hình và hữu hình được liên kết với nhau, giống như chúng ta đã sơ đồ nó:



Ở đây, chúng ta thấy khái niệm ABC nằm trong vũ trụ vô hình và cuộn lại, sẽ kích hoạt sự xuất hiện trong thế giới hữu hình để tạo thành kết quả trong chuỗi này, $A \rightarrow B \rightarrow C$. Vì thế, thế giới hữu hình được tạo ra từ thế giới vô hình, và do đó, nó bị ảnh hưởng bởi tương lai. Khả năng của khái niệm vô hình để cụ thể hóa được dựa trên năng lượng của bản thân khái niệm ban đầu. Chúng ta có thể nói rằng **não phải “bắt lấy khuôn mẫu - gets the pattern”** và **não trái “làm nó hữu hình - makes it visible”**. ABC có thể là cả sự hấp dẫn có năng lượng cao lẫn sự hấp dẫn có năng lượng thấp. Một số khái niệm và giá trị nhất định rõ ràng có nhiều năng lượng lớn hơn những cái khác. (Cho đến nay, khoa học chỉ xác định rằng các sự hấp dẫn có thể có cả năng lượng cao lẫn thấp.)

Nói đơn giản, **các khuôn mẫu của sự hấp dẫn mạnh làm chúng ta mạnh mẽ và những khuôn mẫu yếu làm chúng ta yếu đuối**. Một số ý tưởng đang làm suy yếu chủ thể làm thử nghiệm đến mức chỉ giữ chúng trong tâm trí, cũng khiến chủ thể không thể giữ nổi cánh tay mình ở vị trí cũ. Những khái niệm khác mạnh mẽ đến mức khi họ giữ nó trong đầu, thì bất cứ nỗ lực nào cũng không thể buộc cánh tay chủ thể hạ xuống.

Đây là một quan sát lâm sàng mang tính vũ trụ. **Các khuôn mẫu mạnh mẽ gắn liền với sức khỏe; những khuôn mẫu yếu gắn với đau ốm, bệnh tật, thậm chí cả cái chết**. Nếu bạn giữ sự tha thứ trong tâm trí, cánh tay của bạn sẽ trở nên rất mạnh mẽ. Còn nếu bạn giữ sự trả thù trong tâm trí, cánh tay của bạn sẽ yếu đi.

Với mục đích của chúng ta, thật ra chỉ cần nhận ra rằng năng lượng làm cho chúng ta mạnh lên trong khi sự ảnh hưởng làm cho chúng ta yếu đi. *Tình yêu, lòng trắc ẩn, và tha thứ (Love, compassion, and forgiveness)* có thể bị nhầm lẫn với những thứ giống như sự

dễ bảo, là, thật vậy, sự trao quyền sâu sắc (submissive, are, in fact, profoundly empowering). Sự trả thù, phê phán và chỉ trích (Revenge, judgmentalism, and condemnation) nói cách khác, chắc chắn làm cho bạn yếu đi. Vì thế, bỏ qua sự công bằng về đạo đức (moral righteousness), một thực tế lâm sàng đơn giản rằng về lâu về dài, sự yếu ớt không thể chiếm ưu thế để chống lại sự mạnh mẽ. Rằng sự yếu ớt luôn tự sụp đổ.

Những cá nhân có năng lượng to lớn trong suốt lịch sử loài người đã hoàn toàn liên kết chính họ với các sự hấp dẫn mạnh mẽ. Một lần rồi lại một lần, họ đã phát biểu rằng năng lượng họ đã biểu hiện ra không phải là của chính họ hay do họ tạo ra. Tất cả đều cho là nguồn gốc của năng lượng đối với mọi thứ, vĩ đại hơn chính họ.

All of the Great Teachers throughout the history of our species have merely taught one thing, over and over, in whatever language, at whatever time. All have said, simply: Give up weak attractors for strong attractors. – Tất cả minh sư trong suốt lịch sử của loài chúng ta chỉ dạy một điều rằng, lặp đi lặp lại, trong bất kỳ ngôn ngữ nào, tại bất kỳ thời điểm nào. Họ đều nói đơn giản rằng: từ bỏ các sự hấp dẫn yếu cho những sự hấp dẫn mạnh.

Khi kiểm tra những sự hấp dẫn này, chúng tôi nhận thấy rằng một số khuôn mẫu yếu có xu hướng mô phỏng (trong hình thức) các khuôn mẫu mạnh hơn. Chúng tôi gọi chúng là *mẫu bắt chước* (imitators). Do đó, người Đức dưới thời Đức quốc xã đã bị lừa dối bởi thứ tạo ấn tượng là lòng ái quốc (Patriotism) nhưng thật ra lại là chủ nghĩa dân tộc (nationalism) - lòng ái quốc (patriotism) với chữ “p” nhỏ. Người mị dân (demagogue) hay người cuồng tín (zealot) có gắng bán cho chúng ta những mẫu bắt chước như chúng là thật. Tương tự, những người mị dân, đưa ra nhiều lời nói khoa trương. Trong khi ngược lại, những người hành động từ năng lượng cần nói rất ít.

“Tri giả bất ngôn. Ngôn giả bất tri.” Đạo đức kinh - Lão tử

Người “biết” không thể nói rõ cái mình “biết”, người có thể nói rõ cái mình “biết” là người vẫn chưa “biết”. Sự “biết” phải dựa vào chính mình hay nhờ vào sự gợi mở (sự hỗ trợ đúng mực của những người thực sự “biết” – minh sư hoặc giáo lý hoặc thực hành) để chiêm nghiệm.

~*~

– **Yếu chỉ của Thiên tông** –

“Giáo ngoại biệt truyền

Bất lập văn tự

Trực chỉ nhân tâm
Kiến tính thành Phật”

~*~

Truyền giáo pháp ngoài kinh điển

Không lập văn tự

Chỉ thẳng tâm người

Thấy chân tính thành Phật

Thiền tông Nhật Bản đối diện với bản chất “mâu thuẫn/song đề” khiến con người đau khổ bằng công án. Công án chỉ là một câu hỏi mà người tu hành tự đặt ra, nó thể hiện cho “mâu thuẫn” trong chính người đó, rồi người đó phải trả lời câu hỏi đó để tìm thấy giải pháp cho vấn đề của chính họ. Ví dụ như công án của một vị sư rằng "Ai đang đi về phía ta?" và phải mất 10 năm sau ông ấy mới tìm thấy câu trả lời (lối thoát) cho chính mình. Khi tập trung vào "ai" sẽ bỏ lỡ mất "mọi thứ xung quanh, trừ ai" (*Hoa cúc và gươm – Ruth Benedict*). Mọi thứ đều cũng có giá trị của riêng nó, quan trọng là người ta tìm kiếm thứ giá trị như thế nào? Có lẽ thứ người ta tìm kiếm (lựa chọn theo đuổi) mới chính là thứ quyết định “số mệnh” của một người. Và các quyết định ấy ảnh hưởng lên sự tồn tại của vạn vật. Chúng ta sẽ phải chấp nhận sự chịu trách nhiệm và gánh lấy hậu quả. Và như thế, hậu quả “tốt - xấu” đều tự do bản thân.

~*~

Phật dạy “Bất khả thuyết – Không nói được”.

Đã biết là "bất khả" mà vẫn cứ tò mò truy tìm mọi ngóc ngách, đó là cái nghiệp của chúng sinh, nhất là người làm khoa học, không dễ tin nếu chưa được "chứng minh". Điều này quả thật hợp ý Phật. Phật đã chẳng luôn nhắc nhở ta đừng vội tin, phải thử nghiệm đi cái đã, phải trực tiếp lấy thân tâm mình làm cái "labo" để mà quan sát ngắm nghía cho thật thấu đáo đó ư? Phật đã chẳng luôn nhắc nhở ta phải tinh cần, tinh tấn, phải thực hành, không được lơ là, chểnh mảng đó ư? Thú vị là, khi còn có thể "thuyết" được thì chỉ mới tới được cái vỏ ngoài, còn tới được chỗ thâm sâu, cốt lõi bên trong hẳn là phải im lặng, phải ú ớ, phải hỏi một đằng trả lời một nẻo, hoặc tốt hơn cả là phải "tu rì, tu rì...", nghĩa là "im lặng, im lặng....". Tóm lại là nói không được, là bất khả thuyết!

Khi Phật phát hiện ra con đường dẫn đến an vui, hạnh phúc, chính Ngài cũng ngại ngùng không muốn tiết lộ, không muốn bày tỏ vì con đường quả thật là tuyệt diệu nhưng lạ lùng quá, ngược đời quá khó có ai tin, có khi còn gây phản ứng ngược. Mãi sau Ngài

mới chịu nói ra, và dĩ nhiên rất đắn đo, nói từng phần, với mỗi người một cách khác nhau, tùy đối tượng. Sau này thường khi chứng ngộ rồi, các thiền sư mới chịu chọn một vài học trò để truyền đạt, mà cũng ít chịu truyền, vì truyền không dễ, bởi nhiều điều "nói không được". Học trò phải quan sát trực tiếp ở thầy và phải thực hành miên mật. Có học trò uân thâm mà không tới đâu cả, loay hoay không thoát; có học trò già gạo, nấu cơm, không biết chữ mà đại ngộ. Học giả trí thức, có bằng cấp cao cũng chẳng đến đâu, còn người hàng thịt, một hôm buông dao thành Phật. Cho nên tin không dễ.

Cứ hỏi một người đi, hỏi anh ta có hạnh phúc không, anh ta sẽ sung sướng kể cho nghe triển miên những điều bất hạnh. Còn nếu hỏi anh ta những điều bất hạnh, anh ta sẽ sung sướng kể cho nghe biết bao nỗi khổ đau. Con người sống trong cái khổ như vậy, loay hoay với cái khổ như vậy, thoát ra không dễ. Một số không nhiều "ngộ" được cái khổ đau kia chính là mầm mống của hạnh phúc, phiền não kia là "nguồn lực" của Bồ đề. Cho nên, có người tìm được con đường, vạch ra con đường, chỉ ra con đường, làm sao không cảm kích. Mà thú vị, con đường đó không ở đâu xa, có sẵn đó rồi ở trong ta thôi. Cho nên, người chỉ đường nói, chả có pháp gì đâu mà bày vẽ chả có cái gì giành được, lấy được, chiếm được để mà khoe khoang. Con người đó mới thật dễ thương làm sao. Con người đó bỏ vương quyền, bỏ nhà bỏ cửa lên rừng, lội suối trèo đèo, nhịn đói nhịn khát, có lúc chỉ còn xương bọc da, sờ bụng thì đụng xương sống, có lúc sống trong nghĩa địa, để bọn trẻ chôn trâu nhỏ vào mặt (...), rồi ngộ ra một điều thú vị, sáng khoái, thấy con người đáng sống, đáng hạnh phúc. Con người đó đã biết từ bỏ, dám buông bỏ, đã kiên trì, đã kham nhẫn, đã thiền định, đã vượt thoát bằng con đường trì tuệ, và điều quan trọng là không giữ cho riêng mình mà chia sẻ cho tất cả chúng ta, chẳng đáng quý ư? Thậm chí, có lúc không thể nói lên được bằng lời thì Ngài đưa lên một cành hoa và im lặng. Cái sự trao truyền trong im lặng này mới thật là tuyệt diệu, nó làm cho ta được tự do khám phá. Khám phá không ra thì ta... ú ớ, khám phá ra rồi thì ta càng ú ớ, càng nói không được.

Nguồn: <http://coinguonhanhphuc.blogspot.com/2012/11/bat-kha-thuyet.html>

PART TWO: WORK – KẾT QUẢ

Chapter 9: Power Patterns in Human Attitudes – Các mẫu hình năng lượng trong thái độ con người

Khả năng phân biệt giữa các mẫu hình năng lượng cao và thấp là một vấn đề của sự nhận biết và phán đoán mà hầu hết chúng ta học từ những trải nghiệm và lỗi lầm đau đớn. Thất bại, đau đớn và bệnh tật ngẫu nhiên là kết quả từ ảnh hưởng của các mẫu hình yếu ớt; Ngược lại, thành công, hạnh phúc và sức khỏe bắt nguồn từ các mẫu hình hấp dẫn có năng lượng. Chính vì thế, nó đáng để chúng ta mất vài phút nhằm lướt qua danh sách các mẫu hình tương phản bên dưới, thứ đã được nghiên cứu và hiệu chỉnh để xác định tiêu chí tương ứng của chúng. Danh sách này là **một công cụ giáo dục vận hành theo nguyên tắc khép kín. Sự tương phản trong các cặp đối lập của các đặc tính có thể khởi đầu quá trình nâng cao nhận thức, từ đó hình thành nhận thức về các mẫu hình hoạt động trong các mối quan hệ, thương vụ và tất cả các sự tương tác khác nhau, tô điểm cho kết cấu của sự sống.** Cột bên trái là các tính từ mô tả các mẫu hình (tích cực) mạnh mẽ, mức năng lượng hiệu chỉnh trên 200; cột bên phải là các mẫu hình (tiêu cực) yếu ớt, mức năng lượng hiệu chỉnh dưới 200.

Tích cực		Tiêu cực	
Abundant	<i>Phong phú</i>	Excessive	<i>Quá đáng</i>
Accepting	<i>Chấp nhận</i>	Rejecting	<i>Từ chối</i>
Admitting	<i>Thừa nhận</i>	Denying	<i>Phủ nhận</i>
Aesthetic	<i>Mỹ học</i>	Artsy	<i>Mỹ thuật tự phụ</i>
Agreeable	<i>Dễ thương</i>	Condescending	<i>Cao ngạo</i>
Allowing	<i>Cho phép</i>	Controlling	<i>Kiểm soát</i>
Appreciative	<i>Tán thưởng</i>	Envious	<i>Ghen ghét</i>
Approving	<i>Phê duyệt</i>	Critical	<i>Chỉ trích</i>
Attractive	<i>Hấp dẫn</i>	Seductive	<i>Dụ dỗ</i>
Authoritative	<i>Có quyền lực</i>	Dogmatic	<i>Độc đoán</i>
Aware	<i>Biết</i>	Preoccupied	<i>Ưu tư</i>
Balanced	<i>Cân bằng</i>	Extreme	<i>Thái cực</i>
Beautiful	<i>Đẹp</i>	Glamorous	<i>Hào nhoáng</i>
Being	<i>Hiện hữu</i>	Having	<i>Sở hữu</i>
Believing	<i>Tin tưởng</i>	Insisting	<i>Nhấn mạnh</i>
Brilliant	<i>Sáng suốt</i>	Clever	<i>Lanh lợi</i>
Candid	<i>Thật thà</i>	Calculating	<i>Tính toán</i>
Carefree	<i>Không lo lắng</i>	Frivolous	<i>Nhẹ dạ</i>

Challenged	<i>Thách thức</i>	Impeded	<i>Cản trở</i>
Charitable	<i>Làm từ thiện</i>	Prodigal	<i>Hoang phí</i>
Cheerful	<i>Vui vẻ</i>	Manic	<i>Hưng phấn</i>
Cherishing	<i>Trân trọng</i>	Prizing	<i>Quý chuộng</i>
Choosing-to	<i>Lựa chọn để làm</i>	Having-to	<i>Bắt buộc phải làm</i>
Civil	<i>Văn minh</i>	Formal	<i>Theo lễ lối</i>
Concerned	<i>Quan tâm</i>	Judgmental	<i>Phê phán</i>
Conciliatory	<i>Hòa hoãn</i>	Inflexible	<i>Cứng nhắc</i>
Confident	<i>Tự tin</i>	Arrogant	<i>Kiêu ngạo</i>
Confronting	<i>Đương đầu</i>	Harassing	<i>Sách nhiễu</i>
Conscious	<i>Ý thức</i>	Unaware	<i>Vô ý</i>
Considerate	<i>Tôn trọng</i>	Indulgent	<i>Nhu nhược</i>
Constructive	<i>Xây dựng</i>	Destructive	<i>Phá hoại</i>
Contending	<i>Phản đấu</i>	Competing	<i>Cạnh tranh</i>
Courageous	<i>Can đảm</i>	Reckless	<i>Liều lĩnh</i>
Defending	<i>Bảo vệ</i>	Attacking	<i>Tấn công</i>
Democratic	<i>Dân chủ</i>	Dictatorial	<i>Độc tài</i>
Detached	<i>Không dính líu</i>	Removed	<i>Bị loại bỏ</i>
Determined	<i>Quyết định</i>	Stubborn	<i>Cứng đầu</i>
Devoted	<i>Tận tâm, hết lòng</i>	Possessive	<i>Chiếm hữu</i>
Diplomatic	<i>Ngoại giao</i>	Deceptive	<i>Lừa đảo</i>
Doing	<i>Làm ra</i>	Getting	<i>Lấy đi</i>
Educating	<i>Giáo dục</i>	Persuading	<i>Thuyết phục</i>
Egalitarian	<i>Bình đẳng</i>	Elitist	<i>Tinh hoa</i>
Empathetic	<i>Đồng cảm</i>	Pitying	<i>Thương hại</i>
Encouraging	<i>Khích lệ</i>	Promoting	<i>Tung hô</i>
Energetic	<i>Có năng lực</i>	Agitated	<i>Lo lắng</i>
Enlivening	<i>Lên tinh thần</i>	Exhausting	<i>Kiệt sức</i>
Envisioning	<i>Vẽ ra tương lai</i>	Picturing	<i>Tưởng tượng</i>
Equal	<i>Bình đẳng</i>	Superior	<i>Cao cấp</i>
Erotic	<i>Gợi cảm</i>	Lustful	<i>Dâm dục</i>
Essential	<i>Điều cốt yếu</i>	Apparent	<i>Bề ngoài</i>
Eternal	<i>Vĩnh viễn</i>	Temporal	<i>Tạm thời</i>
Ethical	<i>Đạo đức</i>	Equivocal	<i>Mơ hồ</i>
Excellent	<i>Xuất sắc</i>	Adequate	<i>Tạm đủ</i>
Experienced	<i>Có kinh nghiệm</i>	Cynical	<i>Hoài nghi</i>
Fair	<i>Vừa phải, hợp lý</i>	Scrupulous	<i>Quá kỹ lưỡng</i>
Fertile	<i>Phì nhiêu</i>	Luxuriant	<i>Xum xuê</i>

Flexible	Mềm dẻo	Rigid	Cứng rắn
Forgiving	Khoan dung	Condemning	Lên án
Free	Tự do	Regulated	Quy định
Generous	Hào phóng	Petty	Nhỏ mọn
Gentle	Dịu dàng	Rough	Thô kệch
Gifted	Có năng khiếu	Lucky	May mắn
Giving	Cho đi	Taking	Lấy lại
Global	Toàn cầu	Local	Địa phương
Gracious	Thanh tao	Decorous	Trang điểm
Grateful	Tri ân	Indebted	Mang nợ
Harmonious	Hài hòa	Disruptive	Gây rối
Healing	Chữa lành	Irritating	Gây khó chịu
Helpful	Giúp ích	Meddling	Can thiệp
Holistic	Toàn diện	Analytic	Phân tích
Honest	Lương thiện	Legal	Hợp pháp
Honoring	Tôn vinh	Enshrining	Tôn thờ
Humble	Khiêm tốn	Diffident	Thiếu tự tin
Humorous	Khôì hài	Somber	Ám đạm
Impartial	Công bình	Righteous	Đúng luật
Ingenious	Khéo léo	Scheming	Mưu lược
Inspired	Cảm hứng	Mundane	Trần tục
Intentional	Cố tình	Calculating	Tính toán
Intuitive	Cảm nhận bằng trực giác	Literal	Chính xác, đơn giản
Inventive	Phát minh	Prosaic	Tầm thường
Inviting	Mời	Urging	Thúc giục
Involved	Liên quan	Obsessed	Bị ám ảnh
Joyful	Hân hoan	Pleasurable	Thích thú
Just	Đúng đắn	Punitive	Trừng phạt
Kind	Tử tế	Cruel	Hung ác
Leading	Lãnh đạo	Coercing	Bắt ép
Liberating	Giải phóng	Restricting	Hạn chế
Long-term	Lâu dài	Immediate	Lập tức
Loyal	Trung thành	Chauvinistic	Yêu nước
Merciful	Rộng lượng	Permissive	Nhu nhược
Modest	Khiêm tốn	Haughty	Kiêu căng
Natural	Tự nhiên	Artificial	Giả dối
Noble	Cao quý	Pompous	Kiêu ngạo
Nurturing	Nuôi dưỡng	Draining	Làm mệt

Observant	Quan sát	Suspicious	Nghi ngờ
Open	Rõ ràng	Secretive	Bí mật
Optimistic	Lạc quan	Pessimistic	Bì quan
Orderly	Có trật tự	Confused	Bối rối
Outgoing	Hướng ngoại	Reserved	Kín đáo
Patient	Kiên nhẫn	Avid	Thèm khát
Patriotic	Ái quốc	Nationalistic	Chủ nghĩa dân tộc
Peaceful	Hòa bình	Belligerent	Chiến tranh
Polite	Lịch sự	Obsequious	Khúm núm
Powerful	Quyền lực	Forceful	Sức mạnh
Praising	Ca ngợi	Flattering	Nịnh hót
Principled	Đúng nguyên tắc	Expedient	Mưu mẹo
Privileged	Đặc quyền	Entitled	Được phép
Prolife	Sinh động	Barren	Cằn cỗi
Purposeful	Có mục đích	Desirous	Thèm muốn
Receiving	Nhận được	Grasping	Tham lam
Freeing	Giải phóng	Tenacious	Giữ chặt
Reliant	Tín nhiệm	Dependent	Lệ thuộc
Requesting	Yêu cầu	Demanding	Đòi hỏi
Respectful	Tôn kính	Demeaning	Hạ thấp phẩm giá
Responsible	Chịu trách nhiệm	Guilty	Tội lỗi
Satisfied	Hài lòng	Sated	Dư thừa
Selective	Chọn lựa	Exclusive	Độc quyền
Serene	Êm đềm	Dull	Đàn độn
Serving	Phục vụ	Ambitious	Đầy tham vọng
Sharing	Chia sẻ	Hoarding	Tích trữ
Significant	Có ý nghĩa	Important	Quan trọng hóa
Sober	Tĩnh táo	Intoxicated	Say
Spontaneous	Tự phát	Impulsive	Bốc đồng
Spiritual	Duy tinh thần	Materialistic	Duy vật
Steadfast	Cương quyết	Faltering	Không vững
Striving	Phấn đấu	Struggling	Đấu tranh
Surrendering	Nhường bước	Worrying	Lo ngại
Tender	Mềm	Hard	Cứng
Thoughtful	Suy nghĩ chu đáo	Pedantic	Ra vẻ mô phạm
Thrifty	Tiết kiệm	Cheap	Rẻ rúng
Timeless	Vĩnh viễn	Faddish	Thời thượng
Tolerant	Khoan dung	Prejudiced	Thành kiến

Tractable	<i>Nhường nhịn</i>	Contrary	<i>Chống báng</i>
Trusting	<i>Tin tưởng</i>	Gullible	<i>Dễ tin</i>
Truthful	<i>Đúng sự thật</i>	False	<i>Sai</i>
Unifying	<i>Hợp nhất</i>	Dividing	<i>Chia rẽ</i>
Unselfish	<i>Không ích kỷ</i>	Self-seeking	<i>Ích kỷ</i>
Valuing	<i>Tôn trọng</i>	Exploitive	<i>Bóc lột</i>
Virtuous	<i>Đức hạnh</i>	Celebrated	<i>Nổi tiếng</i>
Warm	<i>Ấm áp</i>	Feverish	<i>Bị kích thích, nóng nảy</i>

Đơn giản là đọc qua danh sách này, bạn sẽ không còn giống như con người bạn trước đây nữa. Khi trở nên quen thuộc với các sự khác biệt của tính phân cực, con người sẽ bắt đầu tăng cường năng lượng bên trong bản thân. Với sự phân biệt này trong tâm trí, chúng ta sẽ bắt đầu chú ý những thứ mà chúng ta chưa bao giờ quan sát trước đây. Sự phát giác này xuất hiện bởi vì người đọc sẽ khám phá ra rằng vũ trụ ưa thích năng lượng (*Sự sống lõi cuốn sự sống – Nhà giả kim - Paulo Coelho*).

Trên hết, vũ trụ không quên lãng. Có rất nhiều khía cạnh đối với câu hỏi về karma (nghiệp quả), nhưng mỗi sự lựa chọn của ai và lựa chọn như thế nào đều sẽ trở thành một lựa chọn quan trọng. **Tất cả các sự lựa chọn của chúng ta đều sẽ quay trở lại (đội lại) trong cuộc đời của mỗi người.** Chúng ta cuối cùng sẽ phải chấp nhận sự chịu trách nhiệm cho mỗi suy nghĩ, lời nói và hành động mà chúng ta đã gây ra và tái trải nghiệm chính xác bất kỳ sự đau đớn nào mà chúng ta đã gây ra cho người khác. Trong ý nghĩa này, mỗi chúng ta đều tự tạo ra thiên đường hay địa ngục cho bản thân.

Vũ trụ lưu giữ hơi thở của nó giống như chúng ta lựa chọn con đường chúng ta đi, từng khắc từng khắc; đối với vũ trụ, bản chất của sự sống tự nó có ý thức rất cao. Mỗi hành động, suy nghĩ và sự lựa chọn đều sẽ thêm vĩnh cửu (in dấu và lưu giữ mãi mãi) vào một bức tranh ghép mảnh (mosaic); các quyết định của chúng ta tạo ra làn sóng khắp vũ trụ của ý thức và ảnh hưởng lên sự tồn tại của vạn vật. Sự e ngại rằng ý tưởng này có thể được lưu tâm đến như một sự huyền bí hay tưởng tượng, chúng ta hãy nhớ lại nguyên lý cơ bản của vật lý lý thuyết mới (*New Theoretical Physics*): *mọi thứ trong vũ trụ đều được kết nối với tất cả mọi thứ khác - Everything in the universe is connected with everything else.* (Hiệu ứng cánh bướm (*Edward Lorenz*) - *Butterfly effect* – *Thuyết hỗn mang*²⁹ - *Chaos Theory*)

²⁹ Từ hỗn loạn/hỗn mang trong thuyết hỗn loạn/hỗn mang ám chỉ một hệ thống có vẻ như không có trật tự nào hết nhưng lại tuân theo một quy luật/nguyên tắc nào đó

Các sự lựa chọn của chúng ta củng cố thông tin của các khu vực M mạnh mẽ, nơi các mẫu hình cuốn hút ảnh hưởng lên những thứ khác. Thậm chí nếu một người ngồi cô lập trong hang, tư tưởng của anh ta cũng ảnh hưởng lên những người khác dù anh ta có muốn hay không. Mỗi hành động hay quyết định của bạn sẽ hỗ trợ sự sống và hỗ trợ tất cả mọi thứ liên quan đến sự sống, bao gồm chính bạn. Những làn sóng chúng ta tạo ra sẽ quay lại với chúng ta. Điều này, có thể giống như một tuyên bố về sự siêu hình, và giờ nó được chứng thực như một chân lý có thể xác nhận mang tính khoa học.

Mọi vật trong vũ trụ liên tục sinh ra mẫu hình năng lượng với một tần số đặc biệt, nó bất biến với thời gian và có thể được “đọc” bởi những ai biết cách. Mỗi từ, hành động và ý muốn tạo thành một bản ghi vĩnh cửu. Mỗi suy nghĩ đều được nhận thấy và ghi lại mãi mãi. Không có những bí mật; không có những điều bị che giấu và cũng không thể làm như thế. Tinh thần của chúng ta “đứng” trần trụi cùng thời gian và đều bị nhìn thấu tất cả. Cuộc sống của mỗi người, cuối cùng đều phải chịu trách nhiệm trước vũ trụ.

Trích đoạn - Nhà giả kim – Paulo Coelho

Bà lão giải mộng

Những việc tưởng chừng đơn giản trong cuộc sống thật ra lại là những việc hết sức phi thường, chỉ những bậc trí giả mới thấu hiểu nổi.

Vua xứ Salem

Vận mệnh chính là điều mà anh luôn muốn đạt được. Bất kể anh là ai, anh làm gì, khi anh thật tâm mong muốn điều gì, thì điều mong muốn ấy sẽ được hình thành trong cõi tâm linh vũ trụ. Đó sẽ là nhiệm vụ của anh trên Trái Đất.

Tâm linh vũ trụ được nuôi dưỡng bởi hạnh phúc con người, bởi cả sự bất hạnh, tị hiềm và ghen tuông nữa. Rồi khi anh quyết chí muốn điều gì thì toàn vũ trụ sẽ chung sức để anh đạt được điều ấy.

Đừng bao giờ quên rằng tất cả là một tổng thể. Cũng đừng quên ngôn ngữ của dấu hiệu. Nhất là đừng quên đi cho đến hết con đường mình tự chọn

Ông chủ cửa hàng pha lê

Ta sợ sau khi đạt được ước mơ rồi thì không còn gì thúc đẩy mình tiếp tục sống nữa. Cậu mơ có cừu và được thấy Kim Tự Tháp. Cậu khác hẳn ta vì cậu muốn đạt được ước mơ. Còn ta chỉ muốn mơ về Mekka thôi. Sợ bị thất vọng nào nê, nên ta chỉ chọn cách mơ thôi

Người đàn ông Anh

Mọi thứ ở trên đời đều là dấu hiệu cả. Trên đời không có gì là ngẫu nhiên đâu.

Khi ta tha thiết mong ước điều gì thì ta gần gũi với tâm linh vũ trụ hơn. Nó luôn luôn có tác dụng tích cực. Mọi thứ trên trái đất đều biến dịch không ngừng vì thế giới này sống động và có một tâm linh. Chúng ta là một bộ phận của tâm linh ấy và hiếm khi chúng ta ý thức được rằng nó có ảnh hưởng tích cực đến việc chúng ta làm.

Người phu lạc đà

Lúc cần ăn thì phải ăn, lúc cần đi thì phải đi.

Không ai phải lo trước về điều chưa xảy tới cả vì mỗi người đều có thể đạt được cái mình muốn và cái mình cần... Diễn biến của đời mình và của cả quả đất đều đã được một bàn tay Người (Đức thánh Allah) viết trước cả rồi thì không còn sợ nữa.

Fatima

“Nếu em là một phần của vận mệnh anh thì sẽ có một ngày anh trở về thôi.”

“Người ta yêu vì yêu, cần gì phải có lý do”

Nhà giả kim

“Con người vốn quá dễ bị lôi cuốn bằng hình ảnh và sách vở mà sao những ngôn ngữ của thế giới”

“Khi người nào muốn điều gì thì cả vũ trụ sẽ chung sức lại để người ấy đạt được điều mơ ước.”

“Những thứ vào miệng con người không độc hại, xấu xa. Xấu xa, độc hại là những gì từ miệng họ tuôn ra”

“Đừng nghĩ tới những gì đã bỏ lại phía sau.”

“Hãy lắng nghe trái tim mình. Nó biết hết mọi điều vì nó từ Tâm linh vũ trụ mà ra và một ngày kia sẽ trở về đó. Trái tim cậu ở đâu thì kho báu cậu tìm cũng ở đó. Nếu cậu hiểu rõ trái tim mình thì sẽ không xảy ra điều gì bất trắc đâu, vì cậu biết rõ nó mơ ước gì và biết phải ứng xử như thế nào. Không ai trốn tránh được trái tim mình thành ra nên lắng nghe nó nói là hay hơn cả. Như thế cậu sẽ không bao giờ bị đánh bất ngờ.”

“Trước khi cậu đạt được ước mơ thì Tâm linh vũ trụ sẽ thử thách mọi điều cậu học được trên đường đi. Khi đạt được ước mơ chúng ta cũng đồng thời nắm vững những bài học đã lĩnh hội khi đi theo ước mơ. Đó chính là thời điểm mà đa số người ta bỏ cuộc, nói theo ngôn ngữ sa mạc là: ‘Chết khát đứng vào lúc cây chà là xuất hiện ở chân trời’. Mọi

cuộc tìm tòi đều khởi đầu như câu ‘thánh nhân đãi kẻ khù khờ’ và kết thúc với sự thử thách gay go kẻ chiến thắng.”

Trái tim

“Người ta sợ theo đuổi những giấc mơ vĩ đại vì cảm thấy không xứng đáng được hưởng hoặc không thể nào đạt nổi.

“Hãy bảo nó rằng sợ phải đau khổ còn đau đớn hơn là chính sự đau khổ, và chưa từng có trái tim nào phải chịu đau khổ khi tìm cách thực hiện giấc mơ, vì mỗi phút giây tìm kiếm là một khoảnh khắc gặp gỡ Thượng Đế và vĩnh hằng. Song tiếc thay có rất ít người đi theo con đường tiền định, con đường dẫn đến vận mệnh của họ, dẫn đến hạnh phúc. Chỉ có một điều khiến không thể nào đạt được ước mơ – đó là sợ sẽ thất bại”

“Khi đứng ở ngưỡng cửa cái chết người ta thường cảm nhận sâu sắc hơn về cuộc sống.”

“Bất kể giàu hay nghèo, sang hay hèn, ai cũng có một vai trò chính trong lịch sử thế giới. Có điều phần nhiều người ta không biết đó thôi”

“Hãy ghi nhớ nơi mà cậu sẽ khóc. Đó cũng chính là nơi chôn giấu kho báu của cậu.”

~*~

Nhà giả kim – chỉ dẫn của thực tại tối thượng

– Không có trái tim nào phải chịu đựng đau khổ khi nó tìm kiếm giấc mơ của mình, bởi vì mỗi giây phút tìm kiếm là khoảnh khắc chạm tới Thượng Đế và sự vĩnh hằng

– Sa mạc cướp đi giấc mơ của chúng ta, và chúng không bao giờ quay trở lại. Chúng ta biết rằng, chúng ta quen với nó. Những người không quay lại, thì trở thành một phần của đám mây, một phần của muôn thú ẩn dấu trong khe núi và mạch nước từ lòng đất. Họ trở thành một phần của mọi thứ. Họ trở thành linh hồn của thế giới.

– Mọi thứ đều là một

Linh hồn của thế giới: là Một. Mọi thứ chúng ta nhìn thấy, cảm thấy, thật và không thật, nhận thức của chúng ta, tâm hồn của chúng ta, chúng đều là một và mục đích của cuộc sống là nhập là một với Một. Đây là thông điệp tôi cảm thấy rằng tác giả muốn đưa gia. Khái niệm này rất thú vị và nó có thể liên quan tới Triết học Ấn Độ, nơi Một, Tinh thần Tối Thượng, là đáng Brahman. Brahman là Nhận thức thuần túy, Tình yêu tinh khiết. Đó chính xác là những gì Coelho muốn nói, rằng ngôn ngữ của thế giới chỉ nằm trong Tình

Yêu Thuần Khiết. Tình Yêu Thuần Khiết là niềm cảm hứng thuần khiết, là sự sáng tạo và bất định.

– *“Trái tim tôi sợ những gì nó sẽ phải chịu đựng”, chàng trai tâm sự với nhà giả kim trong một đêm không trăng. Nhà giả kim đã trả lời: “Hãy hỏi trái tim con rằng nỗi sợ hãi đau khổ có tồi tệ hơn việc phải chịu đựng chính nó?”*

Tác giả tin rằng mỗi người trong chúng ta có một giấc mơ do Chúa dẫn đường và Người cho chúng ta các manh mối hết lần này đến lần khác để nhận ra (“omen” giống như cách ông đã gọi chúng) và đi theo giấc mơ với một bầu nhiệt huyết to lớn. “Không bao giờ từ bỏ”, Coelho đã nói vậy. Mỗi chúng ta đều có một định mệnh. Để khám phá định mệnh rồi đi theo chúng là mục đích của cuộc đời. Khó khăn sẽ là những thử thách chưa biết tới, nhưng những gì dễ dàng thường không bất diệt, nó hữu hạn trong khi những thứ không biết là vô hạn.

– *Mọi người cần sợ hãi điều không biết nếu họ có thể đạt được những gì họ cần và muốn. Chúng ta sợ hãi mất những gì mình có, liệu rằng đó là cuộc sống của chúng ta hay là sự sở hữu của chúng ta. Nhưng nỗi sợ này tan biến khi chúng ta hiểu rằng câu chuyện cuộc đời và lịch sử thế giới được viết nên chỉ bởi một Bàn Tay*

Coelho tin rằng trái tim là ngọn nguồn của Tình Yêu Thuần Khiết. Bất cứ trái tim nói gì, rõ ràng hay không rõ ràng, đều dẫn chúng ta đến Tình Yêu Thuần Khiết, niềm cảm hứng thuần khiết. Ông cũng tin rằng tâm trí có thể cũng là nguyên nhân của cảm hứng, sáng tạo, phiêu lưu, vì thế nên nó vô hạn. Nhưng đối lập với trái tim, Coelho cho rằng, tâm trí lý trí và đòi thường, điều này gọi lên nỗi sợ bên trong chúng ta. Nỗi sợ cảm xúc do tâm trí tạo nên ngày càng lớn hơn; cho nên nỗi sợ “là chính mình” thống trị trái tim của chúng ta như thể đang cản trở mọi sự kết nối. Coelho tin rằng trái tim và tâm trí là hai thứ khác biệt mà thường không hòa hợp với nhau, thậm chí còn đối lập.

– *Tình yêu không bao giờ giữ chân một người đeo đuổi định mệnh của mình*
– *Cuộc sống rất hào phóng với những ai đeo đuổi định mệnh của họ*
– *Nếu em thật sự là một phần trong giấc mơ của anh, anh sẽ quay lại đây vào một ngày nào đó.*

Tác giả tin vào định mệnh, rằng mọi thứ đã được viết sẵn. Maktub, ông nói vậy. Maktub là một từ Ả Rập, có nghĩa tương tự trong tiếng Anh là “Mọi điều đã được viết sẵn”. Nhưng nó được viết ở đâu thì không ai biết. Ông nhấn mạnh rất nhiều về vấn đề này, như

thể thuyết phục người đọc không nên sợ hãi với những gì chưa được biết biết, bởi điều chưa biết rồi sẽ được biết theo một cách nào đó, đó là Maktub.

Trích <http://bookhunterclub.com/nha-gia-kim-cua-paulo-coelho-chi-dan-cua-thuc-tai-toi-thuong/>

Chapter 10: Power in Politics – Năng lượng trong chính trị (lược bỏ)

Chapter 11: Power in the Marketplace – Năng lượng trong thương trường (lược bỏ)

Chapter 12: Power and Sports – Năng lượng và các môn thể thao (lược bỏ)

Chapter 13: Social Power and the Human Spirit – Năng lượng xã hội và tinh thần của con người (lược bỏ)

Chapter 14: Power in the Arts – Năng lượng trong các môn nghệ thuật (lược bỏ)

Chapter 15: Genius and the Power of Creativity – Tài năng và năng lượng của sự sáng tạo (lược bỏ)

Chapter 16: Surviving Success – Thành công còn sót lại (lược bỏ)

Chapter 17: Physical Health and Power – Sức khỏe thể chất và năng lượng (lược bỏ)

Chapter 18: Wellness³⁰ and the Disease Process – Tình trạng sức khỏe thể chất và tinh thần tốt và sự phát triển của bệnh tật (lược bỏ)

³⁰ Là một thuật ngữ về giữ gìn sức khỏe, Wellness có nghĩa là đạt được cảm giác về sức khỏe và hạnh phúc bởi sự cân bằng lành mạnh của tâm trí, cơ thể và tinh thần.

PART THREE: MEANING – Ý NGHĨA

Chapter 19: The Database of Consciousness – Cơ sở dữ liệu của ý thức

Nhà phân tâm học (phân tích tâm lý học) (psychoanalyst) vĩ đại người Thụy Sĩ Carl Jung, ông lưu ý đến sự có mặt ở khắp nơi cùng một lúc (ubiquity) của của các khuôn mẫu và biểu tượng có tính nguyên mẫu (archetypal), và suy luận ra “những sự vô thức tập thể - collective unconscious”, không đáy (bottomless), một vực sâu tiềm thức (subconscious pool) của tất cả các trải nghiệm chung của toàn bộ loài người. Chúng ta có thể nghĩ về nó như một cơ sở dữ liệu khổng lồ, ẩn khuất (vast, hidden database) trong nhận thức con người, được đặc trưng bởi những mẫu hình cấu thành mang tính vũ trụ, đầy mạnh mẽ (powerful, universal organizing patterns). Giống như một cơ sở dữ liệu, chứa đựng tất cả các thông tin luôn luôn có sẵn cho ý thức con người, nghĩa là những khả năng vốn có đáng kinh ngạc (stunning inherent capabilities); nó có số lượng nhiều hơn hẳn một kho dữ liệu khổng lồ đang chờ quá trình truy vấn. Khai thác vào tất cả những điều đã trải nghiệm ở bất kỳ nơi nào trong thời gian, sự hứa hẹn tuyệt vời của cơ sở dữ liệu này là khả năng của nó đối với “sự biết” hầu như bất cứ điều gì trong khoảnh khắc nó “được hỏi”.

Đây là nguồn gốc của tất cả các dữ liệu đã thu được dưới-hoặc-trên-sự hợp lý (sub-or supra-rationally), bởi trực giác hay điềm báo, bởi bói toán hay chiêm bao (nằm mộng), hay bởi những dự đoán “may mắn”. Nó là suối nguồn (fountain-head) của tài năng, nguồn cảm hứng, và nguồn gốc của sự hiểu biết mang tính tâm linh “kỳ lạ - uncanny”, bao gồm “sự tiên tri – foreknowledge”. Dĩ nhiên, nó là sự tóm tắt được vẽ ra từ các thử nghiệm kinesiological. Những nhà tư tưởng (Thinkers) gặp rắc rối bởi ý tưởng về sự hiểu biết “kỳ lạ - paranormal” hay không-hợp lý, họ thường bối rối trong những sự mâu thuẫn hợp lý hay không hợp lý với các khái niệm của học thuyết Newton về tính đồng thời (simultaneity), quan hệ nhân quả, hay không gian và thời gian.

Hiện nay, nó là một vũ trụ to lớn hơn thế. Những nhà tư tưởng tương tự nhau sẽ quét mắt qua bầu trời đêm và tìm kiếm sự hài lòng trong việc xác định vị trí của chòm sao ưa thích. Nhưng trong thực tế, không có những thứ gọi là những chòm sao. Mẫu hình tương tự của “những ngôi sao” được hư cấu từ các điểm sáng có nguồn gốc từ các nguồn hoàn toàn không có quan hệ - gần hơn hoặc xa hơn vài triệu năm ánh sáng; một số thậm chí còn ở những thiên hà khác nhau; một số thật ra chỉ là bản thân những thiên hà tách rời; và vô số chúng có, từ cách đây hàng thiên niên kỷ, đã cháy hết và ngừng “tồn tại”. Những ánh sáng này không có mối quan hệ không gian hay thời gian. Nó không chỉ có hình dáng của

chim bói cá, hay gấu, hay người, mà còn là hình mẫu thật, **bản thân “các chòm sao”, được chiếu lên bầu trời bởi con mắt của những người quan sát.** Tuy nhiên, *hoàng đạo (zodiac)* vẫn “*thật – real*” bởi vì chúng ta nhận thức chúng, theo ý nghĩa đầu tiên của từ này. *Chiêm tinh học (Astrology)* vẫn “tồn tại” và đối với nhiều người nó là một công cụ thực dụng khá có ích để giải thích chính bản thân và những mối quan hệ của bản thân. Tại sao lại không? Cơ sở dữ liệu của ý thức là một nguồn tài nguyên vô hạn.

Cơ sở dữ liệu cư xử giống như *một bình ngưng tĩnh điện (electrostatic condenser)* với một khu vực của tiềm năng, hơn là giống như một bình ắc quy với điện tích nạp có thể chứa được. *Một câu hỏi không thể được hỏi trừ phi nó có sẵn khả năng cho câu trả lời. - A question cannot be asked unless there is already the potentiality of an answer.* Lý do cho điều này là cả câu hỏi và câu trả lời đều được tạo ra từ một *thế giới quan giống nhau (same paradigm)*, và, do đó, chúng hoàn toàn hòa hợp. Không có “lên” mà thiếu đi một “xuống” đã tồn tại sẵn. Quan hệ nhân quả xảy ra *đồng thời (simultaneity)* hơn là theo *trình tự (sequence)*; *sự đồng bộ (synchronicity)* là thuật ngữ được sử dụng bởi tiến sĩ Jung để xảy thích hiện tượng này trong trải nghiệm của con người. Như chúng ta hiểu từ sự kiểm tra của chúng ta về vật lý nâng cao, một sự kiện “ở đây – here” trong vũ trụ không “*gây ra – cause*” một sự kiện “ở kia – there” trong vũ trụ. Thay vào đó, cả hai đều xuất hiện đồng thời, và trình tự chính là bản thân sự quan sát.

Cái gì là sự kết nối giữa những sự kiện này, nếu nó không phải là một trình tự tuyến tính trong học thuyết Newton giữa nguyên nhân và kết quả? Rõ ràng, 2 sự kiện được liên kết hay kết nối tới mỗi cái còn lại theo một vài cách thức vô hình, mà không phải bởi trong lực hay từ tính, hay *gió vũ trụ (cosmic wind)* hay một vòm trời (*ether*); Vật chất tối – năng lượng tối <https://www.youtube.com/watch?v=F6K6na22Y8k> Chúng được bao phủ bởi một khu vực hấp dẫn to lớn đến nỗi nó bao gồm cả hai biến cố/sự kiện. Chúng ta có thể biết nó chính là như vậy, bởi vì nếu không phải thế thì các sự kiện sẽ không thể quan sát giống như các sự kiện, có ít sự đồng thời hơn hay giống như có liên quan đến những thứ khác trong thời gian hay mối quan hệ nhân quả đã giả thiết.

“Sự kết nối” giữa 2 sự kiện này chỉ xảy ra trong ý thức của những người quan sát – người đó “thấy” một sự kết nối và mô tả nó sự là một “*cặp – pair*” của các sự kiện, giải định một mối quan hệ. Mối quan hệ này là một khái niệm chỉ tồn tại trong tâm trí của người quan sát; không tất yếu rằng bất cứ hệ quả của sự kiện bên ngoài nào cũng tồn tại trong vũ trụ. Trừ khi đó là một mẫu hình hấp dẫn nền tảng, không gì có thể được trải nghiệm. Như

vậy, vũ trụ biểu thị sự toàn vẹn, là sự biểu hiện đồng thời thuộc về chính nó và là trải nghiệm của chính nó.

Toàn trí hay sự thông tỏ mọi sự (Omniscience) là toàn năng (omnipotent) và ở khắp mọi nơi (omnipresent). Không có khoảng cách giữa không xác định (unknown) và xác định (known). Sự xác định được biểu hiện từ sự không xác định bằng cách đặt câu hỏi. Tòa Nhà Empire State³¹ được sinh ra từ tâm trí của một kiến trúc sư. Ý thức của con người là tác nhân mà theo đó một khái niệm vô hình được biến đổi trong trải nghiệm hiển nhiên của nó, chẳng hạn “tòa nhà này” và do đó, nó đóng băng trong thời gian. Điều thực sự “đã xảy ra” tại giao điểm giữa đại lộ số 5 và đường 34 phía Tây thành phố New York vào năm 1931 vẫn còn ở đó để tất cả chúng ta cùng thấy. Điều “đã xảy ra” trong ý thức của những người sáng tạo cũng được ghi lại trong cơ sở dữ liệu để tất cả chúng ta đều thấy. Cả hai tồn tại trọn vẹn, nhưng trong những khu vực giác quan khác nhau. Bằng sự biến đổi khái niệm thành bê tông (ngưng kết/cô đặc) và thép (làm cứng lại), vị kiến trúc sư đơn giản có thể kích hoạt phần còn lại của chúng ta thông qua tầm nhìn bên trong chính những trải nghiệm của ông ấy.

Tháp truyền hình Quảng Châu – Trung Quốc:

https://www.youtube.com/watch?v=QEMa_3jKxIo

Chúng tôi giả định những con người “bình thường” hoàn toàn lo lắng về vấn đề chức năng của bản thân là những người biến đổi các khái niệm từ mức độ vô hình, ABC, thành mức độ nhận thức giác quan $A \rightarrow B \rightarrow C$. Những cá nhân phi thường sống chủ yếu trong thế giới của ABC. (Những người sống vượt ra khỏi đây, và trong khu vực hoàn toàn không có hình dạng của bản thân ý thức thuần túy, chúng ta gọi là những nhà thần bí.) Đối với những cá nhân như vậy, nguồn gốc của mọi thứ là hiển nhiên; họ không quan tâm đến quá trình làm mọi thứ hiện thị và biểu lộ. Trong cuộc sống hàng ngày, những người này là những người sáng tạo, tạo ra những kết hoạch khó khăn mới và sau đó điều chỉnh việc thực hiện của mình và chăm sóc những thứ khác. Các nhà thần bí tiên tiến hơn kết luận rằng chỉ mức độ ABC bên trong nhận thức của họ là “thật” và rằng thế giới có thể quan sát được là một giấc mơ hay ảo tưởng. Tuy nhiên, điều này sẽ được chỉ ra rằng nó chỉ là một điểm giới hạn khác của tầm nhìn. **Không có cả “thật” lẫn “không thật”, chỉ có cái “là như thế - is so”, từ tất cả các quan điểm hoặc “không có – none”.**

³¹ Empire State Building (Tòa Nhà Empire State) là một địa danh lịch sử (National Historic Landmark) của Mỹ từ năm 1986. Tòa Nhà Empire State cao 102 tầng và nằm ở giao điểm giữa đại lộ số 5 và đường 34 thành phố New York. Nó là tòa nhà được thăm viếng nhiều nhất thế giới, mỗi năm có 3 triệu rưỡi du khách đến tham quan

Sự tồn tại mà không có hình dạng (form) thì thật sự không thể tưởng tượng, nhưng tại cùng một thời điểm nó lại là thực tại tối hậu. - Existence without form is not really imaginable, yet at the same time it is the ultimate reality. Điều này bao gồm cả âm và dương, biểu lộ và không biểu lộ, có hình dạng và không có hình dạng, hữu hình và vô hình, hữu hạn và vô hạn. Do đó, *thế giới hiện thực nhìn thấy được (seeming real world)* là đồng thời với *Thế giới Thực (Real world)*, bởi vì cái là *toàn năng (All Possibility)* phải bao gồm trong tất cả mọi thứ mà nó là. Do đó, sự sáng tạo là liên tục, hoặc có thể không có sự sáng tạo nào cả. Tìm kiếm “sự khởi đầu” của sáng tạo là bắt đầu từ một khái niệm nhân tạo của thời gian. “Bắt đầu” của vài thứ nằm ngoài thời gian không thể được đặt trong thời gian. “Big Bang” có thể chỉ xảy ra trong tâm trí của một người quan sát.

Vũ trụ rất *phối hợp (cooperative)*. Bởi vì vũ trụ không khác với bản thân ý thức, nó hạnh phúc khi tạo ra mọi điều mà chúng ta muốn khám phá “*bên ngoài kia – out there*”.

"Khi người nào muốn điều gì thì cả vũ trụ sẽ chung sức lại để người ấy đạt được điều mơ ước." – Nhà giả kim - Paulo Coelho. Vấn đề là với khái niệm của bản thân nguyên nhân, thứ cầu xin câu hỏi bởi sự phồng chùng *một khung thời gian (a time warp)*, một trình tự, hay một chuỗi các sự kiện để có thể hiểu được. Nếu chúng ta bước ra ngoài thời gian, sẽ không có nguyên nhân cho tất cả mọi thứ. Chúng ta có thể nói rằng thế giới biểu lộ *bắt đầu từ (originates out of)* sự không biểu lộ, nhưng điều này một lần nữa sẽ ám chỉ một chuỗi nguyên nhân liên tục theo thời gian – đó là, sự không biểu lộ trở thành biểu lộ. Một khi đã vượt ra khỏi khung thời gian, với những hạn chế ngấm của nó về nhận thức đối với các thuật ngữ “trình tự”, thì không có những sự giật lùi hay tiến lên. Chỉ sau đó, mới có cơ sở khi nói, *một cách tương hỗ (reciprocally)*, rằng vũ trụ biểu lộ gây ra sự không biểu lộ, và tại một mức độ chắc chắn của sự hiểu biết, điều này rõ ràng là đúng. Nếu, ví dụ, chúng ta nhìn các electron xếp hàng trên một mặt phẳng của một màng điện môi và các proton xếp hàng trên một mặt phẳng khác trong một sự cân đối bằng nhau, làm sao chúng ta có thể nói mặt phẳng nào tạo ra sự xếp hàng trên cái còn lại? Tương tự, mặc dù sự chữa lành là một ảnh hưởng của lòng trắc ẩn, nhưng lòng trắc ẩn lại không phải là “nguyên nhân” của sự chữa lành. Một khu vực năng lượng 600 hay cao hơn, hầu hết mọi thứ đều có xu hướng chữa lành.

Nguồn gốc của tất cả sự sống và tất cả các dạng đều cần thiết và vĩ đại hơn sự biểu hiện của chúng; tuy nhiên tất cả không bắt đồng với nhau và cũng không tách biệt ở bất kỳ mức độ nào. Không có *sự giả tạo thuộc về nhận thức (conceptual artifact)* về sự tách biệt

giữa tạo thành và được tạo thành. Giống như những trạng thái tinh thần, là, đã, và luôn luôn sẽ như thế.

Sau đó, thời gian là một quỹ tích của sự nhận thức một toàn ảnh đã hoàn thành sẵn; nó là một chủ thể, ảnh hưởng thuộc về giác quan của một điểm chuyển động tăng dần trong tầm nhìn. Không có sự bắt đầu hay kết thúc đối với 1 toàn ảnh. Nó có sẵn ở khắp nơi, hoàn chỉnh. Trên thực tế, sự xuất hiện của sự tồn tại “chưa hoàn chỉnh” là một phần của sự đầy đủ của chính nó. Thậm chí hiện tượng “*sự mở ra – unfoldment*” bản thân nó cũng phản ánh một điểm giới hạn trong tầm nhìn. Trong thực tế không có vũ trụ *mở ra (unfolded)* chống lại vũ trụ *cuộn lại (enfolded)*; đây thực sự chỉ là *một nhận thức phù hợp (becoming awareness)*. Nhận thức của chúng ta về các sự kiện xảy ra trong thời gian là giống nhau đối với du khách đang ngắm nhìn phong cảnh mở ra trước mặt họ. Nhưng nói rằng phong cảnh mở ra trước mặt du khách chỉ đơn thuần là một *hình thái của lời nói (figure of speech)*. Không gì thật sự đang mở ra; không gì đang thật sự trở nên hiển lộ. Chỉ là sự tiến triển của nhận thức.

Những nghịch lý này tan biến trong một thế giới quan rộng lớn hơn, bao gồm cả các sự đối lập, trong có các mặt đối lập giống như vậy chỉ là vị trí tương đối của người quan sát. *Sự siêu nghiệm (transcendence)* này về sự đối lập xảy ra một cách tự nhiên tại các mức độ ý thức ở mức 600 và cao hơn. Quan niệm rằng “người biết” diễn đạt “sự biết” trong chính *cái đối ngẫu (dualistic)* với chính nó, trong đó bao hàm sự tách biệt giữa chủ thể và khách thể (một lần nữa, điều này chỉ có thể được suy ra bởi sự chấp nhận một cách giả tạo về một điểm độc đoán của sự quan sát). *Người tạo ra (Maker)* tất cả mọi thứ trên thiên đàng và trên trái đất, của tất cả những thứ vô hình và hữu hình, vượt ra khỏi cả hai, bao gồm cả hai, và là một đối với cả hai. Do đó, sự tồn tại chỉ là một phát biểu rằng nhận thức biết nhận thức của chính nó và thuộc về những biểu hiện của chính nó giống như ý thức. *Bản thể học (ontology)* không cần quan sát. Sau tất cả, nó chỉ là thần học về sự tồn tại; bất cứ ai biết rằng mình tồn tại, đã sẵn sàng truy cập vào các công thức cao nhất của nó và vượt ra khỏi nó. Chỉ có một sự thật tương đối; tất cả những điều còn lại là những *sự thật bán phần (semi-facts)* sinh ra từ những sự giả tạo của nhận thức và vị trí giới hạn. “*To be or not to be – trở thành hay không trở thành*” không phải là một lựa chọn; một người có thể quyết định trở thành thể này hay thể kia, còn “*trở thành*” đơn giản chỉ là một điều dĩ nhiên. - “*To be or not to be*” is not a choice; one may decide to be this or that, but to be is, simply, the only fact there is.

Tất cả những điều đã nói đã được bày tỏ rất nhiều lần trong lịch sử trí tuệ của con người bởi những bậc hiền triết đã vượt ra khỏi tính nhị nguyên trong nhận thức của mình. Nhưng thậm chí như vậy, yêu cầu lãnh hội tính không nhị nguyên của sự tồn tại là cao đối với nhận thức của nó giống như cả hai lại một lần nữa rơi vào một ảo ảnh khác nữa. Đó là tối hậu không có nhị nguyên lẫn không nhị nguyên; đó chỉ là nhận thức. **Chỉ bản thân nhận thức có thể phát biểu rằng nó vượt ra khỏi tất cả các khái niệm như là “là - is” hay “không là – is not.” Phải là như vậy, bởi vì “là - is” có thể được nhận thức chỉ bởi bản thân ý thức.**

“Tử phi ngư, an tri ngư chi lạc? - Ông không phải cá sao biết cá vui?”

Trang Tử cùng Huệ Tử dạo chơi trên cầu sông Hào.

Trang Tử nói: *“Cá du ra chơi thong thả, đó là niềm vui của cá”*

Huệ Tử đáp: *“Bác không phải cá, sao biết được niềm vui của cá?”*

Trang Tử nói: *“Bác không phải tôi, sao biết tôi không biết niềm vui của cá?”*

Huệ Tử nói: *“Tôi không phải bác, không biết bác đã đành. Nhưng bác vốn không phải cá, thì hẳn là bác không biết được niềm vui của cá”.*

Trang Tử nói: *“Xin nói lại từ gốc. Bác hỏi tôi sao biết được niềm vui của cá, thế là bác đã biết tôi biết mà hỏi tôi. Tôi thì biết điều đó ở trên sông Hào này”.*

Bản thân nhận thức cũng vượt qua cả ý thức. Do đó, có thể nói rằng sự tuyệt đối (Absolute) là không thể biết một cách chính xác bởi vì nó vượt ra khỏi sự hiểu biết, bởi vì nó vượt ra khỏi phạm vi của bản thân ý thức. Những người đã đạt đến trạng thái này của ý thức nói rằng nó không thể mô tả được và có thể không có ý nghĩa với bất cứ ai chưa từng có sự trải nghiệm trong hoàn cảnh ấy. Tuy nhiên, đây là một trạng thái chân lý của Thực tại, mang tính vũ trụ và vĩnh cửu; chúng ta chỉ thất bại trong việc nhận ra nó. Một sự công nhận như thế là bản chất của giác ngộ và sự quyết định cuối cùng về việc tiến hóa ý thức tới điểm *tự siêu nghiệm (self-transcendence)*.

Chapter 20: The Evolution of Consciousness – Sự phát triển của ý thức

Hàng ngàn phép tính và vô số hiệu chỉnh được rút ra từ thử nghiệm kinesiology đối với các cá nhân và từ phân tích lịch sử cho thấy mức tăng trung bình trong mức độ ý thức trong dân số toàn cầu trung bình ít hơn 5 điểm trong suốt đời họ. Rõ ràng, từ hàng triệu những trải nghiệm cá nhân trong cuộc đời một người thường chỉ có vài bài học thực sự đã được tiếp thu. Việc đạt được *sự khôn ngoan (wisdom)* rõ ràng là chậm và đau đớn, và ít người sẵn lòng từ bỏ sự quen thuộc, thậm chí ngay cả lỗi lầm, các quan điểm; sự chống lại

thay đổi hay phát triển là đáng kể. Dường như hầu hết mọi người sẵn lòng chết hơn là thay đổi các hệ thống niềm tin của mình, những thứ giam hãm họ ở các mức ý thức thấp hơn.

Nếu điều này đúng, thì sau đó, sự tiên lượng đối với trạng thái này của con người là gì? Trung bình 5 điểm/thế hệ là tất cả những gì có thể được trông đợi? Câu hỏi đáng lo ngại này xứng đáng để chúng tôi quan tâm.

Trước hết, giống như chúng ta có thể quan sát từ sự phân vùng của các mức độ ý thức trong dân số thế giới, một tập hợp lớn giống loài của chúng ta ở mức độ thấp nhất trong thang tiến hóa, và vẫn tin tưởng vào sự ảnh hưởng để bù đắp cho sự bất lực thực sự của mình. Các nền văn hóa tiên tiến thể hiện nhiều sự biến đổi. Người Nhật tận dụng những bài học của thế chiến thứ 2 và hòa hợp chúng lại để tạo thành một bước nhảy lớn trong sự tiến hóa của họ. Nói cách khác, mức độ ý thức của Mỹ chìm xuống do kết quả từ cuộc chiến tranh Việt Nam; Những điều thực sự học được vẫn chưa hiện ra để được nhìn thấy.

Thật không may, sự giải trí của chúng ta trong các ngành thương mại nói chung về *chủ nghĩa kích động cảm xúc (emotional sensationalism)*, và vì thế bị hút về phía bạo lực. *Giết người (Murder)* là thức ăn gia đình hàng đêm trên tivi; trẻ em của chúng ta phát triển trên một *chế độ ăn uống mang tính tinh thần vững chắc (steady mental diet)* của nó. Người Mỹ đã học được cách thưởng thức *sự khủng khiếp (gruesome)* – và *kì quái (bizarre)* hơn, thì tốt hơn. *Sự tàn ác và tàn phá (Cruelty and havoc)* đang trở thành hiện trạng. Tại thành phố Phoenix, nơi một sáng kiến đòi hỏi trẻ em phải có sự chấp thuận của cha mẹ để sở hữu súng, đã thất bại gần đây, các tin tức ABC vào 1/1/1993 đã báo cáo một đứa trẻ 3 tuổi đã giết một đứa trẻ 2 tuổi rưỡi bằng một khẩu súng lục. Dường như xã hội thể chế hóa *sự tự sinh sôi (self-propagating)* của các mức độ của ý thức, trở thành một đặc điểm bén rễ sâu vào nhiều lớp địa tầng xã hội.

Tuy nhiên, vẫn còn sự lựa chọn tự do và do đó, một tiềm năng đáng kể cho sự biến đổi cá nhân và sự đa dạng của trải nghiệm, tạo ra các lựa chọn thay thế có sẵn. Từ nghiên cứu của chúng tôi về vật lý lý thuyết nâng cao, động lực học phi tuyến, và bản chất của các phương trình phi tuyến, rõ ràng là, ít nhất trong lý thuyết, *lựa chọn không chỉ có thể, mà còn chắc chắn xảy ra (choice is not only possible, but inevitable)*. *Nằm ngoài sự thường xuyên là không thường xuyên (It is out of regularity that irregularity appears)*; tất cả các khuôn mẫu hấp dẫn được kết nối đến mỗi người, giá mà bằng một “sợi -strand” đơn, để nói chuyện. Nhưng chính xác là các lựa chọn có tính biến đổi xảy ra như thế nào? Nguyên

nhân của chúng là gì? Ai tạo ra chúng và tại sao? Đây là một chủ đề quan trọng liên quan đến một số nguyên tắc đã được xác định.

Sự tăng trưởng và phát triển là không thường xuyên và phi tuyến tính. Thực tế phạm trù quan trọng là không có gì được nhận ra, về bản chất cần thiết của sự tăng trưởng, hay bất kỳ “*sự tiến triển – process*” trong bản chất. Không ai đã từng nghiên cứu về bản chất của bản thân sự sống, chỉ có những hình ảnh và ảnh hưởng của nó. Đơn giản là không có một công thức toán học đầy đủ để mô tả nó, các phương trình vi phân tuyến tính đem chúng ta đến với sự ước chừng, không phải đến với bản chất. Một hạt giống đâm chồi đơn giản thực hiện các điều kỳ diệu đáng kinh ngạc thông qua một phép màu nội tại của cái mà chúng ta không có bất kỳ sự hiểu biết nào.

Như thường thấy, sự sinh trưởng, cả cá nhân lẫn tập thể, có thể xảy ra chậm chạp hoặc đột ngột. Không bị giới hạn bởi những sự kiềm chế, mà bởi khuynh hướng. Các tùy chọn vô số được mở ra cho mỗi người vào mọi lúc, bởi vì con người muốn môi trường có thể làm cho họ hấp dẫn. *Phạm vi lựa chọn của một người thường bị giới hạn bởi tầm nhìn của chính người đó. - One's range of choice is ordinarily limited by one's vision.*

Yếu tố quan trọng nhất trong việc tạo điều kiện cho một chuyển động lên trên trong ý thức là một thái độ sẵn lòng, khai thông tâm trí xuyên qua những ý nghĩa mới của sự đánh giá đối với sự công nhận tính khả thi của giả thuyết mới. - The most important element in facilitating an upward movement in consciousness is an attitude of willingness, which opens up the mind through new means of appraisal to the possible validity of new hypotheses. Mặc dù các động cơ của sự thay đổi cũng vô số giống như là vô số các khía cạnh trong trạng thái của con người, chúng hầu hết thường được phát hiện ra một cách tự nhiên khi tâm trí bị thách thức trong hình dạng của một câu đố hay nghịch lý. Cố ý tạo ra một bế tắc như vậy là một phương pháp tạo thành thói quen trong một số lĩnh vực nhất định như thiền, để khéo léo vượt qua nhận thức.

Nam Nhạc Hoài Nhượng dành 8 năm cho câu hỏi (công án trong Thiền tông Nhật Bản) “*Ai đang đi về phía tôi thế?*” Cuối cùng ông đã hiểu. Ông nói: “*Ngay khi người ta chắc chắn rằng có điều gì đó ở đây, người ta bỏ quên cái tổng thể*” – Hoa cúc và Gươm – Ruth Benedict –

~*~

“Who am I – Tôi là ai?”

“Am I the son of a Panda? The son of a Goose? A student? A teacher? Turns out I’m all of them. I am the Dragon Warrior. Ta có phải con trai của gấu trúc ? Hay con trai của ngỗng? Là học trò ? Là lão sư ? Hóa ra ta là tất cả. Ta chính là thần long đại hiệp”. - Po - Kung Fu Panda 3: <http://www.phimmoi.net/phim/cong-phu-gau-truc-3-2790/xem-phim-76632.html>

Trong thang đo ý thức của chúng tôi, có 2 **điểm tựa quan trọng (critical fulcrums)** cho phép một sự tiến bộ lớn. **Điểm đầu tiên là tại mức 200, mức độ ban đầu của sự trao quyền (empowerment).** Ở đây phát sinh sự sẵn sàng chấm dứt sự đổ lỗi và chấp nhận sự chịu trách nhiệm về những hành động, cảm nhận và niềm tin của bản thân một người. Miễn là nguyên nhân và trách nhiệm được đặt ra bên ngoài bản thân, còn không một người phải giữ trạng thái bất lực của nạn nhân. **Điểm thứ hai là tại mức 500, được đạt tới bởi sự chấp nhận yêu thương và sự tha thứ không phán xét như là một lối sống, luyện tập trao đi sự tử tế vô điều kiện với tất cả mọi người, mọi vật, và sự kiện mà không có ngoại lệ.** (Trong các nhóm phục hồi 12 bước, nó được nói rằng không có những thứ như là *sự phẫn nộ hợp lý (justified resentment)*). Thậm chí nếu một vài người “làm điều xấu với bạn” bạn vẫn tự do lựa chọn phản ứng của mình và để sự phẫn nộ rời đi.) Ngay khi một người cam kết như thế, họ bắt đầu trải nghiệm một sự khác biệt, thế giới nhẹ nhàng hơn bởi vì sự tiến triển nhận thức của họ.

Ban đầu sẽ rất thách thức để hiểu được rằng các thái độ có thể thay đổi thế giới người ta trải nghiệm và có nhiều cách hữu hiệu để trải nghiệm nó. Thế nhưng, giống như quan sát một toàn ảnh, cái bạn nhìn thấy phụ thuộc hoàn toàn vào vị trí mà từ đó bạn nhìn. Vậy, vị trí nào có thể được gọi là “*thực tại – reality*”? Trong thực tế, đây lại là một vũ trụ toàn ảnh. Một một điểm quan sát phản ánh vị trí được xác định bởi mức độ ý thức độc nhất của người quan sát. Nếu bạn ở gần cạnh này của toàn ảnh, nhận thức của bạn sẽ khó mà đồng ý với quan điểm của người quan sát ở các cạnh khác. “Anh ta phải điên rồi!” là một phản ứng thông thường đối với sự khác biệt lớn như vậy. Và thế giới là một tập hợp của những toàn ảnh với các kích thước vô hạn, chứ không phải, giống như thường được nói, của những tấm gương – cái đã được cố định về thời gian và địa điểm và chỉ cung cấp một sự phản chiếu duy nhất. Trải nghiệm thính giác cũng là một phần của chuỗi toàn ảnh của các khu vực hấp dẫn của tất cả các âm thanh từng nghe. Thế giới vật chất cũng *xúc giác/sờ được (tactile)*. Nó có cấu trúc, màu sắc, kích thước và các mối quan hệ không gian về vị trí và hình dạng. Một trong số này, lại một lần nữa, là một phần của sự tiếp diễn cơ bản, với

tất cả các tính chất khác nhau, quay trở lại “*tận cùng thời gian - end of time*” đến nguồn gốc nguyên thủy của sự tồn tại của mình, đó là *hiện tại - now*.

Một toàn ảnh, chúng ta có thể nói, là một sự tiến triển trong và thuộc về chính nó. Không gì được cố định trong một toàn ảnh không gian 3 chiều. Và cái gì sau này thuộc về toàn ảnh không gian 4 chiều? Chúng ta có thể bao gồm tất cả các trường hợp có khả năng đồng thời của chính nó. Thay đổi dường như là di chuyển xuyên qua thời gian, nhưng nếu bản thân thời gian bị vượt qua, vậy thì sau đó sẽ không có những thứ như là sự tiếp diễn. Nếu tất cả là hiện tại, vậy thì không có gì nối tiếp từ đây sang kia. Mỗi toàn ảnh tự nó là một phép chiếu tiến hóa từ một ma trận phi tuyến bất tận của các sự kiện, không được liên kết theo quan hệ nhân quả, nhưng thay vào đó là sự đồng bộ (khởi phát đồng thời). Sau đó, ở mức độ nhận thức 600 đến 700, cái đã, cái là, và cái sẽ là, được thấu hiểu một cách im lặng trong sự trọn vẹn, khả năng toàn ảnh đồng thời (cùng một lúc). Thuật ngữ “*không thể tả - ineffable*” ở đây bắt đầu có ý nghĩa.

Để chúng tôi thử giải nghĩa rõ hơn tất cả thông qua một ví dụ. Tưởng tượng một người được gọi là “*bum – ăn xin*” ở một góc phố:

Giữ những người hàng xóm hợp một trong một thành phố lớn, tồn tại một người đàn ông già ăn mặc quần áo rách rưới, cô đơn, dựa mình vào góc tường lát đá nâu thanh lịch. Nhìn ông ta từ quan điểm của nhiều mức độ ý thức khác nhau, và ghi chú lại những khác biệt trong việc ông ấy xuất hiện (trong đầu) như thế nào.

Từ đáy thang đo, tại *mức độ 20 (xấu hổ - shame)*, người ăn xin bản thiêu, kinh tởm và đáng xấu hổ. Ở *mức độ 30 (guilt – tội lỗi)* ông ấy sẽ bị quở trách vì hoàn cảnh của mình. Ông ấy xứng đáng với những gì ông ấy có; ông ấy có lẽ là người lừa gạt phúc lợi lười biếng. Ở *mức 50 (thất vọng – Hopelessness)*, trường hợp của ông ấy có thể gây ra sự tuyệt vọng, bằng chứng rằng xã hội không thể làm gì đó đối với tình trạng vô gia cư. Và tại *mức 70 (đau khổ - Grief)*, ông già này trông thật bi thảm, không bạn bè và bị bỏ rơi.

Tại *mức ý thức 100 (sợ hãi – Fear)*, chúng ta có thể coi người ăn xin như một sự hăm dọa, mối đe dọa của xã hội. Có lẽ chúng ta nên gọi cảnh sát trước khi ông ta phạm tội. Tại *mức 125 (khao khát – Desire)*, ông ta có thể đại diện cho một vấn đề gây bức bối – tại sao không ai làm gì cả? Tại *mức 150 (Giận dữ - Anger)* ông già có thể trông giống như ông ta có thể trở nên bạo lực; hoặc, nói cách khác, một người có thể trở nên giận dữ với một hoàn cảnh tồn tại như thế. Tại *mức 175 (sự kiêu hãnh - Pride)*, ông ta có thể được xem như là một sự lúng túng hay thiếu tự trọng để làm mình tốt hơn. Tại *mức 200 (lòng dũng*

cảm – Courage), chúng ta có thể bị thúc đẩy để tự hỏi nếu có một chỗ trú cho dân vô gia cư tại địa phương; thì tất cả những gì ông ấy cần là công việc và một nơi để sống.

Tại 250 (trung lập – Neutrality), người ăn xin trông không sao, thậm chí thích thú. Chúng ta có thể nói “Sống và hãy sống”. Sau tất cả, ông ấy không làm tổn thương ai cả. *Tại mức 310 (sẵn lòng – Willingness)*, chúng ta có thể quyết định đi xuống chỗ ông ấy và xem chúng ta có thể làm gì để làm ông ấy vui lên, hay tình nguyện một thời gian tại sứ quán địa phương. *Tại mức 350 (Acceptance – chấp nhận)*, người đàn ông tại góc đường có vẻ hấp dẫn. Ông ấy có thể có một câu chuyện thú vị để kể; ông ấy đang ở đây vì những lý do mà chúng ta có thể không bao giờ biết đến. *Tại mức 400 (Lý trí – Reason)*, ông ấy là một triệu chứng của tình trạng bất ổn của nền kinh tế và xã hội hiện nay, hay có lẽ một chủ thể tốt cho nghiên cứu tâm lý sâu hơn, xứng đáng với trợ cấp của chính phủ.

Tại những mức độ cao hơn, ông già trở nên trông không chỉ thú vị mà còn thân thiện và thậm chí đáng yêu. Có lẽ chúng ta có thể thấy rằng ông ấy đã là, trong thực tế, một người đã vượt qua các giới hạn xã hội và tự do, một ông già hân hoan với sự khôn ngoan của tuổi già trên khuôn mặt và sự điềm tĩnh đến từ sự thờ ơ với những thứ vật chất. *Ở mức độ 600 (an bình – Peace)*, ông ấy được tiết lộ như là bản chất bên trong của mỗi chúng ta trong một biểu hiện tạm thời. Khi đã tiếp cận, phản ứng của người ăn xin đối với những mức độ ý thức khác nhau này cũng sẽ khác nhau. Với một vài người, ông ấy sẽ cảm thấy an toàn, với những người khác, sẽ sợ hãi hoặc chán nản. Một số người làm ông ấy giận dữ, và một số khác làm ông ta vui. Vì thế, một số người ông ấy sẽ tránh, và một số khác, sẽ chào đón một cách hài lòng. **(Vì vậy, cái mà chúng ta gặp thực ra là một tấm gương. - what we meet is actually a mirror.)**

Có rất nhiều phương pháp mà trong đó **mức độ ý thức của chúng ta quyết định cái chúng ta thấy**. Sự thật bình đẳng xây dựng trên thực tại, đang hiện ra trước chúng ta, chúng ta sẽ phản ứng lại nó theo một cách thức được dự đoán trước bởi cấp độ mà từ đó chúng ta quan sát. Những sự kiện bên ngoài có thể xác định các hoàn cảnh, nhưng chúng ta không xác định mức độ ý thức trong phản ứng của con người. Chúng tôi có thể đưa ra bối cảnh bình thường hơn về hệ thống hình sự hiện tại của chúng ta như một minh họa.

Được đặt trong một môi trường cực kỳ căng thẳng và giống hệt nhau, các tù nhân khác nhau phản ứng theo những cách bất thường khác nhau, tùy theo mức độ ý thức của họ. Các tù nhân có ý thức ở mức cuối thấp nhất trong thang đo, thỉnh thoảng thử tự sát. Những người khác trở nên tâm thần và một số trở nên ảo tưởng. Một số trong các trường

hợp tương tự rơi vào sự chán nản, trở nên im lặng, và ngừng ăn. Vẫn có những người ngồi ôm đầu, cố gắng giấu đi nước mắt đau khổ. Một trải nghiệm rất thường xuyên là sự sợ hãi, bao gồm sự phòng vệ hoang tưởng. Trong cùng một tại giam, chúng tôi thấy những tù nhân khác với các mức năng lượng cao hơn trở nên giận dữ, bạo lực và công tích và giết người. Sự kiêu hãnh hiện diện ở mọi nơi, trong các dạng nói phách của đàn ông và đấu tranh dành quyền lực.

Ngược lại, một số tù nhân tìm thấy sự can đảm để đối mặt với sự thật về lý do họ ở đây, và bắt đầu nhìn thẳng vào cuộc sống nội tâm của mình một cách thành thật. Luôn có một số người chỉ “*trốn khỏi những cú đấm - roll with the punches*³²” và cố gắng kiếm thứ gì đó để đọc. Tại mức độ chấp nhận, chúng tôi thấy những tù nhân tìm kiếm sự giúp đỡ và tham gia vào các nhóm hỗ trợ. Không có gì bất thường khi một tù nhân thỉnh thoảng trở nên có hứng thú trong việc học, bắt đầu học trong thư viện nhà tù, hay trở thành một luật sư nhà tù (một số cuốn sách chính trị có ảnh hưởng nhất trong lịch sử được viết ra trong trại giam). Một vài tù nhân trải qua một sự biến đổi của ý thức và trở thành một điều dưỡng viên yêu thương và hào phóng đối với những người bạn tù của họ. Và không phải chưa từng nghe về một tù nhân liên đã kết được tới các khu vực năng lượng cao hơn để trở nên cao cả hơn, thậm chí tích cực theo đuổi sự giác ngộ.

Chúng ta phản ứng như thế nào phụ thuộc vào thế giới mà chúng ta sẽ phản ứng với. Chúng ta trở thành ai, cũng như những thứ chúng ta thấy, đều được quyết định bởi nhận thức, có thể nói, đơn giản, là để tạo ra thế giới kinh nghiệm và nhận thức. Thật thú vị khi lưu ý rằng thang đo ý thức một người càng thấp thì càng khó để duy trì sự tiếp xúc bằng mắt. Ở mức thấp phía cuối, tiếp xúc trực quan bị né tránh hoàn toàn. Ngược lại, khi chúng ta đi lên trên trong thước đo, khả năng giữ tiếp xúc là kéo dài, và cuối cùng hầu như là bất tận, “*nhìn chăm chú – gaze*” với chiều sâu rộng lớn trở thành đặc tính. Tất cả chúng ta quen với cái nhìn thoáng qua thận trọng của tội lỗi, cái nhìn chòng chọc của sự thù hằn, và, ngược lại, sự mở to mắt mà không chớp của sự vô tội. *Năng lượng và nhận thức đi đôi với nhau. - Power and perception go hand in hand.*

³² Roll With the punches : đây là 1 Idioms, có nghĩa là khi mọi thứ không đi theo cách của bạn, thì bạn phải học cách thích ứng với những thay đổi đó và tiếp tục đi chuyển về phía trước. Trong môn (Boxing) quyền Anh, mình có thể hiểu khi giao đấu, đối thủ ra đòn với những cú đấm liên tiếp vào mặt, ta phải học cách Roll With The Punches (lùi lại hoặc né sang một bên khi bị đánh...) do đó lực tấn công của đối thủ ta nhận phải sẽ giảm đi.

Vậy, nhận thức hoạt động như thế nào? Cơ chế của nó là gì? Nhận thức là độc nhất một cách chủ quan, được chứng minh bởi các quan sát thông thường. Tất cả chúng ta quen với ví dụ về một phiên tòa giả trong trường luật, trong đó các nhân chứng khác nhau kể lại những sự việc hoàn toàn khác nhau về cùng một sự việc. **Cơ chế của nhận thức giống như một rạp chiếu phim mà trong đó máy chiếu chính là bản thân ý thức. Các dạng trên nhũ tương phim là các khuôn mẫu năng lượng hấp dẫn và hình ảnh chuyển động trên màn hình là thế giới mà chúng ta nhận thức và gọi là « thực tại ».** Chúng ta có thể nói rằng những *thông số thiết lập (configurations)* trên cuộn phim là các khu vực hấp dẫn ABC trong tâm trí, và hình ảnh chuyển động trên màn hình là $A \rightarrow B \rightarrow C$, được quan sát như một thế giới hiện tượng.

Lược đồ này cung cấp một mô hình tốt hơn cho sự lý giải tốt hơn về bản chất của mối quan hệ nhân quả, xảy ra trong mức độ của cuộn phim, chứ không phải là mức độ của màn hình. Bởi vì thế giới thường xuyên áp dụng những ảnh hưởng của mình lên màn hình của cuộc đời với mức độ $A \rightarrow B \rightarrow C$, những nỗ lực này là không hiệu quả và tốn kém. Quan hệ nhân quả bắt nguồn từ các khuôn mẫu hấp dẫn của các mức năng lượng, ABCs của những thông số thiết lập được in trên cuộn phim của tâm trí, sau đó, được chiếu bởi ánh sáng của ý thức.

Bản chất của dòng suối ý thức, mẫu hình của nó về ý nghĩ, nhận thức, cảm nhận, và ký ức là kết quả của sự cuốn theo trong khu vực năng lượng hấp dẫn, sự cuốn theo này là bởi vì tại đó nó bị kiểm soát (khu vực năng lượng hấp dẫn chiếm ưu thế). Cũng nên nhớ rằng *sự chiếm ưu thế này là tự phát sinh theo ý nó (không có ép buộc) - this domination is volitional. Nó không phải là áp đặt, mà là kết quả của những sự lựa chọn, niềm tin, mục tiêu của bản thân một người. It is not imposed, but is the outcome of one's own choices, beliefs, and goals.* Kungfu panda 2: <http://www.phimmoi.net/phim/kung-fu-panda-2-316/xem-phim.html>

Bằng sự đồng ý, chúng ta đồng bộ hóa với một khuôn mẫu khu vực tiềm ẩn các kiểu hình riêng biệt, về việc biến đổi và ảnh hưởng đến tất cả các quyết định của chúng ta dựa theo sự hòa hợp của nó về bộ các giá trị và ý nghĩa. Điều tỏ ra là quan trọng và thú vị từ quan điểm của một mức độ có thể là nhầm chán hay thậm chí căm ghét tại một mức độ khác; chân lý là chủ quan. Sự thật này có thể được xem là khủng khiếp. Mức độ hiện tại của khoa học đối với trạng thái tiên tri chính xác là một biểu hiện của sự ép buộc không

vững chắc của chúng ta để cảm thấy rằng có một thế giới khách quan “ngoài kia” có thể đo lường, có thể dự đoán ở mọi nơi, dựa trên cái chúng ta có thể thật sự tin cậy.

Mặc dù vượt qua các sự biến dạng cảm xúc của nhận thức, nhưng bản thân khoa học lại tạo ra một sự biến dạng khái niệm khác do sự giới hạn của các thông số. **Khoa học cần thiết phải loại bỏ dữ liệu khỏi bối cảnh để nghiên cứu nó, nhưng cuối cùng, lại chỉ có bối cảnh mới làm cho tất cả dữ liệu trở nên quan trọng, có giá trị hay ý nghĩa.** Sự khám phá cuối cùng mà vật lý lý thuyết nâng cao đã đạt được, có thể được chạm tới từ bất kỳ khu vực có tổ chức nào về tri thức của con người. Phân tích chi tiết hơn về cấu trúc của cái giả định là “ngoài kia”, thì càng có nhiều người phát hiện thứ mình đang xem xét, trong thực tế, là bản chất về tiến trình lộn xộn của ý thức, mà hiện nay đang bắt đầu từ bên trong. Thực sự không có gì “ngoài kia” hơn là chính bản thân ý thức. Xu hướng thông thường về sự tin tưởng về phương diện khác là một ảo giác cơ bản, một tính cách hư ảo của tâm trí con người, có xu hướng luôn xem chủ thể tạm thời của nó là “của tôi – mine”.

Một cách khách quan, có thể thấy rằng những ý nghĩ thật ra thuộc về ý thức của thế giới; tâm trí mang tính cá nhân chỉ phát triển chính nó trong những sự kết hợp và hoán vị mới. Cái dường như là **những ý nghĩ nguyên thủy chân thật chỉ xuất hiện thông qua trung gian tài năng và được cảm nhận một cách không đổi, để được tìm thấy và đưa ra, chứ không phải được tạo ra, bởi những người sáng tạo chúng.** Có thể trường hợp mỗi chúng ta đều là duy nhất, giống như không có 2 bông tuyết nào giống nhau; thế nhưng, chúng ta vẫn chỉ là những bông tuyết.

Tất cả chúng ta đều kế thừa hình thái con người, với một tâm trí tự cho là chúng ta đã *không yêu cầu được sinh ra (unasked-for birth)*. Để vượt qua các giới hạn của tâm trí, cần phê phán nó khỏi sự chuyên chế của một *trọng tài duy nhất của thực tại (sole arbiter of reality)* của nó. Tính hư ảo của tâm trí trao sự cho phép của mình; về tính xác thực, lên bộ phim cuộc sống mà nó nhìn thấy; bản chất thật của tâm trí là thuyết phục chúng ta rằng quan điểm duy nhất của nó về trải nghiệm là hoàn toàn đúng đắn. Mỗi cá nhân cảm thấy một cách bí mật rằng chỉ những trải nghiệm của bản thân về thế giới mới là chân lý và đúng đắn.

Trong cuộc thảo luận của chúng ta về các mức độ ý thức, chúng ta đã thấy rằng một trong những nhược điểm của *sự tự hào (Pride)* là sự cự tuyệt. Mọi tâm trí đều tham gia vào sự cự tuyệt để bảo vệ “sự đúng đắn” mà nó tin. Điều này sinh ra tính cố định và sự cản trở đối với thay đổi, để ngăn chặn ý thức trung bình khỏi sự tiến bộ hơn 5 điểm trong suốt thời

gian sống. Những bước nhảy vọt trong mức độ ý thức luôn được đặt trước bởi sự đầu hàng với ảo tưởng rằng “tôi biết”. Thông thường, cách duy nhất một người có thể đạt tới *sự sẵn lòng* (willingness) thay đổi là khi một người *chạm đáy* (hits bottom), nghĩa là bằng cách đảo lại hành vi tại điểm tận cùng (giống động tác quay đầu tại thành bể bơi -

<https://www.youtube.com/watch?v=HHGzKXNJAA>) để đánh bại hệ thống niềm tin phù phiếm. Ánh sáng không thể vào trong một chiếc hộp kín; sự lộn ngược của thảm họa có thể trở thành một sự khởi đầu để lên đến một mức độ nhận thức cao hơn (một cú lộn ngược dòng ngoạn mục). Nếu cuộc sống được xem như một giáo viên, thì nó sẽ trở thành đúng là như thế. Trừ khi những bài học đau đớn của cuộc sống cùng với những gì chúng ta cư xử, được biến đổi thông qua lòng khiêm tốn để vào trong những lối vào của sự tăng trưởng và phát triển, còn không thì chúng sẽ bị lãng phí.

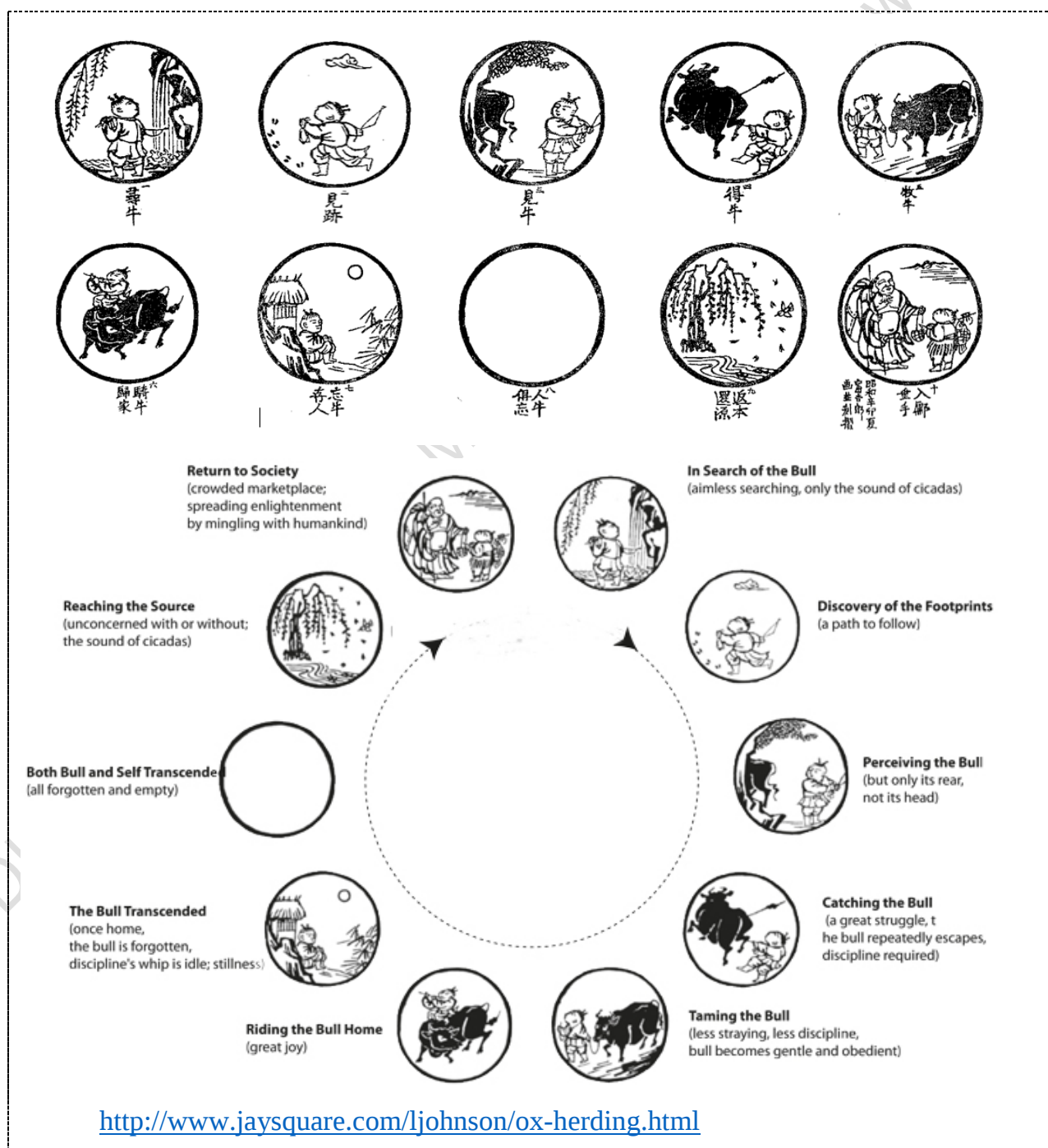
Chúng ta chứng kiến, chúng ta quan sát, chúng ta ghi lại các tiến trình hiển nhiên của các trải nghiệm. Nhưng ngay cả trong bản thân nhận thức, cũng không có gì thật sự xảy ra. **Nhận thức chỉ ghi lại điều đang được trải nghiệm; và không có ảnh hưởng gì lên chúng cả.** Nhận thức là khu vực hấp dẫn *bao lấy tất cả* (all-encompassing) của năng lượng vô hạn giống hệt với bản thân cuộc sống. Khi tâm trí tin rằng mọi thứ đều là giả, đó là tại một mức độ cao hơn của nhận thức. *There is nothing the mind believes that is not fallacious at a higher level of awareness.*

Tâm trí xác định bằng sự thỏa mãn của nó. Khi nó mất đi sự tin tưởng và sự đổ lỗi cho cái mình tin, thì nó có thể trở nên khiêm nhường đối với tính hư ảo của sự phán đoán, để chấp nhận rằng điều duy nhất nó đang làm là trải nghiệm, và, trong thực tế, nó chỉ đang trải nghiệm chính bản thân sự trải nghiệm. Tâm trí thậm chí còn không trải nghiệm thế giới, mà chỉ là các báo cáo giác quan về thế giới. *Ngay cả những ý nghĩ rực rỡ và cảm nhận sâu sắc cũng chỉ là các trải nghiệm; cuối cùng, chúng ta có chỉ một chức năng là: trải nghiệm sự trải nghiệm. Even brilliant thoughts and deepest feelings are only experiences; ultimately, we have but one function: to experience experiencing.*

Giới hạn chính của ý thức chính là sự vô tội của chính nó - The major limitation of consciousness is its innocence. **Ý thức rất dễ tin; nó tin tưởng mọi thứ nó nghe thấy.** Ý thức **giống như phần cứng (máy vi tính)** sẽ phát lại bất kỳ phần mềm nào bạn bỏ vào trong nó. Chúng ta **không bao giờ mất đi** sự vô tội bẩm sinh của ý thức của chính chúng ta; nó **vẫn còn tồn tại**, ngây thơ và tin tưởng, giống như một đứa trẻ nhạy cảm. **Chỉ có một giám hộ duy nhất là một nhận thức sáng suốt để xem xét kỹ chương trình được bỏ**

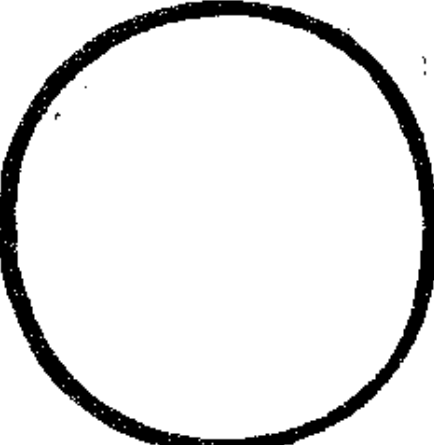
vào. Sự nổi dậy của các vệ thần [http://www.phimmoi.net/phim/su-troi-day-cua-cac-ve-
than-124/xem-phim.html](http://www.phimmoi.net/phim/su-troi-day-cua-cac-ve-than-124/xem-phim.html) 25:15 - 26:50

Qua thời gian, nó được nhận thấy rằng chỉ việc quan sát tâm trí mới có xu hướng làm tăng mức độ ý thức của một người. Một tâm trí đang được quan sát trở nên khiêm tốn hơn và bắt đầu từ bỏ những yêu cầu của nó đối với *sự toàn trí (omniscience)*. Sau đó, sự tăng trưởng trong nhận thức có thể xảy ra. Với sự khiêm tốn đến từ khả năng để cười chính bản thân mình và ngày càng ít trở thành nạn nhân của tâm trí và quản chế nó nhiều hơn, như đã được mô tả bởi *những hình ảnh chăn bò nổi tiếng của Zen (the famous Zen ox-herding pictures)*.



	Đi tìm con bò	(Tìm kiếm vu vơ, chỉ có âm thanh của những con ve sầu)
	Tìm thấy những dấu chân	(Một con đường để đi theo)
	Trông thấy con bò	(Nhưng chỉ thấy phía sau nó, không thấy đầu nó)

 得^四牛	Bắt lấy con bò	(Một trận chiến dữ dội, con bò trốn thoát nhiều lần, yêu cầu kỷ luật)
 牧^五牛	Thuần hoá con bò	(Ít đi lạc hơn, ít kỷ luật hơn, con bò trở nên hoà nhã và nghe lời)
 歸^六騎牛	Cưỡi bò trở về	(Niềm hân hoan lớn)

 忘人牛	Vượt qua con bò	(Căn nhà trước kia, con bò bị quên lãng, cây roi của kỷ luật là vô ích, tình mịch)
 人忘牛	Cả con bò và sự tự vượt qua	(Quên hết tất thấy và rỗng không)
 還源本	Chạm tới nguồn gốc	(Không quan tâm đến có hay không; âm thanh của những con ve sầu)

	Quay trở lại xã hội	(Thương trường đông đúc; truyền bá sự giác ngộ bằng sự hoà nhập vào loài người)
---	----------------------------	--

Từ suy nghĩ rằng chúng ta “là” những tâm trí của chính mình, chúng ta bắt đầu thấy rằng chúng ta “có” những tâm trí, và nó là một tâm trí có những ý nghĩ, niềm tin, cảm xúc và ý kiến. Sau cùng, chúng ta có thể đạt đến sự sáng suốt rằng tất cả những ý nghĩ của chúng ta chỉ được mượn lại từ một cơ sở dữ liệu vĩ đại của ý thức và chưa bao giờ là thật sự thuộc về chúng ta từ lúc bắt đầu. *From thinking that we “are” our minds, we begin to see that we “have” minds, and that it is the mind that has thoughts, beliefs, feelings, and opinions. Eventually, we may arrive at the insight that all our thoughts are merely borrowed from the great database of consciousness and were never really our own to begin with.* Các hệ thống ý nghĩ thịnh hành được tiếp nhận, được hấp thụ, được xác định, và tại đúng thời điểm, sẽ bị thế chỗ bởi những ý tưởng mới phù hợp hơn. **Khi chúng ta đặt ít giá trị trên những khái niệm nhất thời này, chúng sẽ mất đi khả năng kiểm soát chúng ta, và chúng ta trải nghiệm sự tự do cấp tiến, cũng giống như từ tâm trí.** Điều này, đến lượt nó, chín muồi thành một nguồn vui mới; một cách thích hợp, sự hài lòng về bản thân sự tồn tại cũng sẽ chín muồi, và một người sẽ lên cao trong thang đo ý thức.

Chapter 21: The Study of Pure Consciousness – Nghiên cứu ý thức thuần túy

≈ đã lược bỏ ≈

Characteristics of Pure Consciousness – Các đặc điểm của ý thức thuần túy

Tầm nhìn của chúng ta về ý thức được liên kết với khái niệm của chúng ta về **bản chất (self)**: càng giới hạn nhận thức về bản chất, càng có ít các thông số của những trải nghiệm. Các thông số bị hạn chế về thực tế bao trùm toàn bộ các ảnh hưởng của chúng.

Như một ví dụ trong nghiên cứu của chúng tôi, cái gọi là “*poor – nghèo*” tự nó hiển nhiên rằng “*poorness – sự nghèo nàn*” không chỉ là một trạng thái tài chính, mà cái “*nghèo*” thực sự là nghèo trong tất cả các khu vực của cuộc sống: nghèo trong tình bạn, nghèo trong các kỹ năng về lời nói, nghèo trong lĩnh vực giáo dục, nghèo trong các tiện nghi xã hội, nghèo tài nguyên, nghèo sức khỏe, và nghèo trong mức độ tổng thể của hạnh phúc. Do đó, sự nghèo nàn có thể được coi như là một đặc tính phẩm chất của *sự tự nhận thức (self-image)* bị giới hạn, được đưa ra từ việc thiếu hụt các nguồn tài nguyên. Nó không phải là một trạng thái tài chính, mà là một mức độ của ý thức. Năng lượng của mức độ nhận thức này hiệu chỉnh tại mức khoảng 60.

“*Danh khả danh phi thường danh - có thể gọi được thì không phải là danh bất biến*”
– Đạo đức kinh - Lão tử.

Danh mang nghĩa hạn định (một giới hạn định sẵn, để không vượt qua). Và do đó, không thể dùng danh tương đối để gọi ra được cái nguyên lý bất biến (tuyệt đối). Trên đời, mọi chuyện đều là tương đối, không có gì là tuyệt đối cả, vì chúng không ngừng biến đổi, dịch hóa. Luôn tồn tại những trạng thái mâu thuẫn hay đối nghịch như có – không, cao – thấp, ngắn – dài, tốt – xấu, đúng – sai... “*Thiên hạ đều biết tốt là tốt thì đã có xấu rồi; đều biết lành là lành thì đã có cái chẳng lành rồi.*” Hay “*Họa, chính là chỗ dựa của phúc; phúc, là chỗ núp của họa.*” Cho nên không thể chính danh (vật nào có danh đó) được, bởi không có danh nào tuyệt đối. Những trạng thái mâu thuẫn luôn song hành và ở trong chính cái mâu thuẫn của chúng. (Thuyết vô danh - Lão tử)

Việc nhận biết và từ đó trải nghiệm bản chất có thể chỉ tồn tại trong sự nhận biết của bản thân một người giống như chỉ là cơ thể vật chất của người đó. Sau đó, tất nhiên, chúng ta có thể thích thú hỏi rằng: Làm thế nào để sau đó một người biết được rằng người đó có cơ thể vật chất? Thông qua quan sát, chúng ta thấy rằng sự hiện diện của cơ thể vật chất đã bị giới hạn bởi ý thức. Câu hỏi tiếp theo – Cái gì là nhận thức của ý thức? Làm sao chúng ta trải nghiệm các ý thức đang được nói đến? Một số thứ lớn hơn, một số thứ hoàn thiện hơn cơ thể vật chất, và tồn tại để trải nghiệm những thứ nhỏ hơn; một số thứ là bản thân tâm trí. Một người nhận biết với cơ thể mình bởi vì tâm trí của người đó đang trải nghiệm cơ thể ấy. Những bệnh nhân khiếm khuyết các phần khá lớn của cơ thể họ sẽ báo lại rằng ý thức của họ về bản chất vẫn không bị suy giảm; giống như một người sẽ nói “*tôi vẫn đầy đủ như tôi trước đây - I’m still just as much me as I ever was.*”

Sau đó, lại phát sinh câu hỏi: Làm sao một người biết cái gì đang được trải nghiệm bởi tâm trí? Bằng các quan sát và tự xem xét, một người có thể chứng tỏ rằng những suy nghĩ không có khả năng trải nghiệm chính nó, nhưng một số thứ vừa vượt ra khỏi lại vừa cơ bản hơn suy nghĩ, sẽ trải nghiệm sự liên tục của các suy nghĩ, và ý thức của nó về sự nhận dạng không bị thay đổi bởi nội dung của các suy nghĩ.

Điều gì quan sát và là nhận thức của tất cả các hiện tượng chủ quan và khách quan trong cuộc sống? Nó chính là bản thân ý thức, là cả nhận thức lẫn nguồn gốc của sự trải nghiệm. Cả 2 đều chủ quan thuần túy. **Bản thân ý thức không được xác định bởi nội dung/hàm lượng; các suy nghĩ chảy qua ý thức giống như cá bơi trong đại dương.** Sự tồn tại của đại dương độc lập với cá; hàm lượng của đại dương không định nghĩa bản chất của nước. Giống như một tia sáng không màu, ý thức chiếu sáng chủ thể chứng kiến – vì thế miêu tả mang tính truyền thống của nó trong văn học thế giới là với “*ánh sáng – light*”

Sự nhận biết chỉ với nội dung của ý thức là bởi sự trải nghiệm bản chất bị giới hạn. Ngược lại, nhận biết với bản thân ý thức là biết rằng bản chất hiện tại của một người chính là vô hạn. Khi những *sự tự nhận biết (self-identifications)* (cảm nhận điều bản thân chia sẻ và hiểu về các vấn đề hay các trải nghiệm của một ai đó) bị giới hạn được khắc phục, để ý thức của bản chất được nhận biết giống như bản thân ý thức, tình huống này được gọi là “*giác ngộ - enlightened*”.

Một đặc điểm của sự trải nghiệm ý thức thuần túy là sự nhận thức về “*sự vô tận – timelessness*” (hay sự vô tận của sự nhận thức). Ý thức được trải nghiệm giống như là *vượt ra khỏi tất cả các hình thức và thời gian (beyond all form and time)* và xem như *sự hiện diện mang tính bình đẳng ở mọi nơi (everywhere equally present)*. Nó được mô tả như “*sự chính là – is-ness*” hay “*sự tồn tại – beingness*” và trong văn chương mang tính tinh thần, “*sự tôi là - I-am-ness*”. Ý thức không nhìn nhận sự tách biệt (sự tách biệt là kết quả của một sự giới hạn về nhận thức). **Trạng thái giác ngộ là của một “nhất thể – Oneness” ở nơi không có sự phân chia thành các phần riêng biệt. Giống như sự phân chia chỉ hiển nhiên ở một nhận thức cục bộ; nó thật ra chỉ ngẫu nhiên với một quan điểm cố định.**

Các mô tả tương tự trong suốt lịch sử tư tưởng hoàn toàn đồng tình với các nghiên cứu của William James, được trình bày trong các bài giảng của Gifford³³ và cuốn sách nổi tiếng *Những trải nghiệm tôn giáo - Varieties of Religious Experience*. Sự trải nghiệm của

³³ The Gifford Lectures (các bài giảng của Gifford) là chuỗi các bài giảng được xuất bản hàng năm bởi di chúc Adam Lord Gifford (một luật sư và thẩm phán người Scotland, 1820 - 1887)

bản thân ý thức đã được mô tả như *hiếm có - rare*, *độc nhất - unique*, *không thể tả được - ineffable*, và “*vượt ra khỏi tâm trí - beyond mind*”, giống như một trạng thái ý nghĩ - không bị bó buộc của sự hiểu biết - *thought-free state of Knowingness*, một thứ đầy đủ, bao hàm tất cả (*all-inclusive*), không cần và cũng không muốn, và vượt ra khỏi sự giới hạn của sự trải nghiệm chỉ mang tính cá nhân, và của chính cá nhân.

Một đặc tính khác của ý thức thuần túy là sự chấm dứt dòng chảy của suy nghĩ hoặc cảm giác. Đó cũng là một trạng thái của sự hiện diện năng lượng vô hạn, lòng trắc ẩn vô hạn, dịu dàng và yêu thương. Trong trạng thái này, bản chất mang tính cá nhân trở thành một *bản chất vô hạn (Infinite Self)*. Đó là một sự thừa nhận đi kèm của nguồn gốc thật của khả năng trải nghiệm bản chất như bản chất. Nhận thức về bản chất như bản chất là điểm cao nhất của quá trình loại bỏ sự nhận biết giới hạn.

Những bước cần thiết để nắm lấy và tạo điều kiện cho nhận thức về bản chất giống như ý thức đã được kể một cách tỉ mỉ về mặt lịch sử. Nhiều kỹ thuật đã được chỉ định để tạo điều kiện cho sự dẹp bỏ những chướng ngại cho một nhận thức mở rộng; điều này có thể được tìm thấy trong sự thực hành của nhiều sự huấn luyện về tinh thần. Một quá trình chung đối với tất cả các giáo lý là sự loại bỏ không ngừng việc nhận biết bản chất là có hạn.

Giác ngộ được cho là tương đối hiếm có, không hẳn là bởi vì sự khó khăn khi thực hiện những bước cần thiết, mà bởi nó là một trạng thái nhận được rất ít sự quan tâm, đặc biệt là trong xã hội hiện đại. Nếu chúng ta dừng một ngàn người trên đường lại và hỏi họ rằng “Tham vọng lớn nhất trong đời bạn là gì?” có bao nhiêu người sẽ nói rằng “Để giác ngộ”?

Contemporary Recognition of Higher Consciousness – Sự thừa nhận đương thời của ý thức cao hơn

≈ đã lược bỏ ≈

“Toward a Scientific Basis of Consciousness,” held at the University of Arizona Health Sciences Center in Tucson, Arizona, on April 12-17, 1994.

Fritjof Capra’s *The Tao of Physics*

Robert Ornstein’s *The Psychology of Consciousness*,

Ian Stewart’s *Does God Play Dice?: The Mathematics of Chaos*.

Looking Glass Universe, by John Briggs;

Turbulent Mirror, by Briggs and F. David Peat.

The Varieties of Religious Experience by William James

Bill W., the founder of AA (*Alcoholics Anonymous*), characterized AA as “the language of the heart.”

Chữa lành quan trọng hơn chữa trị. Chữa lành có thể thực hiện thông qua việc thực hành các nguyên lý của ý thức.

Năng lượng vô hình, “Năng lượng cao hơn - *Higher Power*” của phong trào 12 bước³⁴ đang phát triển rộng rãi và nền tảng cho hàng triệu sự bình phục của phong trào này, giống như một suối nguồn của năng lượng đối với tất cả các phân nhánh xa xôi của cuộc khám phá trí tuệ, không hẳn là đẩy con người ta tiến về phía trước, mà giống như đang kéo con người quay trở về. Những gì họ đang tìm kiếm là năng lượng của bản thân ý thức thuần túy.

Chapter 22: Spiritual Struggle – Cuộc đấu tranh mang tính tinh thần

Từ sự hiểu biết về ý thức mà chúng tôi đã biết được, chúng tôi có thể diễn giải lại cuộc chiến tranh của sự táo bạo mang tính tinh thần của con người. Bản thân ý thức thuần túy, được mô tả như “*sự chính là – is-ness*”, “*sự tồn tại – beingness*” và “*sự tôi là – I-am-ness*” đại diện cho tiềm năng vô hạn, năng lượng vô hạn, và nguồn năng lượng vô hạn của tất cả các sự tồn tại, chúng được xác định như “*Thượng đế – Deity*,” “*Chúa trời – God*,” “*Thần linh – Divinity*.” Trong các tiềm năng này, *sự không rõ ràng (Unmanifest)* trở thành *sự rõ ràng (Manifest)* như một sự hiện thân – của Christ, Phật đà, minh sư và bậc thầy cao minh – những người có khu vực năng lượng hiệu chỉnh ở mức 1000. Những cá nhân này thiết lập các khuôn mẫu hấp dẫn của năng lượng khổng lồ trong tâm trí, với khả năng toàn ảnh của nó để phản ứng toàn bộ các khu vực hấp dẫn, như một chủ thể.

Chỉ một khoảnh khắc ngắn ngủi nhưng vẫn có sức mạnh mẽ lớn, là những bậc thầy đã giác ngộ, những người đã chỉ ra con đường đến sự nhận thức “bản chất”. Bản chất đã được mô tả bởi sự giác ngộ qua thời gian giống như *sự vô hạn, không có hình dạng, không thay đổi, hiện diện trong tất cả, rõ ràng và không rõ ràng (infinite, formless, changeless,*

³⁴ Chương trình 12 bước (twelve-step program) là một bộ các nguyên tắc hướng dẫn phác thảo một khóa hoạt động để phục hồi từ nghiện ngập, bạo lực hoặc những vấn đề hành vi khác. Ví dụ AA.

all-present, unmanifest-and-manifest). Ở đây là *nhất thể (Oneness)*, *tổng thể (Allness)* và *tốt cao (goodness)* của tất cả những sự tồn tại, không thể nhận rõ từ *bậc tạo hóa (Creator)*, năng lượng của nó trong phạm vi con người là một khu vực hấp dẫn không lồ, cho phép và bao gồm sự biến hóa (*ý chí tự do - free will*) để vào lúc kết thúc, “*tất cả con đường đều dẫn về Ta - all paths lead to Me*”. Giáo lý và các hoạt động khác để luận giải điều này thông thường được hiệu chỉnh ở mức 700 trong các nghiên cứu của chúng tôi.

Tại khu vực năng lượng 600, ý nghĩ thông thường sẽ chấm dứt. Vượt ra khỏi quá trình tuyến tính thuộc về thời gian, sự tồn tại được nhìn thấy giống như *sự biết, có mặt ở khắp nơi, và bất nhị/chỉ có một (Knowingness, omnipresence, and nonduality)*. Bởi vì bản thân sự tồn tại ở khắp nơi, nên ảo giác về sự tách biệt của luật nhị nguyên “tôi/bạn” và hệ quả của nó sẽ biến mất. Trạng thái này là sự an bình, vượt ra khỏi tất cả sự hiểu biết, vô hạn và yêu thương vô điều kiện – *bao lấy tất cả, biết tất cả, hiện diện trong tất cả, năng lượng trong tất cả và hòa hợp với bản chất (all-encompassing, all-knowing, all-present, omni-powerful, and concordant with the Self)*, đó là sự nhận thức rằng sự rõ ràng là một phần của sự không rõ ràng. Các trạng thái tinh thần chân thật có thể được nói rằng sẽ bắt đầu ở mức độ hiệu chỉnh khoảng 500 (*tình yêu – Love*), trở thành yêu thương vô điều kiện ở mức 540, và sau đó, tiếp tục cho đến vô hạn. Các bậc thầy được hiệu chỉnh ở mức cao 500s và 600s thường được công nhận là các thánh; trạng thái ý thức của họ thường được mô tả là *siêu phàm (sublime)*.

Nó không phải là một trải nghiệm hiếm có đối với các học viên để tiến vào trạng thái siêu phàm khi họ có những bậc thầy dạy dỗ có mức năng lượng hiệu chỉnh ở mức 550 và hơn, thông qua quá trình “*trôi theo – entrainment*” theo sự ưu thế của những khu vực hấp dẫn mạnh. Cho đến khi người mộ đạo đạt đến trạng thái ý thức cao hơn của nhận thức, trạng thái này sẽ không bền nếu họ không đang trong khu vực năng lượng cao hơn của bậc thầy của mình. (Học trò ở bên cạnh thầy sẽ chịu ảnh hưởng (bị chi phối bởi sự ưu thế) của khu vực năng lượng cao trong ý thức của thầy mình, sẽ dễ đạt được trạng thái siêu phàm, tuy nhiên nếu rời xa thầy sẽ mất đi sự ảnh hưởng và không dễ đạt được trạng thái siêu phàm nữa. Cho đến khi chính bản thân họ đạt được trạng thái ý thức cao hơn.) Những người tìm kiếm một *tinh thần cao hơn (Advanced spiritual)* thường dao động bên trong và thoát khỏi “*sự hiện diện của việc được yêu này - presence of the Beloved*” – sự ảnh hưởng của khu vực năng lượng cao trong ý thức của thầy mình khi họ sắp đến gần sự giác ngộ;

sự mất đi trạng thái cao hơn và giảm xuống thấp hơn được định nghĩa trong cả văn học phương Đông và phương Tây là “*sự đau khổ về mặt tinh thần - anguish of the soul*”

Hoạt động mang tính tinh thần, giống như những sự theo đuổi chuyên sâu khác, có thể **gian truân và thường yêu cầu sự phát triển của các công cụ đặc biệt để thực hiện, bao gồm một mục tiêu để tập trung cao độ vào và sự tập trung không đổi**. Sự khó khăn của hoạt động bên trong là từ nỗ lực to lớn để thoát khỏi sức hút thông thường của các khu vực năng lượng thấp hơn và chuyển đến vùng ảnh hưởng của khu vực cao hơn. Để cải thiện trận chiến này, tất cả các điều răn của các tôn giáo đều chống lại sự phơi bày chính mình trong các khu vực có năng lượng thấp hơn; nó chỉ là từ một quan điểm độc tài rằng lỗi lầm được mô tả là “*tội lỗi – sin*”. Một quan điểm tự do hơn cho phép sự ve vãn của con người với các vùng năng lượng thấp như “*những sự yếu đuối – failings*” có thể tha thứ. Tuy nhiên, đặc tính của các thái độ, cảm xúc, hành vi của các khu vực năng lượng dưới 200, trong thực tế, thường phá tan các trải nghiệm mang tính tinh thần.

Hệ thống chakra³⁵ cổ điển được công nhận bởi nhiều sự huấn luyện mang tính tinh thần, có tương quan hầu như chính xác với bản đồ ý thức đã hiện ra trong các nghiên cứu của chúng tôi. Mức độ ý thức 600 tương ứng với *Sahasrara* hay *the crown chakra - luân xa vương miện*, mức độ 525 đối với *Ajna* hay *the third eye - con mắt thứ ba*, luân xa giữa hai chân mày, mức độ 350 cho *Vishuddha* hay *the throat chakra - luân xa cuống họng* mức độ 275 cho *Manipura* hay *the solar plexus - luân xa búi mặt trời* và *Swadhisthana* hay *the spleen or sacral chakras - luân xa xương cùng*, và mức độ 200 cho *Muladhara* hay *the base or root chakra - luân xa gốc* (hiệu chỉnh năm 2010).

Các luân xa được miêu tả như là xếp thành một cột thẳng từ gốc của cột sống lên đến đỉnh đầu. Mỗi Luân xa liên quan tới một số chức năng tâm sinh lý, một khía cạnh của nhận thức, một phần tử cổ điển (nước, lửa, khí, đất), một màu sắc nào đó và nhiều đặc điểm khác. Chúng thường được hình tượng hóa bằng các hoa sen với số cánh khác nhau cho mỗi luân xa.

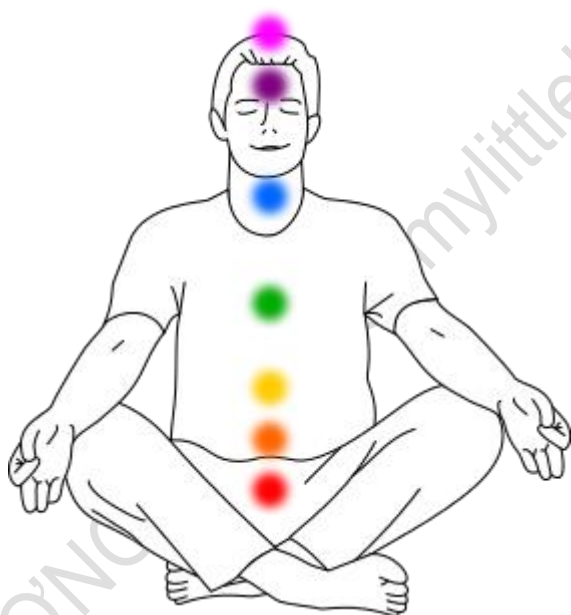
³⁵ Trong Ấn Độ giáo và một số nền văn hóa châu Á, một chakra (Tiếng Việt: Luân xa) được cho là một mối quan hệ của năng lượng tâm linh hay/và sinh lý ẩn trong cơ thể con người.

Luân xa được đề cập sớm nhất trong Áo nghĩa thư (Upanishad), đặc biệt là trong Brahma Upanishad và Yogatattva Upanishad. Những mô hình từ kinh Vệ Đà (Veda) này được theo trong Phật giáo Tây Tạng như là lý thuyết Kim cương thừa (Vajrayana), và trong lý thuyết về luân xa của Tantra Shakta.

Lý thuyết shakta với 7 luân xa chính mà nhiều người phương Tây biết đến, hoặc trực tiếp hay gián tiếp, và chủ yếu nhờ vào bản dịch của hai cuốn sách Ấn Độ, Sat-Cakra-Nirupana, và Padaka-Pancaka, bởi Sir John Woodroffe, bút danh Arthur Avalon, trong cuốn sách có tựa đề Sức mạnh của rắn.

Các luân xa được cho là đem lại năng lượng cho cơ thể và có liên quan đến các phản ứng của cơ thể, tình cảm hay tâm lý của một người. Chúng được xem là các điểm chứa năng lượng sống, hay là prana, (cũng còn được gọi là shakti, hay khí), được cho là lưu chuyển giữa các điểm đó dọc theo các đường chảy gọi là nadis. Chức năng của các chakra là xoay tròn để thu hút vào Năng lượng sống từ vũ trụ để giữ cân bằng cho sức khỏe về tâm linh, tâm lý, tình cảm và sinh lý của cơ thể.

Các luân xa được đặt ở các tầng lớp khác nhau của các mức độ tinh vi của tâm linh, với *Sahasrara* (Luân xa vương miện) tại đỉnh đầu liên quan đến nhận thức thuần túy, và *Muladhara* (Luân xa gốc) tại điểm đáy liên quan đến vật chất, được xem đơn giản như là nhận thức đã được làm thô hóa.



Sahasrara hay là luân xa vương miện được cho là luân xa của nhận thức, luân xa chủ lực điều khiển tất cả các luân xa khác. Vai trò của nó giống như vai trò của tuyến yên (pituitary gland), tiết ra các nội tiết tố (hormone) để điều khiển phần còn lại của hệ thống các tuyến nội tiết, và cũng nối với hệ thần kinh trung ương thông qua vùng não điều khiển thân nhiệt, đói, khát,...(hypothalamus). Vùng não này (thalamus) được cho là có một vai trò quan trọng trong cơ sở vật lý của nhận thức. *Hình tượng hóa bằng hoa sen với ngàn cánh. Màu sắc: Tím hoặc Trắng bạc.*

Ajna hay là con mắt thứ ba, luân xa giữa hai chân mày được nối với tuyến tùng (pineal gland). Ajna là luân xa của thời gian và nhận thức về ánh sáng. Tuyến tùng là một tuyến rất nhạy với ánh sáng, sản sinh ra nội tiết tố (hormone) melatonin, điều khiển các bản năng ngủ là thức tỉnh. Nó cũng được phỏng đoán là cũng sản xuất một lượng nhỏ hóa chất tạo cảm giác lâng lâng là dimethyltryptamine. *Hình tượng hóa bởi một hoa sen hai*

cánh. Màu sắc: chàm (xanh đậm). (Chú thích: có một số tranh cãi về thứ tự của tuyến yên và tuyến tùng trong quan hệ của chúng với luân xa vương miện và luân xa ở giữa hai chân mày, dựa trên các miêu tả trong cuốn sách của Arthur Avalon về kundalini gọi là *Serpent Power - Sức mạnh của rắn* hay là các nghiên cứu thực nghiệm.)

Vishuddha hay là luân xa cổ họng được nói là liên quan đến sự truyền đạt thông tin và sự phát triển, và của việc diễn đạt ý tưởng. Luân xa này song song với tuyến giáp (thyroid), một tuyến cũng nằm trong cổ họng, sản xuất nội tiết tố (hormone) điều khiển sự lớn lên và trưởng thành của cơ thể (thyroid hormone). *Hình tượng hóa bằng một hoa sen có mười sáu cánh. Màu: Xanh da trời.*

Anahata hay là luân xa tim liên quan đến những tình cảm cao hơn, lòng từ bi, tình yêu, sự cân bằng, và tình trạng hạnh phúc. Nó liên quan đến thymus, nằm trong ngực. Cơ quan này là một phần của hệ miễn dịch, cũng như là một phần của hệ nội tiết. Nó sản xuất ra những tế bào T chịu trách nhiệm đánh trả bệnh tật, và bị ảnh hưởng xấu bởi tâm trạng căng thẳng. *Được hình tượng hóa bởi một hoa sen với 12 cánh. Màu: Xanh lá cây*

Manipura hay là luân xa búi mặt trời có liên quan đến sự chuyển đổi từ nền đến các tình cảm cao hơn, năng lượng, sự tiêu hóa và đồng hóa, và được cho là liên quan đến vai trò của tuyến tụy (pancreas) và các tuyến thượng thận nằm phía bên ngoài (adrenal glands), và vỏ thận. Những tuyến này đóng những vai trò quan trọng trong sự tiêu hóa, sự chuyển đổi từ thức ăn thành năng lượng cho cơ thể. *Được hình tượng hóa bởi một hoa sen với 10 cánh. Màu: Vàng*

Swadhisthana hay là luân xa xương cụt được xem là ở vùng háng, và liên qua đến các tình cảm cơ bản, tình dục và sự sáng tạo. Luân xa này được nói là tương ứng với tinh hoàn hay buồng trứng, sản xuất ra nhiều loại nội tiết tố tình dục khác nhau có trong chu kỳ sinh sản, có thể tạo ra những đảo lộn tâm trạng đáng kể. *Hình tượng hóa bởi một hoa sen với 6 cánh. Màu: Da cam*

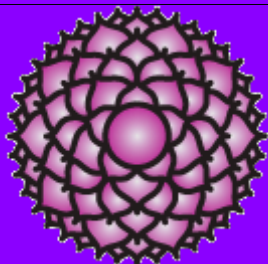
Muladhara hay là luân xa gốc liên quan đến bản năng, sự an toàn, sự sống còn và các tiềm năng cơ sở của con người. Trung tâm này nằm ở vùng giữa cơ quan sinh dục và hậu môn. Mặc dù không có cơ quan nội tiết nào nằm ở nơi đây, nó được nói là liên quan đến tuyến thượng thận ở bên trong (inner adrenal glands), gọi là adrenal medulla, chịu trách nhiệm chống trả khi sự sinh tồn bị đe dọa. Trong khu vực này có một cơ chế điều khiển việc xuất tinh. Một sự song song được đưa ra giữa các tế bào tinh trùng và tế bào trứng, nơi mà

di truyền nằm cuộn xoắn lại, và là nơi chứa kundalini. *Ký hiệu bằng hoa sen với 4 cánh.*

Màu: Đỏ

<https://vi.wikipedia.org/wiki/Chakra>

<http://hdonline.vn/phim-tiet-khi-su-cuoi-cung-4714.html#KztXC37uzURXgT19.97>

Luân xa	Màu sắc	Chức năng chính	Liên hệ với Phần tử	Ký hiệu
Vương miện sahasrāra, सहस्रार	trắng hay tím; có thể mang màu của luân xa vượt trội	liên hệ đến cõi linh thiêng	không gian / ý nghĩ	
Con mắt thứ ba ājñā, अज्ञा	chàm	trực giác, thần giao cách cảm	thời gian / ánh sáng	
Cổ họng viśuddha, विशुद्ध	xanh da trời	lời nói, tự thể hiện bản thân	cuộc sống / âm thanh	
Tim/Phổi anāhata, अनाहत	xanh	tận tụy, tình yêu, lòng thương người, hàn gắn	không khí	

Búi mặt trời maṇipūra, मणिपूर	vàng	chức năng tâm lý, sức mạnh, điều khiển, tự chủ, sự nghiệp	lửa	
Xương cù svādhiṣṭhāna, स्वाधिष्ठान	cam (màu)	tình cảm, năng lượng tình dục, sức sáng tạo	nước	
Gốc mūlādhāra, मूलाधार	đỏ hoặc đỏ san hô	bản năng, sinh tồn, sự an toàn	đất	

Tất cả các giáo lý mang tính tinh thần đều khuyên nhủ chống lại “tính trần tục – *worldliness*”, gợi ý tránh sự quyến luyến với tình dục hoặc tiền bạc, cũng giống như tránh các thái độ và cảm xúc thấp hơn như sự căm thù, đố kỵ, oán hận và ghen tỵ. Sự hấp thụ những khu vực yếu hơn này ngăn chặn sự tiến tới của ý thức.

Những vùng yếu hơn cũng là quỹ tích³⁶ của các sự ham muốn; một người có thể gắn bó với bất kỳ mức năng lượng yếu hơn nào. Hầu hết tất cả các khu vực năng lượng này, và các hành vi gắn liền với chúng, đối với các nhóm chuyên về cải thiện bản thân (*specific self-help groups*) hiện nay, tất cả đều đồng ý rằng không có một hoàn cảnh mang tính tinh thần thì việc phục hồi là điều không chắc chắn, nếu không nói là không thể. Trong các chương trình nâng cao ý thức nói chung, một châm ngôn phổ biến là *một người không có năng lượng cho đến khi người đó nói sự thật - one is powerless until one tells the truth*. Tất cả các nhóm cải thiện bản thân định hướng về tinh thần đều yêu cầu bước đầu tiên. Họ nhất

³⁶ Quỹ tích là một tập hợp các điểm trong không gian, thỏa mãn một tính chất, thuộc tính nào đó

trí rằng một tâm trí cởi mở và sẵn lòng là điều kiện đầu tiên cần thiết cho sự tiến bộ; nói cách khác, một người phải chạm tới khu vực năng lượng 200 bên trong chính người đó để phát triển *khả năng được chữa lành (healable)*. **Sự kéo dài trong vùng ảnh hưởng của các khu vực bên dưới này đưa đến một mối nguy hiểm thực sự đối với việc một người trở nên bị cuốn đi quá sâu đến mức không thể thoát ra.** Tuy nhiên, điều này không phải lúc nào cũng đúng; lịch sử có đã ghi lại **nhiều trường hợp các cá nhân bị cuốn đi rất sâu nhưng lại đột ngột thoát ra và đạt đến mức năng lượng ý thức cao.**

Những bước đột phá đột ngột như vậy vẫn được nhìn thấy trong xã hội hiện đại; điều này, như chúng ta đã thấy, đó là trải nghiệm rõ ràng của Bill W., kết quả là sự thành lập AA. Trải nghiệm này dường như phổ biến đối với việc mô tả một sự biến đổi hoàn toàn của ý thức, sự giải thoát khỏi việc bị cuốn đi trong những khu vực hấp dẫn thấp hơn và rồi đột ngột xuất hiện trong nhận thức cao hơn.

Giống như sự cuốn đi hay sự ảnh hưởng của những vùng năng lượng cao có một sự đồng hóa, hoặc nâng cao sự phát triển, ảnh hưởng đến chủ thể, sự cuốn đi bởi những vùng hấp dẫn yếu hơn có sự đối lập, hay đến một ảnh hưởng dị hóa hay phá hủy; hầu hết ví dụ phổ biến trong văn hóa hiện nay là sự ảnh hưởng của một số dạng âm nhạc rap hung bạo. Trong số các chủ thể thử nghiệm của chúng tôi, âm nhạc của punk rock, death rock, và gangster rap làm mỗi chủ thể yếu đi, được xác nhận trong những quan sát sớm hơn của tiến sĩ John Diamond. Trong nghiên cứu mới đây của nhiều sinh viên (báo cáo tại Cộng hòa Arizona, 4/7/1994), tiến sĩ James Johnson của trường đại học Bắc Carolina đã thấy rằng nhạc rap làm tăng sự chịu đựng và khuynh hướng bạo lực, đồng thời thúc đẩy chủ nghĩa nặng về vật chất và giảm thiểu cả sự chú ý tức thời trong học tập lẫn kết quả lâu dài.

Một trải nghiệm thông thường đã quan sát trong các nhóm điều trị và các trạm y tế là những người nghiện ma túy không phục hồi nếu họ liên tục nghe nhạc heavy metal rock; những người nghiện cocaine điều trị ngoại trú và hội trú trong một năm từ Sedona Vill, chi nhánh của bệnh viện Camelback ở Phoenix, Arizona, đã chỉ ra rằng không một người nghiện cocaine nào tiếp tục nghe thể loại nhạc bạo lực và tiêu cực này có sự phục hồi. Các nhóm cải thiện bản thân khuyên nhủ những người nghiện tránh những sự ảnh hưởng (đó là những vùng năng lượng) từ những lối sống trước đây. Những người nghiện thấy rằng chỉ từ bỏ ma túy là không đủ, điều đó chỉ để tấn công $A \rightarrow B \rightarrow C$ của việc nghiện thuốc. Chừng nào mà họ còn không thể cam kết sẽ hoàn toàn từ bỏ sự ảnh hưởng của những khu vực –

âm nhạc giống như ma túy, đơn giản là một biến cố - thì họ không thể thoát khỏi dòng chảy cuốn vào khu vực hấp dẫn có năng lượng thấp, ABC của việc nghiện thuốc.

Những người nghiện đã phục hồi sau khi rời khỏi khu vực năng lượng của của những chương trình tự cải thiện bản thân của họ tái nghiện một lần nữa nhanh hơn dự đoán. Ngoài từ bỏ việc truyền năng lượng kết hợp giữa những thành viên trong nhóm, họ còn quả quyết rằng họ có thể “đi tiếp một mình – go it alone”. Đây là một triệu chứng hiển nhiên của một sự tái phạm sắp tới giống như sự phát sinh bản ngã, bởi vì nó chỉ ra sự xâm nhập của sự kiêu căng và tự phụ, được hiệu chỉnh ở mức 175, dưới mức năng lượng của khu vực năng lượng cần thiết cho sự chữa lành.

Nguyên tắc tương tự, dĩ nhiên, hoạt động theo hướng khác. **Tìm kiếm sự giác ngộ là tìm kiếm sự cuốn theo những khuôn mẫu hấp dẫn mạnh mẽ nhất. Chìa khóa, một lần nữa, là lặp lại liên tục hành động được lựa chọn.** Ở đây, nguyên tác thuyết hỗn mang về sự phụ thuộc nhạy cảm với điều kiện gốc cung cấp một sự giải thích mang tính khoa học cho con đường truyền thống của sự tiến bộ ý thức. Trong tất cả các sự huấn luyện về tinh thần, khía cạnh ban đầu khẳng định sự nâng cao nhận thức của một người được mô tả như “sẵn lòng”. Lịch sử cho thấy những hiểu biết lâm sàng như là: sự sẵn sàng liên tục là thứ kích hoạt một khu vực hấp dẫn mới và cho phép người đó bắt đầu từ bỏ cái cũ. Chúng ta có thể hình dung một khu vực hấp dẫn yếu hơn đang tiếp cận một khu vực lớn hơn, tại điểm đánh dấu sự đưa vào một yếu tố thứ 3 (như ý chí tự do) ngay lập tức tạo ra một cầu nối (*khuôn mẫu hình yên ngựa - saddle-pattern*) và sự thay đổi xảy ra.

Các huấn luyện tinh thần ở phương Đông, được tin rằng tự mình cầu đạo mà không có sự hỗ trợ bởi bậc thầy hay sự phụ, thì không chắc sẽ có nhiều sự tiến bộ. Kinh nghiệm của AA là một người nghiện rượu thật không thể phục hồi nếu không có sự giúp đỡ của một người đỡ đầu. Trong thể thao, huấn luyện viên tốt được tìm kiếm bởi vì sức ảnh hưởng của họ truyền cảm hứng cho sự cố gắng lớn nhất. Một người mộ đạo có thể đạt được sự tiến bộ của mình chỉ bằng việc tập trung vào một sự phụ cấp cao và bằng cách ấy, liên kết với khu vực năng lượng của sự phụ; trong thử nghiệm của chúng tôi, cho thấy rằng lặp đi lặp lại trong tâm trí hình ảnh của một sự phụ tinh thần cấp cao làm cho mỗi chủ thể mạnh lên, không phân biệt niềm tin cá nhân của họ.

Tác dụng của sự thay đổi trong của chiến mang tính tinh thần của sự biến đổi cá nhân luôn vượt ra khỏi năng lượng của những người tìm kiếm. Những vị thánh vĩ đại, như Francis của thành Assisi, thường khẳng định rằng họ là chỉ là các đường dẫn của năng

lượng cao hơn từ phía ngoài, và không cướp đi sự sáng tạo cá nhân hay thành tựu của trạng thái thuộc về bản thân người đó, điều mà họ cho chỉ là *sự xá miễn (Grace)*. **Người mới đến từ mức năng lượng thấp hơn của nhận thức sẽ đặt bản thân vào trong vùng ảnh hưởng của nhận thức cao hơn, được biến đổi “bởi thẩm thấu – by osmosis” (sự cuốn theo).**

Khi một ai đó đột ngột đi từ vùng ảnh hưởng của một khu vực yếu hơn sang một khu vực cao hơn, nó thường được đánh giá cao như một phép màu. Sự nhận định đáng tiếc về sự trải nghiệm của con người là ít người thoát khỏi các khu vực năng lượng để dần dần đi đến kiểm soát các hành vi của mình. Một chương trình tâm linh phổ biến hiện nay được thiết kế tạo điều kiện thoát khỏi là “*Khóa học về phép lạ - A Course in Miracles*.”. Mục đích của khóa học tâm lý tâm linh này là chuẩn bị nền tảng cần thiết để thúc dục một bước nhảy đột ngột trong ý thức thông qua việc kích thích thay đổi nhận thức. Theo cách truyền thống hơn, cầu nguyện và thiền định cũng cung cấp các điểm khởi hành để từ vùng ảnh hưởng của khu vực năng lượng thấp hơn tăng lên đến khu vực cao hơn.

Các bác sĩ những người bản thân có hiệu chỉnh tại mức 500 và hơn trở thành những người chữa lành mạnh mẽ, và họ đạt được thành công một cách nổi bật với các phương pháp điều trị mặc dù những người khác cũng làm giống vậy nhưng không thể đạt được những kết quả tương tự (và do đó tạo ra dữ liệu nghịch lý trong nhiều nghiên cứu mù đôi). Sự chênh lệch khó giải thích này cho thấy sự can thiệp của năng lượng khó có thể giải thích được bởi lẽ thường, việc giải thích nguyên nhân chiếm ưu thế trong khoa học y khoa. Trong một thế giới toàn ảnh, bất cứ sự kiện “*đơn lẻ - single*” nào thật ra đều là kết quả của tất cả các sự kiện trong vũ trụ; “*các sự kiện – events*” như thế thực tế “*không tự tồn tại no self-existent*” – Kungfu panda 1 - [http://www.phimmoi.net/phim/kung-fu-panda-317/xem-](http://www.phimmoi.net/phim/kung-fu-panda-317/xem-phim.html)

[phim.html](http://www.phimmoi.net/phim/kung-fu-panda-317/xem-phim.html); Không gì là ngẫu nhiên, tất cả đều là tất nhiên, và là kết quả đã được định sẵn (có sẵn). "Trên đời này không có gì là ngẫu nhiên, mọi sự đều là tất nhiên!". Trích lời thoại của Nhân vật phù thủy Yuuko Ichihara – trong bộ truyện tranh XXX Holic của CLAMP Vũ trụ là ý thức của con người. Nó yêu cầu một sự lãnh hội vượt ra khỏi cái chỉ là trí tuệ đơn lẻ. *The universe is man's consciousness. It requires a comprehension beyond that of just the intellect alone.* (Những việc tưởng chừng đơn giản trong cuộc sống thật ra lại là những việc hết sức phi thường, chỉ những bậc trí giả mới thấu hiểu nổi. – Nhà giả kim - Paulo Coelho.

Những thành tựu của lý trí thuần túy (*pure reason*) là các điểm mốc lớn của lịch sử văn hóa. Chúng khiến con người trở thành bậc thầy của môi trường bên ngoài người đó, và

đến một vài cấp độ, tại vũ trụ vật chất, chúng khiến con người trở thành bậc thầy của môi trường bên trong người đó. Nhưng lý trí có những giới hạn của nó, theo nhiều cách hơn một. Sự soi sáng mạng tính trí tuệ ở mức độ 400, rất chói lọi và đáng thêm muốn đối với những người ở trong mức 300s, sự mau lẹ gây nhột nhèo cho những ai đã vượt qua nó (easy come easy go). Từ một quan điểm cao hơn, tất cả quá rõ ràng rằng làm sao mà sự buồn chán và những sự say mê tầm thường của lý trí với bản thân nó có thể trở nên như thế. *Lý trí là một tấm gương hư ảo của tâm trí; cuối cùng, chỉ có vài thứ chán hơn để quan sát hơn là chính sự tự hâm mộ bản thân. - Reason is the mirror of the mind's vanity; ultimately, there are few things more boring to observe than self-admiration.* “Nếu chúng ta lắng nghe 2 người trong một cuộc đối thoại, ta sẽ để ý thấy rằng ai cũng chỉ lắng nghe chính mình.”

– Trích nhân vật tôi (Eran Katz) – Trí tuệ người Do Thái - Eran Katz.

Tính hợp lý (*Rationality*), người giải phóng vĩ đại đã giải phóng chúng ta khỏi những nhu cầu (*demand*) của những đặc tính yếu đuối hơn của chúng ta, nó cũng là cái ngục nghiêm khắc, không nhìn nhận sự vượt ra của chúng ta đối những kế hoạch ở trên và vượt xa khỏi trí tuệ. Những người đã trôi đi ở mức độ 400s, bản thân ý thức trở thành một cái nắp, một cái trần nhà trong sự tiến hóa của ý thức. Có rất nhiều tên tuổi lịch sử vĩ đại được hiệu chỉnh ở mức 499 - Descartes, Newton, Einstein, và hàng chục người khác. Nó là điểm vướng mắc cuối cùng, một rào cản to lớn; sự chiến đấu để vượt qua nó là phổ biến nhất, và thường dài dòng nhất, trong cuộc đấu tranh mang tính tinh thần.

Cũng không phải là không được biết đến, có nhiều nhà khoa học tiên bộ, bị cuốn đi triệt để bởi các sự ảnh hưởng trong *mức độ của lý trí (level of Reason)*, để có những đột phá đột ngột và nổi lên trong khu vực nhận thức chung và trọn vẹn. Thế giới tâm linh trùng hợp với thế giới của *khoa học không xác định (nondeterministic science)* và *các hệ thống phi tuyến tính (nonlinear systems)*, giống như chúng tôi đã cố gắng thể hiện trong cuốn sách này. Nghiên cứu của chúng tôi và sự trình bày này, trên thực tế, được thiết kế để tạo điều kiện cho sự thừa nhận một cách hợp lý các hiện tượng mang tính tinh thần đối với những người chủ yếu là tuyến tính và quen với việc tư duy bằng não trái. Có lẽ việc xây dựng bản đồ của chúng tôi về giải phẫu ý thức có thể hơi làm sáng tỏ bản chất của quan hệ nhân quả tối hậu bằng sự minh họa rằng năng lượng của sự sáng tạo tiến triển/tiếp diễn từ trên xuống hơn là từ dưới lên.

Tuy nhiên, mong đợi của chúng tôi không phải là để làm thành một *giáo lý (dogmatize)*, mà để hỗ trợ người đọc trong quá trình *tự phát giác bản thân (self-revelation)*,

giống như khao khát của chúng tôi là nhắm vào không chỉ những *điều hư không (figment)* biểu thị như bản chất tự hợp lý hóa của người đọc, mà còn là ý thức tổng thể của người đó. Trong nghiên cứu của chúng tôi, đó là toàn bộ những người đã phản ứng lại với kích thích thử nghiệm. **Mặc dù tâm trí của các chủ thể có thể không nhận thức được điều gì đang diễn ra, nhưng tổng thể của người đó chắc chắn nhận thức được, hoặc có thể không nhất trí đối với những ý kiến của chúng tôi. Điều này nhắc nhở chúng ta về việc quan sát các sự phụ về tinh thần cấp cao, mà những người mộ đạo chỉ khám phá ... rằng những điều này họ đều đã biết cả rồi.**

Chapter 23: The Search for Truth – Tìm kiếm chân lý

Mặc dù có thể có sự hoài nghi khi lần đầu nghe thấy, chúng ta phải thừa nhận rằng các mục đích hoạt động hàng ngày, sự thật/chân lý là bất cứ điều gì thuyết phục chủ quan tại mức độ nhận thức hiện tại của một người.

Ở các mức độ ý thức yếu hơn, các đề xuất được chấp nhận như sự thật thậm chí ngay cả khi chúng bất hợp lý, vô căn cứ và các giáo lý được rao giảng không thể chứng minh bằng trí tuệ và cũng không thể mô tả trong thực tế. Nó không phải là một hiện tượng chỉ được giới hạn trong “*thành phần cực đoan quá khích trong một tổ chức - lunatic fringe*”. Thường xuyên, những người vô tội bị kết án và tổng giam bởi những lời khai hợp lý rõ ràng hay những nhân chứng thiên vị. Trên toàn cầu, nền tảng của những cuộc chiến tranh lâu năm (giống như tại Slavic châu Âu hay Trung Đông) là một niềm tin điên cuồng trong sự công bằng của việc trả thù, và nó hầu như đảm bảo cho những xung đột bất tận.

Với một số trường hợp ngoại lệ, ngay cả các tôn giáo viện có rằng đại diện cho các giáo lý của Jesus Christ “*chúa bình an - Prince of Peace*” cũng chưa bao giờ ngăn cấm chiến tranh hay việc giết hại con người trong trường hợp “*chính đáng – justifiable*” – chính đáng, dĩ nhiên, để trở thành kẻ giết người; những nạn nhân của họ rất có thể sẽ quên đánh giá sự biện hộ này. Hành vi tự mâu thuẫn như vậy đối nghịch hoàn toàn với các nguyên tắc cơ bản của đức tin, sẽ ít ngạc nhiên hơn nếu chúng ta áp dụng phân tích nhân tố quan trọng để hiệu chỉnh sự tiến hòa, hoặc sự phân quyền, của các giáo lý tâm linh theo thời gian.

Chúng ta có thể nhìn vào các giáo lý tôn giáo quan trọng nhất theo cách này.

Christianity – Cơ đốc giáo/kitô giáo³⁷

Mức độ chân lý ban đầu được diễn giải bởi Jesus Christ hiệu chỉnh tại mức 1000. Mức độ cao nhất có thể đạt đến được. Tuy nhiên vào thế kỷ thứ 2, mức độ chân lý của việc thực hành những giáo lý này rơi xuống còn 930, và trong thế kỷ thứ 6, nó rơi xuống còn 540. Trong thời kỳ của *cuộc thập tự chinh (Crusades)*³⁸ bắt đầu vào thế kỷ thứ 11, nó giảm xuống mức 498 như hiện nay. Một sự sụt giảm lớn vào năm 325 sau công nguyên rõ ràng bởi vì sự tràn lan những hiểu lầm trong các giáo lý từ công đồng Nicaea³⁹.

Cần lưu ý rằng bản dịch sang tiếng Lamsa từ tiếng Aramaic, của kinh Tân Ước hiệu chỉnh ở mức 750, trong khi phiên bản của vua James từ tiếng Hi Lạp là 500. Giống như phạm vi rộng lớn trong mức độ chân lý của nhiều bản dịch khác nhau, vì thế sẽ có nhiều sự khác biệt trong việc thực hành của các tín đồ cơ đốc giáo.

Hầu hết các tín ngưỡng quan trọng – *Công giáo La Mã, Anh giáo, Cơ đốc khoa học (Catholicism, Anglicanism, Christian Science)* và nhiều giáo phái nhỏ khác, giống như những *Thanh giáo (Quakers)* – được hiệu chỉnh ở mức 500 – 600. (Trong năm 2005, sự hiệu chỉnh của nguyên lý cơ đốc giáo giao động trong khoảng từ 310 đến 535). Mặt khác, những giải thích chuyên ngành, như cuốn sách về *khóa học giảng dạy tâm linh tự học (A Course in Miracles)* hay thần bí giáo của Meister Eckhart (thế kỷ 14) được hiệu chỉnh tại mức 600 700. Và trong trường ở Islam, các nhóm trào lưu cực đoan với các trương trình nghị sự chính trị phản động rõ ràng có thể hiệu chỉnh tại mức thấp (125), hoặc thậm chí thấp hơn.

Buddhism – Phật giáo⁴⁰

Mức độ chân lý của các giáo lý của đức Phật ban đầu cũng là 1000. Trong thế kỷ thứ 6 sau công nguyên, mức độ chân lý trong việc thực hành rơi xuống mức trung bình là 900. Những giáo lý bị xấu đi ít hơn bất kỳ tôn giáo nào khác: *Phật giáo tiểu thừa – Cổ xe nhỏ (Hinayana Buddhism)* vẫn được hiệu chỉnh ở mức 850; *Phật giáo đại thừa – Cổ xe lớn (Mahayana Buddhism)* được hiệu chỉnh ở mức 950; hiện nay việc thực hành *thiền tông*

³⁷ Một trong các tôn giáo khởi nguồn từ Abraham, Abraham là tổ phụ của người Do Thái và người Ả Rập (hai tôn giáo còn lại là Do Thái giáo và Hồi giáo)

³⁸ Thập tự chinh là một loạt các cuộc chiến tranh tôn giáo, được kêu gọi bởi Giáo hoàng và tiến hành bởi các vị vua và quý tộc là những người tình nguyện cầm lấy cây thập giá với mục tiêu chính là phục hồi sự kiểm soát của Kitô giáo với vùng Đất Thánh.

³⁹ Gồm những Giám mục cơ đốc giáo được triệu tập tại Nicea thuộc xứ Bithini (ngày nay là xứ Iznik, Thổ Nhĩ Kỳ) bởi Hoàng đế La Mã Constantine I vào năm 325 sau công nguyên. Nỗ lực đầu tiên nhằm đạt sự thống nhất trong hội thánh Kitô giáo.

⁴⁰ Được Thích Ca Mâu Ni (Shakyamuni) truyền giảng ở miền bắc Ấn Độ vào thế kỷ 6 TCN.

Phật giáo (Zen Buddhism) ở mức 600s. (Năm 2005, sự hiệu chỉnh trong các nhánh nguyên lý Phật giáo giao động trong khoảng 405 – 960)

Hinduism – Đạo Hindu⁴¹

Giáo lý của thần Krishna được hiệu chỉnh ở mức 1000 và xấu đi rất chậm qua thời gian, vì thế chân lý trong sự thực hành hiện nay vẫn được hiệu chỉnh ở mức 850 hoặc hơn (Năm 2005, các sự hiệu chỉnh cho nguyên lý Yoga giao động từ “*Hatha Yoga – kiểm soát tâm trí và cơ thể*” ở mức 390 cho đến “*Jnana Yoga – kiến thức và sự thông thái*” ở mức 975).

Judaism – Đạo do thái⁴²

Các giáo lý của Abraham được hiệu chỉnh ở mức 985; sự thực hành vào thời Moses là 770; mức độ chân lý của Talmud được hiệu chỉnh ở mức 665 (2011). Đạo do thái hiện đại hiệu chỉnh ở mức 499 (Năm 2005, sự hiệu chỉnh đối với các nhánh trong đạo do thái giao động từ 550 tới 605, với kinh Zohar hiệu chỉnh ở mức 905). Kinh cựu ước điều chỉnh ở mức khoảng 475.

Islam – Đạo hồi⁴³

Mức độ ý thức của Mohammed có sự thay đổi. Kinh Koran hiệu chỉnh ở mức 700 (2011). Hạt nhân của niềm tin Hồi giáo là một biểu hiện của việc chấp nhận yêu thương và yên bình bên trong, nhưng sự tiến hóa của giáo lý thực hành bị đan xen từ sự khởi đầu của chính trị trong sự bành trướng lãnh thổ dưới dạng chiến tranh hồi giáo hoặc chiến tranh tôn giáo. Chân lý trong giáo lý đã rơi nghiêm trọng trong cuối cuộc thập tự chinh. Trong thời hiện đại, sự lên ngôi của các phong trào dân tộc cuồng tín, đặc trưng bởi sự kiêu ngạo thái quá và ghét người ngoại quốc nhanh chóng làm xói mòn bản chất tinh thần của niềm tin vào giáo lý. Tại thời điểm hiện tại, mức độ chân lý của các giáo lý về trào lưu chính thống của hồi giáo chiến tranh thay đổi trong khoảng từ 90 đến 130. (Năm 2005, sự hiệu chỉnh của hồi giáo giao động từ Wahhabism ở mức 30 đến Sufism ở mức 700).

⁴¹ Là tên chỉ những nhánh tôn giáo chính có tương quan với nhau và hiện còn tồn tại ở Ấn Độ.

⁴² Hay còn gọi là Đạo Mai Sen (Mosaic Religion) là Đạo tôn thờ Thiên Chúa Yahweh, là Cha của các Tổ Phụ Abraham, Isaac và Israel (Jacob). Ngài cũng là Đấng, qua tay ông Mai Sen, đã giải phóng cho dân Do Thái thoát ách thống khổ bên Ai Cập và mang họ vượt Biển Đỏ trở về quê hương an toàn. Và cũng qua trung gian ông Mai-sen, Thiên Chúa đã truyền cho dân Do Thái và cho cả nhân loại ngày nay Mười Điều Răn như giao ước phải thi hành để được chúc phúc và được sống với Thiên Chúa là tình thương.

⁴³ Rất gần với đạo Do Thái (Judaism) và đạo Thiên Chúa (Christianity), Hệ thống niềm tin của đạo Hồi chứa trong Kinh Koran do Mohammed đọc ra và được bổ túc bằng bộ Hadith, ghi lại những gì Mohammed đã nói và đã làm

Khi chúng ta nhìn vào sự suy giảm mức độ ý thức của chân lý trong các tôn giáo lớn trên thế giới, chúng ta nhận thấy rằng hầu hết “âm – yin” tương đối giữ nguyên qua nhiều thế kỉ, trong khi nhiều “dương – yang” hơn (liên quan đến các sự vấn đề thuộc về vật chất) suy thoái một cách rõ rệt, cho đến khi những đảng phái cực đoan hiếu chiến của hầu hết các tôn giáo tàn bạo hiện nay chìm xuống mức tới hạn của sự toàn vẹn ở mức 200. Nhiều tín điều nhị nguyên, sự vĩ đại dường như dễ bị hiểu sai lệch. Thuyết nhị nguyên luận thúc đẩy sự phân biệt giữa niềm tin và hành động, và sự phân biệt các mức độ chân lý. Khi điều này xảy ra, bản chất mang tính tinh thần có thể bị nhân lẫn trong sự dịch nghĩa sang biểu hiện vật chất. Do đó, khái niệm *chiến sĩ cơ đốc (Christian Soldier)* về tinh thần, trở thành một bản dịch “trực nghĩa – literal” bị sai lạc, một kẻ giết người trên chiến trường tự biện hộ cho bản thân.

Đạo Hindu không rơi vào sai lầm của các mức độ giải thích khó hiểu; trận đánh được mô tả trong phần mở đầu của Bhagavad Gita không bao giờ giải thích sai đối với các gợi ý mà thần Krishna dạy rằng các tín đồ phải tham gia cuộc chiến thực tại. Quan điểm của Đức Phật – rằng nguyên nhân gây ra tất cả mọi đau đớn và đau khổ là “*sự không biết – ignorance*”, và nhiệm vụ của một người là phải thương xót những người khác và cầu nguyện cho họ - nó rất nhạy cảm với sự méo mó.

Sự suy sụp của tất cả các giáo lý tâm linh cao cả là do sự giải thích sai bởi sự kém giác ngộ; mỗi mức độ ý thức xác định khả năng giới hạn của chính nó để nhận thức và lĩnh hội. Cho đến khi ai đó tự mình trở nên giác ngộ, hay ít nhất là trải qua những trạng thái cao hơn của ý thức, tất cả các giáo lý tinh thần tồn tại như tin đồn và vì thế nó dễ bị méo mó và hiểu lầm. Thà rằng không hiểu gì, còn hơn là hiểu mà lại

hiểu không đúng. Kinh thánh có thể được trích dẫn để biện hộ trong bất kỳ trường hợp nào. *Sự đúng lý (righteous)* luôn nguy hiểm bởi những nhận thức công bằng và hệ quả của chúng thờ ơ với bạo lực trong luân lý. Trong bất kỳ tôn giáo nào, các giáo phái trào lưu chính thống luôn hiệu chỉnh ở mức thấp nhất, thường hoạt động ở cùng một mức độ ý thức giống như sự phạm tội; dấu hiệu của họ là chủ nghĩa cực đoan tự kỷ và phi lý. Nhưng với 85% dân số loài người đang hiệu chỉnh ở dưới mức độ tới hạn là 200, và lỗi lầm được lan rộng một cách dễ dàng và được chấp nhận nhanh chóng trên thế giới.

Các tín ngưỡng nảy nở vì công chúng không có tiêu chuẩn khách quan nào với sự phân biệt chân lý từ sự giả dối. Việc sử dụng công cụ trong nghiên cứu này, chúng ta có thể nhận dạng được một hoạt động tinh thần tự nhận là một “tín ngưỡng” có hiệu chỉnh ở

dưới mức 200. Như chúng ta thấy ở trên, các tín ngưỡng không chỉ tự cô lập, mà còn có hiện tượng ly khai; chúng phát triển thành các nhóm nhỏ trong các tôn giáo lớn trên thế giới, các giáo lý bị bóp méo và lật đổ mục tiêu của chúng.

Các tín ngưỡng không nhất thiết phải là các tôn giáo chính thống. Dĩ nhiên, tín ngưỡng tối hậu của chúng là chống tôn giáo dựa trên chống thần, được biết như “*Satan giáo – Satanism*”. Nó không có chương trình nghị sự tôn giáo rõ ràng của riêng mình giống như nó định nghĩa chính mình thông qua phản đề và sự đảo ngược các nguyên lý ban đầu. Một hình thức này hay hình thức khác, nó luôn luôn ở bên chúng ta. Giống như “lên” tiềm “tàng” xuống và “ánh sáng” tiềm tàng “bóng tối”, xã hội loài người sắp đặt việc tìm kiếm chân lý và cam kết với mức độ tin thần cao hơn sẽ luôn tiềm tàng một xã hội sắp đặt việc ban hành sự giả dối và sự biện hộ với những khu vực năng lượng thấp nhất. **Việc kiểm tra bản chất của chống tôn giáo trong thực tế chứng minh sức mạnh phá hoại to lớn của các khu vực năng lượng tiêu cực. Những điều này không may luôn có sẵn trong chúng ta.**

Đạo có thể nói ra

Không là Đạo thường hằng

Khi nổi lên các cực tương đối

Thiên hạ đều biết tốt là tốt,

Thì đã có xấu rồi;

Đều biết lành là lành

Thì đã có cái chẳng lành rồi

Bởi vậy:

Có và không cùng sinh,

Khó và dễ cùng thành,

Dài và ngắn cùng chiều,

Cao và thấp cùng nhau,

Giọng và tiếng cùng hoạ,

Trước và sau cùng theo.

Đạo đức kinh - Lão tử

Những cạm bẫy của Satan giáo trá hình lan rộng giống như những hình dạng của nét đẹp văn hóa tuổi trẻ phổ biến, phương thức cơ bản của nó là một phong cách âm nhạc công khai. Nhưng các nguyên tắc thì tiềm tàng những cạm bẫy, và các nguyên lý sinh ra những khu vực hấp dẫn. Các ảnh hưởng của chúng đều quá quen thuộc đối với bất kỳ bác sĩ nào làm việc gần khu vực đô thị. Sự phá hủy các khu vực năng lượng gây bệnh. Nạn nhân trở nên giảm nhạy bén đối với việc phân biệt giữa thiện và ác, sự đảo ngược các giá trị có thể được khảo sát lâm sàng. Thói quen được tìm thấy thể hiện rõ ràng các hệ thống châm cứu “*thổi bay ra - blown-out*” và sự mất đồng bộ của các bán cầu não trong việc phản hồi lại các khuôn mẫu tiêu cực được lặp đi lặp lại có liên quan đến âm nhạc. Kết quả thuần trên thực tế là một thần trí hôn mê do thôi miên trong suốt thời gian nghe của những người nghe nhạc cảm cao đối với lời bài hát gợi ý bạo lực và sự băng bó. Theo nghĩa này, những đứa trẻ này sẽ trở thành nô lệ theo nghĩa đen, sau đó có xu hướng lên cơn phá hoại một cách hợp lý bên trong bản thân chúng, trên thực tế, “không hiểu tại sao” chúng hành động giống như vậy, giống như chúng đang hành động vô thức với các *gợi ý mang tính thôi miên trụ cột (post-hypnotic suggestion)*. Nhưng ảnh hưởng này sẽ tiếp tục tồn tại. [Thám tử mắt

trái - Hidarime Tantei tập 4: http://bilutv.com/xem-phim/mat-trai-tham-tu-hidarime-tantei-eye-2009-tap-4-1888_e19532.html

Tiếp tục làm suy yếu cơ thể và hệ thống miễn dịch của nó một thời gian dài sau khi âm nhạc ngừng lại, đi kèm với sự đảo ngược của phản hồi kinesiologic. Kích thích tiêu cực có thể làm cho một người bình thường yếu đi một cách nghịch lý lại gây ra một phản hồi mạnh mẽ, trong khi những thứ có thể làm cho một người bình thường mạnh lên ngay tức khắc tạo ra một con người yếu ớt. Không biết rằng mình là những nạn nhân của một khu vực năng lượng tiêu cực mạnh, các thành viên của nét đẹp văn hóa đôi khi chìm vào sự lệ thuộc không thể trốn tránh đối với sự ảnh hưởng vượt qua nhận thức của họ. Thanh thiếu niên phải chịu sự lạm dụng về vật chất, tình cảm và tình dục có thể chịu tổn thương vĩnh viễn trong sự cân bằng dẫn truyền thần kinh của não bộ, trở thành bệnh trầm cảm khi lớn lên, họ có thói quen tìm kiếm đối tượng lạm dụng và phải chiến đấu không ngừng để chống lại xu hướng tự tử, đây là hậu quả lâu dài của các *gợi ý mang tính thôi miên trụ cột*.

Chúng ta có thể muốn phủ nhận rằng tai họa mang tính tinh thần này sẽ gợi lại *thời kì tăm tối (Dark Ages⁴⁴)*, có thể vẫn còn tồn tại độc chất trong xã hội có vẻ như đã được soi

⁴⁴ Thời kỳ Tăm tối là một cách phân kỳ lịch sử dùng để chỉ thời kỳ Trung Cổ, nhấn mạnh sự suy thoái văn hóa và kinh tế, được cho là xảy ra ở châu Âu theo sau sự suy tàn của Đế chế La Mã. Cái tên này sử dụng

roi của chúng ta. Nhưng những ảnh hưởng dai dẳng này không hoạt động trong một khoảng trống đạo đức/luân lý hay nảy sinh từ một ma trận mang tính xã hội, thứ không được liên kết sẵn trong các điều kiện tiên quyết đối với sự phát triển của chúng (các ảnh hưởng). **Nghịch lý của một xã hội khát khe là nó khuyến khích sự căm dỗ liên tục nhưng lại từ chối sự hài lòng, vì thế sự thất bại bất tận của những lối thoát thông thường cuối cùng lại phát hiện sự giải thoát ở trong chính những thứ trái ngược.** Nếu chúng ta quan sát kỹ hơn, chúng ta có thể thấy rằng những phạm vi hoạt động khác của cái chúng ta gọi là “*nền văn minh – civilization*” trong thực tế cũng nuôi dưỡng sự bền lâu của chính nó.

Trong khi thanh thiếu niên đang bị lập trình bởi những chương trình TV đặc biệt và các trò chơi máy tính đề cao bạo lực, cha mẹ của chúng đang bị tẩy não bởi những phương tiện truyền thông của người lớn. Thử nghiệm Kinesiology cho thấy rằng một chương trình TV hoàn toàn điển hình đã làm cho các chủ thể thử nghiệm yếu đi nhiều lần qua từng tập. Mỗi sự kiện làm yếu đi này đã kích hoạt hệ thống miễn dịch của người xem. Mỗi sự suy yếu đã xúc phạm đến các hệ thống thần kinh tự chủ (*autonomic nervous systems*) cũng như trung khu thần kinh của người xem. Sự đi kèm bất biến của mỗi sự phá hoại này của hệ thống châm cứu này sự xóa/phá hủy đi tuyến ức⁴⁵ (*thymus gland*); mỗi sự xúc phạm cũng dẫn đến thiệt hại đối với các hệ thống thần kinh nội tiết và hệ thống dẫn truyền thần kinh tinh vi của não bộ (*brain's delicate neurohormonal and neurotransmitter system*). Mỗi đầu vào tiêu cực cuối cùng đưa người xem đến gần bệnh tật và trầm cảm – hiện nay là một trong những căn bệnh phổ biến trên thế giới.

Các cấp độ tinh vi của chứng trầm cảm cận lâm sàng (*subclinical depression*) giết chết nhiều người hơn tất cả các bệnh khác của nhân loại kết hợp lại. Không có thuốc chống trầm cảm nào sẽ chữa khỏi chứng trầm cảm dựa vào tinh thần, bởi vì tình trạng bất ổn không bắt nguồn từ sự rối loạn chức năng não bộ (*brain dysfunction*), mà từ một phản ứng đúng đắn lại sự xúc phạm thần thánh đối với sự sống. **Cơ thể là sự phản chiếu của tinh thần trong sự biểu hiện vật chất của chính nó, và các vấn đề của nó là kịch bản của các cuộc đấu tranh của tinh thần để đưa nó đến sự sống.** Niềm tin mà chúng ta gán cho

quan niệm tương phản ánh sáng-bóng tối để đối lập thời kỳ "tăm tối" với các thời kỳ "ánh sáng" trước và sau đó.

⁴⁵ Tuyến ức nằm ở trong lồng ngực, phía sau xương ức, thuộc trung thất trước trên, trải dài từ phía dưới cổ họng đến trước tim. Tuyến ức là cơ quan quan trọng để tạo ra hệ miễn dịch. Tuyến ức có chức năng làm biến đổi tế bào miễn dịch lympho T từ dạng tế bào non thành tế bào trưởng thành và có chức năng miễn dịch

“khác thường/rất lạ - out there” thì có sự ảnh hưởng của nó “ngay trong đây – in here”.
Người ta tự giết chính mình - *Everyone dies by his own hand*. Đây là một thực tế lâm sàng
vững chắc, chứ không phải một quan điểm đạo đức.

≈ đã lược bỏ ≈

Có chân lý nào không thuộc về riêng ai (của tất cả mọi người), không phụ thuộc vào
điều kiện hay hoàn cảnh cá nhân hay không?

Chân lý, giống như đã được phát hiện bởi các phương pháp nghiên cứu đã được
giải thích trong cuốn sách này, **chuyển hóa các giá trị của nó từ các nguồn tối hậu vượt
xa hơn nhiều ảnh hưởng của bất cứ khu vực mang tính nhận thức cục bộ nào**. Nó
không đại diện cho nhân cách hay ý kiến và cũng không đổi với bất kỳ điều kiện nào của
chủ thể thử nghiệm hay môi trường. ***Sự không biết (Ignorance)* không sinh ra để công
kích, nhưng nó xóa tan ánh sáng, và không gì phá hủy sự không thành thật nhanh
hơn hành động đơn giản của việc phát giác ra chân lý**. Cách duy nhất để nâng cao
năng lượng của một người trong thế giới là nâng cao sự toàn vẹn của chính họ, hiểu
biết, và có khả năng về lòng trắc ẩn. Nếu đa số loài người có thể được đưa tới nhận thức
này, sự tồn tại của xã hội loài người và hạnh phúc của những thành viên bên trong sẽ vững
chắc hơn.

**Hiệu quả lúc đầu của việc lãnh trách nhiệm đối với chân lý trong cuộc sống của
một người sẽ nâng khu vực năng lượng yếu hơn lên mức 200, đây là mức độ quan
trọng mà tại đó năng lượng lần đầu tiên xuất hiện, và nó là bậc đá để bước tiếp lên
tất cả các mức năng lượng cao hơn**. *Lòng can đảm (Courage)* đối diện với chân lý sau
cùng sẽ dẫn đến *sự chấp nhận (Acceptance)*, nơi mà mức năng lượng cao hơn phát sinh tại
mức 350. Sau đó, tại đây, chính là năng lượng sung túc để giải quyết đa số các vấn đề của
xã hội loài người. Điều này, đến lượt nó, sẽ dẫn đến năng lượng còn lớn hơn ở mức 500,
mức độ của *Yêu thương (Love)*. Hiểu được những điểm yếu của chính mình và của những
người khác sẽ làm tăng sự tha thứ, và sau đó là lòng trắc ẩn. Lòng trắc ẩn là cánh cửa đến
sự xá miễn (Grace), cuối cùng sẽ dẫn đến việc hiểu rõ chúng ta là ai và tại sao chúng ta lại
ở đây, và nguồn gốc tối hậu của tất cả mọi sự tồn tại.

Chapter 24: Resolution – Giải pháp

Sự hấp thụ hoàn toàn những thông tin đã được nêu trong cuốn sách này cho thấy việc có thể tăng mức độ ý thức của một người lên trung bình khoảng 35 điểm. Bởi vì sự phát triển của ý thức trong suốt thời gian sống trung bình của con người sống trên hành tinh này chỉ có 5 điểm, do đó, việc tăng thêm 35 điểm trong nhận thức cá nhân là một lợi ích to lớn bên trong và thuộc về chính nó. Và giống như vật lý lý thuyết nâng cao và động lực học phi tuyến đã chỉ ra rằng, **sự tăng thêm của một cá nhân cũng làm tăng mức độ ý thức của mỗi người trên hành tinh này lên một mức độ nào đó.**

Việc trở nên ý thức hơn là một món quà tuyệt vời mà bất cứ ai có thể tặng nó cho cả thế giới; hơn thế nữa, trong hiệu ứng làn sóng, món quà này sẽ quay trở lại chính người đã trao đi. Trong khi mức độ ý thức của toàn nhân loại đã rơi vào mức nguy hiểm (190) trong nhiều thế kỷ, trong giữa những năm 80, nó đột ngột nhảy lên mức độ đầy hi vọng (204). Lần đầu tiên trong lịch sử, con người hiện nay đang trên vùng an toàn để tiếp tục tiến tới đi lên. Và lời hứa của hi vọng mới xảy ra không quá sớm.

Hiện nay, nhiều vấn đề chúng ta đã thảo luận đang bùng nổ trên nhiều phương tiện truyền thông mới. Từ sự lạc lối của tôn giáo cho đến tận cùng của sự tàn ác chính trị, sự đồi bại sâu sắc của tội ác, sự tham gia của trẻ em trong bạo lực, sự nhầm lẫn về đạo đức trong chính trị, và sự bạo lực kỳ quặc của các giáo phái đều xuất hiện để chống lại một bối cảnh ư chuộng dối trá như đấu thầu xã hội, và thiếu sự động thuận, nó giống như sự chịu trách nhiệm mang tính cá nhân và tập thể dành cho những người xung quanh họ.

Sự nhầm lẫn và tê liệt mang tính xã hội xuất phát từ sự thiếu hướng dẫn, cái mà chúng ta dựa vào để đưa ra những quyết định. May mắn thay, cuốn sách này đã tiến tới và lấp đầy chỗ khuyết này bằng một bài luận khoa học về *đạo đức (Morality)* trong thực tế. Bằng “đạo đức”, chúng ta không chỉ ám chỉ tới các quy tắc đạo đức nhỏ bé của đúng và sai, mà nó còn ám chỉ tới một mục đích và nền tảng con người từ việc ra quyết định và đánh giá về *phẩm hạnh (conduct)* cao nhất trong cuộc sống của chúng ta.

Trong khuôn khổ xã hội, chúng ta chắc chắn có thể chọn lựa việc từ chối sự chấp nhận bị động đối với bất cứ hệ thống chính trị nào có mức độ dưới 200. Thay vào đó, việc áp dụng những khoa học mới được phát triển để kiểm tra và điều chỉnh, có thể bây giờ ngay bây giờ, ví dụ, xây dựng tiêu ra những chuẩn rõ ràng đối với việc chọn lựa ra những người nắm giữ chức vụ cộng đồng để. Mỗi chức vụ yêu cầu mức độ nhận thức tối thiểu cụ

thể để có hiệu quả; nói chung, bất cứ người giữ một chức vụ chính phủ nào có mức độ dưới 200 sẽ không giải quyết vấn đề mà họ sẽ tạo ra vấn đề.

Vấn đề xã hội lớn hơn là như thế nào, theo quan điểm về khía cạnh tối tăm bên trong hành vi của con người thì một người có thể duy trì lòng trắc ẩn. Đó là một thế giới tương đối; hành động của mỗi người bắt nguồn từ mức độ chân lý của chính người đó và do đó người đó tin rằng những hành động và quyết định của mình là “*đúng - right*”; sự rất “*đúng đắn - right-ness*” tạo nên sự cuồng tín rất nguy hiểm. Nhưng nguy hiểm thật sự đối với xã hội không xuất hiện từ sự cuồng tín công khai như *chủ nghĩa da trắng thượng đẳng*⁴⁶ (*white supremacy*) được hiệu chỉnh ở mức 150, vì những sự bất lợi của nó ít nhất có thể được giám sát. **Sự nguy hiểm rất nghiêm trọng đối với xã hội nằm trong dòng chảy im lặng và vô hình, những thứ lén lút chế ngự tâm lý.** Trong quá trình cuốn đi của ý thức cộng đồng/ý thức tập thể, các khu vực hấp dẫn tiêu cực **được nguy trang** bởi sự hung biện và những biểu tượng mang tính chi phối. Hơn thế nữa, nó không phải là thông điệp công khai của sự tiêu cực của đầu vào mà nó **phá hủy ý thức**, nhưng vùng năng lượng lại đi kèm với ý thức.

Sự cực đoan của những tác phẩm phổ biến, ví dụ *ngụy triết học* (*pseudo-philosophy*) là rất rõ ràng. Nhưng thậm chí ngay cả khi được cảnh báo trước, điều này cũng không bảo vệ chúng ta chống lại *dòng chảy không ai hay biết đó* (*unwitting entrainment*) bởi vì những khu vực năng lượng vô hình đã bị kích hoạt ngay khi chúng ta đọc chúng. Người ta có thể nghĩ rằng mình có thể duy trì sự độc lập tâm lý bằng việc phủ nhận mang tính trí tuệ, nhưng **sự phơi nhiễm nhiều hơn đối với những vật chất có ảnh hưởng tiêu cực sâu sắc, sẽ vẫn tiếp tục thập chí ngay cả khi vật chất bị bác bỏ một cách trí tuệ.** Nó giống như việc những con vi rút ẩn có ảnh hưởng tiêu cực xâm nhập vào tâm lý của chúng ta mà không hề bị phát hiện và cảnh báo.

Ngoài ra, chúng ta thường nói lòng sự cẩn thận của mình khi những vật chất chúng ta gặp phải tự gán cho chính nó các đặc tính của sự sáng suốt tinh thần hay tôn giáo, chúng ta quên đi rằng mọi tội ác tàn bạo nhất mà con người có khả năng thực hiện đều được gây ra dưới danh nghĩa chúa trời. Trong khi các giáo phái bạo lực có thể bị khước từ một cách

⁴⁶ Một hệ tư tưởng phân biệt chủng tộc dựa vào niềm tin, và quảng bá niềm tin đó, rằng người da trắng cao cấp hơn trong một số đặc tính, đặc điểm so với những người từ các chủng tộc khác và vì thế dân da trắng nên cai trị về mặt chính trị, kinh tế và xã hội những người da màu.

rõ ràng, các hệ thống tín ngưỡng giả trang như đạo đức thậm chí còn xảo quyệt hơn, vì chúng làm sai lạc bằng dòng chảy thâm lặng của những vùng hấp dẫn vô hình.

Ở đây, tốt nhất là chú ý đến **sự khôn ngoan truyền thống, nó nói với chúng ta rằng đừng sợ cái ác hay chiến đấu với chúng, mà chỉ cần tránh xa chúng** [Tránh voi chẳng xấu mặt nào], **tuy nhiên, để tránh chúng, người ta phải có khả năng nhận biết chúng**. Socrates⁴⁷ đã nói rằng, trên thực tế, nếu không có khả năng đó, thời non trẻ (bao gồm thời non trẻ vẫn tiếp tục tồn tại bên trong mỗi người trưởng thành) bị làm sai lạc bởi các khu vực hấp dẫn có năng lượng thấp. Mặc dù Socrates đã bị xử tử bởi lời giáo huấn về sự phân biệt này nhưng những lời giáo huấn vẫn còn tồn tại: *obscurity is dispelled by augmenting the light of discernment, not by attacking the darkness. Bóng tối bị xua tan bởi việc tăng thêm ánh sáng từ sự phân biệt, chứ không phải bằng cách tấn công bóng tối*. Vấn đề cuối cùng là làm thế nào chúng ta có thể *khai thác và giữ gìn (cultivate and preserve)* năng lượng của *sự phân biệt đạo đức (moral discernment)* một cách tốt nhất.

Cuộc hành trình khám phá của chúng ta cuối cùng dẫn lối cho chúng ta tới quan niệm quan trọng nhất cho tất cả: *Mankind lacks the capacity to recognize the difference between good and evil. Con người ta thiếu khả năng phân biệt sự khác biệt giữa thiện và ác*.

Bằng cách thuận theo một cách khiêm nhường nhận thức này, con người có thể được chuẩn bị sẵn sàng. **Khi chúng ta thừa nhận rằng chúng ta có thể dễ tin và dễ bị quyến rũ bởi các giác quan và bị lừa dối bởi sự mê hoặc (bao gồm cả sự mê hoặc mang tính lý tuệ), nhưng ít nhất chúng ta đã có sự phân biệt ở mức ban đầu**. May mắn thay, trong thế giới của thuyết nhị nguyên, con người đã có sẵn một ý thức có thể phát hiện ngay lập tức cái gì là phá hoại và đánh dấu chúng cho người đó, nói cách khác là tâm trí người đó không hề hay biết, bằng việc làm suy yếu có thể nhìn thấy rõ ràng trong chính người đó đối với kích thích mang tính thù địch. Cuối cùng, sự khôn ngoan giảm thiểu thành sự tiến bộ đơn giản này để tránh đi những thứ làm bạn suy yếu, mà không cần những thứ khác.

Thông qua việc thực hành thường xuyên phương pháp này (sự phân biệt), chúng mù về tinh thần (spiritual blindness) đối với việc phân biệt chân lý và giả dối, có thể dần được thay thế bởi sự phát triển của tầm nhìn mang tính trực giác. Một số ít người may mắn được sinh ra với khả năng bẩm sinh này, họ sống mà không bị cản trở hay tác động bởi những dòng chảy tiêu cực. Nhưng hầu hết chúng ta, cuộc sống không dễ

⁴⁷ Sokrates hay Socrates là một triết gia Hy Lạp cổ đại, người được mệnh danh là bậc thầy về truy vấn.

dàng như thế, chúng ta mất một thời gian dài để khắc phục những hậu quả bằng cách phá hủy những vùng hấp dẫn được tạo thành trong vô thức và lúc bị thôi miên. Sự phục hồi ngay cả đối với một sự nghiện ngập có thể chiếm phần lớn trong cả một quãng đời – và sự nghiện ngập thông thường và xảo quyết nhất là để từ chối/trốn tránh sự u sầu/phiền não của tất cả loài người thông qua sự hảo huyền của trí tuệ.

Trí tuệ, trái ngược với ảo tưởng của nó về sự hùng vĩ, **không chỉ thiếu khả năng nhận ra sự giả dối, mà nó còn thiếu năng lượng cần thiết để bảo vệ chính nó, thậm chí nếu nó đã có khả năng phân biệt**. Cần nhắc đến sự phát triển to lớn của các tác phẩm nghiên cứu trí tuệ trong lịch sử, liệu có khiếm nhã hay không khi nói rằng việc con người được tán thưởng có khả năng là nguyên nhân làm thiếu mất năng lực phán đoán của sự phân biệt? Toàn bộ lĩnh vực triết học chỉ là bằng chứng cho việc con người đã vất vả và thất bại trong hàng ngàn năm chỉ để đạt đến sự thừa nhận đơn giản nhất - cái gì là đúng và cái gì là sai, hay bài diễn thuyết từ rất lâu trước có thể đưa đến một số sự đồng thuận.

Và từ hành vi chung của con người, rõ ràng rằng thậm chí nếu trí tuệ có thể có thể chắc chắn đạt đến kết luận cơ bản này, *nó vẫn thiếu năng lượng để ngăn chặn ảnh hưởng của những khu vực tiêu cực*. Chúng ta vẫn vô thức gây ra đau khổ cho chính chúng ta trong khi trí tuệ tưởng tượng ra tất cả các biện giải hợp lý, tự thôi miên chính nó bằng những ảnh hưởng giống như thế. Thậm chí ngay cả khi một người biết được một cách trí tuệ rằng hành vi của mình là tự hủy hoại thì sự hiểu biết của chính họ sẽ gây ra những cản trở (sự nghi ngờ/ngã lòng) không cần thiết; nhận thức mang tính trí tuệ đối với những sự nghiện ngập của chúng ta sẽ không bao giờ đưa cho chúng ta năng lượng để kiểm soát chúng.

Trong kinh thánh, chúng ta được nói rằng con người bị đau đớn bởi những sự ảnh hưởng vô hình. Sự quan sát bình thường trong kỷ nguyên của chúng ta thì sự âm thầm, những tia năng lượng vô hình được phát ra từ các vật chất tưởng chừng như vô hại; những người đã khám phá ra radium⁴⁸ đã trả giá cho sự hiểu biết về nó bằng sinh mạng của chính họ. Tia X gây chết người và phát xạ giết chết người ta một cách thâm lặng, giống như Radon⁴⁹. Các khu vực năng lượng hấp dẫn phá hủy chúng ta vô hình giống vậy và có sức mạnh không hề thua kém, mặc dù nó tinh tế hơn nhiều.

⁴⁸ Một nguyên tố hóa học có tính phóng xạ, có ký hiệu là Ra và số hiệu nguyên tử là 88 trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học. Nó có màu trắng và dễ bị oxi hóa khi tiếp xúc với không khí sẽ chuyển sang màu đen. Nó là một kim loại kiềm thổ được tìm thấy ở dạng vết trong các quặng urani và có tính phóng xạ cao.

⁴⁹ Radon là một nguyên tố hóa học thuộc nhóm khí trơ trong bảng tuần hoàn có ký hiệu Rn và có số nguyên tử là 86. Radon là khí hiếm phóng xạ không màu, không mùi, là sản phẩm phân rã của radium.

Khi nói rằng ai đó *bị chiếm hữu* (be “possessed”), điều đó có nghĩa là ý thức của người đó đã trở nên bị kiểm soát bởi những khu vực hấp dẫn tiêu cực, là nơi mà người đó không thể tự mình thoát ra. Theo định nghĩa này, chúng ta có thể thấy rằng, tất cả các bộ phận của xã hội bị chiếm hữu triệt để đến mức chính bản thân họ cũng không tự ý thức những động cơ của họ. Sự khôn ngoan nói với chúng ta rằng **những tôn thờ của một người hoặc là thiên đường hoặc là địa ngục và sau cùng họ sẽ trở thành đầy tớ cho chính họ hoặc cho người khác. Địa ngục không phải là một trạng thái được áp đặt bởi phán xét của chúa trời, mà hơn thế, nó là một kết quả tất nhiên cho những quyết định/lựa chọn của chính người đó. Địa ngục là kết quả cuối cùng của việc liên tục lựa chọn tiêu cực và từ đó cô lập chính người đó ra khỏi tình yêu và chân lý.**

Những bậc đã giác ngộ đã luôn mô tả chúng sinh thông thường giống như là “trapped in a dream – mắc kẹt trong mong muốn/ham muốn”; đa số người ta bị điều khiển bởi những sự ảnh hưởng vô hình và hầu hết họ tuyệt vọng với sự thật này trong suốt cuộc đời họ. Chúng ta cầu nguyện với chúa trời để giải thoát chúng ta khỏi những gánh nặng của tội lỗi của chính chúng ta, và bằng ý thức, chúng ta tìm kiếm sự cứu rỗi. Sự hồi hận dường như đan lại vào nhau trong tấm vải sự sống. Sự cứu rỗi đối với những người vô tình bị kẹt lại trong những ảnh hưởng mang tính phá hoại có thể thực hiện được như thế nào?

Thật ra thì, từ quan điểm khoa học, sự cứu rỗi thật sự có tính khả thi; nó được đảm bảo bởi một thực tế đơn giản rằng năng lượng của một ý nghĩ yêu thương có sức mạnh lớn hơn nhiều so với một ý nghĩ tiêu cực. Do đó, giải pháp truyền thống là yêu thương và những lời cầu nguyện là có nên tăng khoa học vững chắc; con người có trong bản chất của chính họ năng lượng cứu rỗi chính mình.

Nhân tính (humanness) có thể được gọi là một sự đau khổ mà tất cả chúng ta đang gánh vác. Chúng ta không nhớ việc chúng ta phải yêu cầu để được sinh ra, và chúng ta thừa hưởng một tâm trí quá hạn chế rằng chúng ta khó có khả năng phân biệt giữa việc ôm ấp sự sống và việc tiến tới cái chết. Toàn bộ sự chiến đấu của sự sống chính là trong việc vượt qua tầm nhìn ngắn hạn này. Chúng ta không thể tiến vào những mức độ cao hơn của sự tồn tại cho đến khi chúng ta nâng cao ý thức tới mức mà chúng ta vượt qua tính 2 mặt (nhị nguyên) và trở nên không còn tầm thường nữa. Có lẽ đó là bởi vì chúng ta sẽ vượt qua để có được khả năng khám phá ra một la bàn bẩm sinh, cuối cùng nó sẽ dẫn chúng ta ra khỏi bóng tối của *sự không biết (ignorance)*. Chúng ta cần một thứ gì đó rất đơn giản, có thể vượt qua những cạm bẫy của trí tuệ xảo quyết luôn

bắt chúng ta phải trả một cái giá quá lớn. **Chiếc la bàn này sẽ chỉ nói “có – yes” hay “không – no”.** Nó nói với chúng ta rằng cái được liên kết với thiên đường sẽ làm chúng ta mạnh mẽ và cái gì được liên kết với địa ngục sẽ làm chúng ta yếu đuối.

Bản ngã của người thường thật ra không phải là “tôi - I” trong tất cả mà nó chỉ là “nó - it”. Nhìn xuyên qua ảo giác này sẽ phát hiện *sự bất diệt (endless)*. Trò đùa của vũ trụ (Cosmic Joke) là nơi trong đó thảm kịch của con người bản thân nó chỉ là một phần của một bộ phim hài. Trải nghiệm trớ trêu của con người là trong việc bản ngã chiến đấu mới quyết liệt làm sao để duy trì ảo giác rằng mình đang tách biệt được cái “tôi” cá nhân, tuy nhiên, đây là việc không thể “bản thể luận⁵⁰” và còn là suối nguồn của mọi đau khổ. **Lý trí của con người không ngừng làm kiệt quệ chính nó để giải thích một việc không thể giải thích được.** Bản thân sự giải thích là rất hài kịch, phi lý giống như cố gắng nhìn phía sau đầu của chính mình, nhưng tính hư ảo của bản ngã là vô hạn và nó trở nên lớn hơn trong sự cố gắng làm ý nghĩa cái không có ý nghĩa. **Tâm trí, trong việc nhận ra bản ngã của nó, là không thể,** bởi sự giới hạn, bao hàm cả thực tại; **nếu nó có thể, nó sẽ phá hủy chính nó ngay lập tức ngay khi thừa nhận** bản chất và nền tảng hão huyền của chính mình. Đơn giản chỉ là **vượt ra khỏi nghịch lý của tâm trí, vượt qua bản ngã, để thứ có giá trị xa hơn giống như việc tự - rõ ràng và soi sáng trong chính sự tuyệt đối vô hạn (infinite Absoluteness) của nó.** Và rồi, tất cả ngôn từ đều trở nên vô ích.

Nhưng có lẽ từ lòng trắc ẩn cho sự mù quáng của những người khác, chúng ta có thể học cách tha thứ chính mình và sau đó bình yên chính là tương lai chắc chắn của chúng ta. Mục đích của chúng ta trên trái đất có thể vẫn còn mơ hồ, nhưng con đường từ nay về sau rất rõ ràng. Với mức độ ý thức của con người hiện nay là trên 200, chúng ta có thể mong đợi những biến đổi lớn lao khắp sự mở mang của loài người, giống như loài người trở nên có trách nhiệm hơn với sự hiểu biết của họ, và từ đó kéo theo hành động. Chúng ta hoàn toàn trở nên có trách nhiệm dù chúng ta có thích điều đó hay không. Chúng ta đang tại một điểm trong sự tiến hóa nhận thức tập thể, nơi chúng ta có thể thậm chí đảm nhận vai trò quản lý chính bản thân ý thức. Nhân tính không bao giờ bị từ bỏ như một cái giá bắt buộc phải trả vì sự *không biết (ignorance)*, hoặc ý thức cộng đồng/ý thức tập thể

⁵⁰ Một khuynh hướng chủ đạo của triết học phương Tây cổ đại, nghiên cứu các khái niệm về thực tại và bản chất của sự tồn tại. Bản thể luận tìm cách mô tả phạm trù tồn tại và các mối quan hệ của phạm trù tồn tại để xác định nên thực thể và các kiểu thực thể bên trong khuôn khổ của tồn tại. Nó chủ yếu giải quyết vấn đề sử dụng từ ngữ một cách chuẩn xác để làm tốt vai trò mô tả thực tại hay thực thể. Bản thể luận luôn phải chỉ rõ những từ ngữ nào dùng để chỉ những thực thể nào, những từ ngữ nào không, tại sao, và phạm trù kết quả là thế nào.

của chúng ta sẽ không tăng lên mức độ mới. **Từ nay về sau, con người có thể lựa chọn không trở thành nô lệ cho bóng tối, số mệnh của con người có thể được khẳng định.**

Ngạn ngữ Trung Quốc cổ xưa (Old Chinese proverb):

“种树的最好时间是 20 年前，第二的好时间就是现在。”

"The best time to plant a tree was 20 years ago. The second best time is now."

Thời điểm tốt nhất để trồng một cái cây là 20 năm trước. Thời điểm tốt tiếp theo là ngay bây giờ.

Vinh quang thiên chúa trên các tầng trời!

Appendices – Phụ lục (lược bỏ)

Appendix A Calibration of the Truth of the Chapters – Sự hiệu chỉnh chân lý trong các chương

Appendix B Map of Consciousness® - Bản đồ ý thức

Appendix C How to Calibrate the Levels of Consciousness – Làm thế nào để hiệu chỉnh các mức độ ý thức

General Information – Thông tin chung

Technique – Kỹ thuật

Calibration of Specific Levels – Sự hiệu chuẩn của các mức độ cụ thể

Numerical Calibration – Hiệu chuẩn số

Applications – Các ứng dụng

To Calibrate A Level – Hiệu chỉnh mức độ A

General Information – Thông tin chung

Expertise – Ý kiến chuyên môn

Limitations – Các giới hạn

Explanation – Giải thích

Disqualification – Nguyên nhân

Discrepancies – Các sự tương phản

Note – Ghi chú

References – Tham khảo (lược bỏ)

End Notes – Chú giải (lược bỏ)

Glossary – Thuật ngữ (lược bỏ)

About the Author – Đôi nét về tác giả (lược bỏ)